

CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

---\*---

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP  
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
của cơ sở**

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG”**

**Địa điểm: Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội.**

*Bình Minh, tháng 03 năm 2026*

CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

---\*---

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP  
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
của cơ sở

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG”**

Địa điểm: Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội.

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**



**Nguyễn Thị Vân Anh**

**CHỦ CƠ SỞ**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Đỗ Trọng Không*

*Bình Minh, tháng 03 năm 2026*

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	v
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	vi
DANH MỤC HÌNH ẢNH .....	viii
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	1
1. Tên chủ cơ sở: .....	1
2. Tên Cơ sở .....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	4
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	4
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	9
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở.....	9
4.2. Nhu cầu cấp điện, cấp nước của Cơ sở.....	11
4.3. Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.....	15
5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở.....	21
5.1. Hiện trạng khu đất của cơ sở.....	21
5.2. Tóm tắt xuất xứ hoạt động của cơ sở.....	24
5.3. Sản phẩm của cơ sở 3 năm gần nhất.....	25
5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện sản xuất .....	25
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	26
2.1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: .....	26
2.1.1. Sự phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia .....	26
2.1.2. Sự phù hợp với quy hoạch với quy hoạch cụm công nghiệp.....	27
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường: .....	27
2.2.1. Đối với nước thải .....	27
2.2.2. Đối với môi trường không khí .....	27
2.2.3. Đối với chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại .....	28

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	29
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	29
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	29
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	32
3.1.2.1. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.....	32
3.1.2.2. Thu gom, thoát nước thải sản xuất .....	33
3.1.3. Xử lý nước thải .....	37
3.1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt.....	37
3.1.3.2. Xử lý nước thải sản xuất .....	39
3.1.3.3. Xử lý nước thải tập trung .....	40
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	44
3.2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải lò hơi.....	46
3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khác.....	49
3.3. Các công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	50
3.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	50
3.3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	51
3.4. Các công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....	52
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	54
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	55
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	60
3.7.1. Đánh giá tác động đối với nước thải .....	63
3.7.2. Đánh giá tác động đối với bụi, khí thải .....	63
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	65
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	65
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải .....	65
4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải .....	65
4.1.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:.....	65
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	66
4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải .....	66
4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải .....	66
4.2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất .....	67

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	67
4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	67
4.3.2. Giá trị giới hạn về tiếng ồn, độ rung.....	68
4.4. Nội dung yêu cầu quản lý đối với chất thải .....	68
4.4.1. Chung loại, khối lượng chất thải.....	68
<b>CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>71</b>
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	71
5.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường .....	71
5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền.....	72
5.2. Kết quả hoạt động công trình xử lý nước thải .....	72
5.2.1. Tình hình xả nước thải của cơ sở.....	72
5.2.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ với nước thải.....	73
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.....	77
5.4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải) .....	80
5.5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất) .....	80
5.6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.....	80
5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở .....	80
<b>CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>81</b>
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở:.....	81
6.1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến .....	81
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:.....	82
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	83
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm. ....	83
<b>CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....</b>	<b>83</b>
7.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường .....	84

7.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan ..... 84

## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

<b>Ký hiệu viết tắt</b>	<b>Giải thích</b>
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
DO	Hàm lượng ô xy hòa tan trong nước
KHBMVMT	Kế hoạch bảo vệ môi trường
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCCP	Quy chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia
QLMT	Quản lý môi trường
RTSH	Rác thải sinh hoạt
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TSS	Chất rắn lơ lửng
XLKT	Xử lý khí thải
XLNT	Xử lý nước thải

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, hóa chất cho sản xuất.....	9
Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng hóa chất.....	11
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng điện năng của cơ sở .....	12
Bảng 1. 4. Bảng nhu cầu cấp nước của nhà máy.....	14
Bảng 1. 5. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở .....	14
Bảng 1.6. Bảng danh mục thiết bị phục vụ sản xuất.....	15
Bảng 1. 7. Quy mô công trình của cơ sở .....	21
Bảng 1. 8. Bảng tổng hợp số lượng hàng sản xuất nhập kho thành phẩm.....	25
Bảng 1. 9. Bảng phương án sản xuất của cơ sở.....	25
Bảng 3. 1. Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước mưa.....	31
Bảng 3. 2. Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở .....	37
Bảng 3. 3. Lượng hoá chất sử dụng cho trạm xử lý NT tập trung .....	41
Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung .....	44
Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải lò hơi.....	47
Bảng 3. 6. Thống kê khối lượng CTCNTT .....	51
Bảng 3.7. Bảng tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại của cơ sở .....	52
Bảng 3. 8. Nội dung thay đổi so với kế hoạch bảo vệ môi trường.....	61
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải .....	66
Bảng 4. 2. Bảng giá trị giới hạn nồng độ các chất các ô nhiễm sau xử lý của khí thải trước khi xả thải ra môi trường.....	67
Bảng 4. 3. Giới hạn đối với mức ồn .....	68
Bảng 4. 4. Giới hạn đối với độ rung.....	68
Bảng 4. 5. Bảng tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại của cơ sở .....	68
Bảng 4. 6. Khối lượng chất thải rắn thông thường, CTCNTT .....	69
Bảng 5. 1. Bảng tình hình xả nước thải của cơ sở năm 2024 – 2025.....	72
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2024 của cơ sở.....	73
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2025 của cơ sở.....	75
Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc định kỳ khí thải năm 2024 của cơ sở.....	77

Bảng 5. 6. Kết quả quan trắc định kỳ khí thải năm 2025 của cơ sở .....	78
Bảng 5. 8. Bảng tổng hợp khối lượng phát sinh chất thải rắn của cơ sở năm 2024, 2025 .....	80
Bảng 6. 1. Thời gian vận hành thử nghiệm.....	82
Bảng 6. 2. Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu giai đoạn vận hành thử nghiệm.....	82

## DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. 1. Vị trí khu vực trên bản đồ vệ tinh .....	2
Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất của cơ sở.....	5
Hình 1. 3. Một số hình ảnh sản phẩm sản xuất của nhà máy.....	9
Hình 1. 4. Hình ảnh vườn dược liệu của cơ sở.....	11
Hình 1. 5. Một số hình ảnh khu vực sản xuất của nhà máy .....	21
Hình 1. 6. Mặt bằng bố trí các hạng mục công trình của cơ sở .....	23
Hình 1. 7. Một số hình ảnh nhà máy .....	24
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của cơ sở .....	30
Hình 3. 2. Hình ảnh hệ thống thu gom nước mưa của khu vực cơ sở.....	31
Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở.....	33
Hình 3. 4. Sơ đồ thu gom nước thải sản xuất.....	35
Hình 3. 5. Sơ đồ thoát nước thải tại cơ sở.....	36
Hình 3. 6. Vị trí điểm xả nước thải của cơ sở .....	36
Hình 3.7. Minh hoạt bể tự hoại 3 ngăn.....	37
Hình 3.8. Minh hoạt bể tách dầu mỡ.....	39
Hình 3. 9. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m <sup>3</sup> /ngày đêm .....	42
Hình 3. 10. Hệ thống xử lý nước thải 50m <sup>3</sup> /ngày đêm.....	46
Hình 3. 11. Sơ đồ thu gom khí thải lò hơi.....	46
Hình 3. 12. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi tại cơ sở.....	49
Hình 3. 13. Thiết bị, vị trí tập kết CTRSH .....	51
Hình 3. 14. Kho lưu chứa chất thải nguy hại .....	54

## CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. Tên chủ cơ sở:

- **Tên chủ cơ sở:** Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng
- + Địa chỉ trụ sở chính: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội.
- + Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Lê Thị Thu Hương
- + Chức danh: Giám đốc
- + Số điện thoại: 02433978022                      Fax: 0433525293
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 0500389063 đăng ký lần đầu ngày 15/11/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/11/2025.

### 2. Tên Cơ sở

#### NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

(Sau đây gọi tắt là “Cơ sở” hoặc “Nhà máy”)

- **Địa điểm thực hiện cơ sở:** Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội.

Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở là 15.655,7 m<sup>2</sup> (Theo Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Bình Minh và theo hợp đồng thuê đất số 370/HĐTD ngày 14/8/2013 của UBND thành phố Hà Nội).

Ranh giới của cơ sở Nhà máy chế biến dược liệu và sản xuất thành phẩm thuốc y học cổ truyền Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng được mô tả như sau:

- Phía Bắc: Giáp tuyến đường nội bộ của cụm công nghiệp
- Phía Đông: Giáp đất trống
- Phía Nam: Giáp tuyến đường nội bộ của cụm công nghiệp
- Phía Tây: giáp kho trống



**Hình 1. 1. Vị trí khu vực trên bản đồ vệ tinh**

**- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan của cơ sở:**

- + Giấy phép xây dựng số 02/GPXD ngày 15/02/2004 của huyện Thanh Oai;
- + Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 28/CNTD-PCCC ngày 14/01/2010 do phòng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy cấp.

**- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường thành phần:**

+ Phiếu xác nhận số 196/XN-TN&MT ngày 26/9/2006 của Sở Tài nguyên và môi trường về đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường xưởng sản xuất, chế biến thuốc đông dược;

+ Giấy xác nhận số 72/UBND-XNMT ngày 06/03/2009 của UBND huyện Thanh Oai về đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án nhà máy sản xuất Đông dược Phúc Hưng;

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 01.000185.T ngày 09/07/2015 của Sở Tài nguyên và môi trường cấp lần 3.

**- Quy mô của cơ sở:**

***Theo Luật đầu tư công***

Loại hình cơ sở: Y tế

Tổng mức đầu tư thực hiện của cơ sở là: 74.000.000.000 đồng (*Bảy mươi tư tỷ đồng*).

Theo điểm a khoản 5 Điều 9 và khoản 4 Điều 11 của Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024, cơ sở tương đương với dự án thuộc nhóm B (*Dự án công nghiệp có tổng mức đầu tư dưới 90 tỷ đồng*).

**- Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:** Căn cứ theo điều 5, Nghị định 48/2026/NĐ-CP Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025NĐ-CP, Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

**- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:** Sản xuất thuốc, thực phẩm từ thảo mộc.

Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**- Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường**

Căn cứ STT 3, Mục III, Phụ lục V, phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Cơ sở tương đương với dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động

xấu đến môi trường.

Căn cứ Khoản 2, Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường 2020, Cơ sở thuộc đối tượng phải lập Giấy phép môi trường trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở được lập theo mẫu số 22d, Phụ lục II, Thông tư 09/2026/TT-BNMNT Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở**

#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

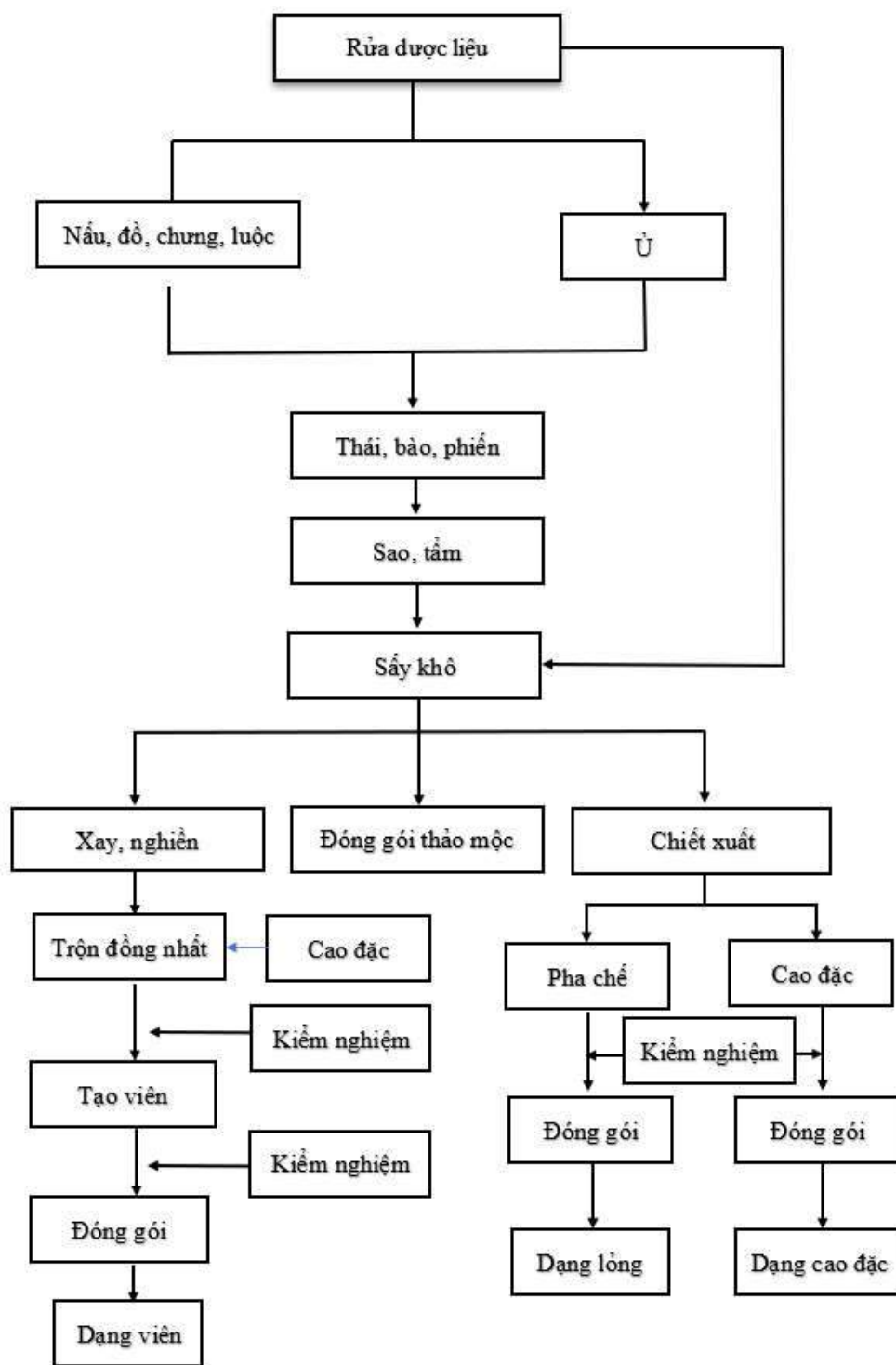
Dạng lỏng 160.000kg/năm

Dạng viên 160.000kg/năm

Dạng thảo mộc 15.000kg/năm

#### **3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Quy trình sản xuất của cơ sở được thể hiện tại quy trình sau:



**Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất của cơ sở**

\* Thuyết minh quy trình

1. Rửa Dược liệu

- Mục đích: Làm sạch, làm mềm dược liệu để thuận lợi cho việc bào, thái dược liệu.

- Phương pháp: Rửa bằng nước sạch đến khi hết tạp cơ học như: đất, cát, sỏi, ...

#### 2.1 Ủ

- Mục đích: Làm mềm dược liệu.

- Phương pháp: Dược liệu rửa sạch, cho vào thùng, chậu. Dùng vải tẩm ẩm phủ kín. Trong quá trình ủ phải đảo đều, có thể phun thêm nước đến khi đạt theo yêu cầu.

#### 2.2 Nấu

-Mục đích: Làm mềm dược liệu, diệt các enzym giúp ổn định hoạt chất;

Phương pháp: Dược liệu cho vào nồi. Đổ ngập nước hoặc dịch phụ liệu. Sau khi đun sôi thì duy trì nấu ở nhiệt độ sôi âm i cho tới khi dược liệu chín kỹ.

#### 2.3. Đò

-Mục đích: Làm mềm dược liệu, diệt các enzym giúp ổn định hoạt chất;

-Phương pháp: Dược liệu được xếp lên vỉ (nhôm, thép không rỉ, gỗ, tre...), loại to xếp dưới, nhỏ ở trên. Nếu có phụ liệu thì xếp xen kẽ từng lớp. Giữa vỉ và nước trong nồi (chõ) có khoảng cách để dược liệu không tiếp xúc với nước. Đò cho tới khi dược liệu được chín đều.

#### 2.4. Luộc

-Mục đích: Làm mềm dược liệu, diệt các enzym giúp ổn định hoạt chất;

-Dược liệu được làm mềm, cho vào nồi loại to xếp dưới loại nhỏ xếp ở trên. Đổ ngập nước hoặc dịch phụ liệu. Sau khi đun sôi thì lấy dược liệu ra, để ráo nước.

#### 2.5. Chung

-Mục đích: Thay đổi tính vị của vị thuốc theo mục tiêu điều trị, tạo mùi vị thơm, giảm vị đắng chát, dễ hấp thu.

-Phương pháp: trộn dược liệu với dịch phụ liệu, đảo đều, ủ cho mềm, sau đó cho vào dụng cụ bằng inox hoặc nhôm, đặt vào nồi có sẵn nước, đậy kín và đun cách thủy trong nhiều giờ và có thể nhiều ngày đến khi đạt yêu cầu.

### 3. Thái, bào phiến

-Mục đích: Phân chia dược liệu đến kích thước thích hợp.

- Phương pháp: Sử dụng các dụng cụ thái, chặt, bào để phân chia dược liệu đến kích thước thích hợp. Dược liệu có thể chất dai, rắn chắc thì thái mỏng; dược liệu có thể chất giòn, thì thái dày hơn;

#### 4.1. Sao

-Mục đích: Tạo mùi thơm, làm khô hạn chế mốc, mọt, tăng tác dụng thuốc

-Phương pháp: Làm chảo nóng đến nhiệt độ phù hợp, cho dược liệu vào, đảo đều, nhanh đến khi dược liệu khô, mùi thơm, đạt yêu cầu.

## 4.2. Tắm

-Mục đích: Tăng hương tác dụng của vị thuốc bằng cách tắm với phụ liệu thích hợp (rượu, gừng, muối ...)

-Phương pháp: Phun hoặc trộn đều dịch phụ liệu với dược liệu, ủ, đảo cho thấm hết, thấm đều.

## 5. Phương pháp sấy

-Mục đích: Làm khô dược liệu và bảo quản được tốt hơn.

-Phương pháp: Cho dược liệu cần sấy vào các khay và tiến hành sấy trong tủ sấy. Nhiệt độ sấy khoảng 50 - 60°C. Sấy tới khi đạt độ ẩm thích hợp.

Sau khi hoàn thành công đoạn sấy, tùy theo yêu cầu của từng dòng sản phẩm, dược liệu có thể được đưa trực tiếp sang công đoạn đóng gói thảo mộc thành phẩm hoặc tiếp tục chuyển sang các công đoạn chế biến tiếp theo để sản xuất các dạng sản phẩm khác như dạng viên, dạng lỏng hoặc cao đặc, cụ thể như sau

### 6.1. Đối với dạng viên

- Xay, nghiền:

+ Dược liệu sau khi sấy khô được xay nghiền thành bột mịn để chuyển sang đồng nhất, tạo viên.

- Trộn đồng nhất

+ Cho cao đặc, bột dược liệu, tá dược vào máy trộn/ trộn siêu tốc, tiến hành trộn tới khi được hỗn hợp đồng nhất.

+ Cho hỗn hợp sau nhào trộn vào máy sấy tầng sôi, sấy ở nhiệt độ 60 – 70°C cho đến khô, độ ẩm không quá 5%.

+ Xay nhỏ hỗn hợp sau nhào trộn, thu được cốm/bột.

+ Cho tá dược tron, cốm thuốc và nguyên liệu khác (nếu có) vào máy trộn lập phương.

+ Bật máy trộn đều khoảng 15 phút, tốc độ 15 vòng/phút.

+ Đựng cốm/bột trong thùng nhựa có lót sẵn túi nylon, ghi nhãn bán thành phẩm.

+ Lấy mẫu kiểm nghiệm bán thành phẩm, khi có kết quả kiểm nghiệm bán thành phẩm đạt yêu cầu thì chuyển sang giai đoạn dập viên/đóng nang/chia viên hoàn.

- Tạo viên

+ Cho cốm/bột sau đồng nhất vào thiết bị phù hợp (máy dập viên, máy đóng nang, máy chia viên), thực hiện sản xuất để tạo dạng viên tương ứng.

+ Bao viên bằng dịch bao đường/dịch bao phim/bao màu để tạo thành viên hoàn chỉnh.

+ Tiến hành sấy, sửa viên để thu được viên đạt hình thức, độ ẩm.

+ Lấy mẫu kiểm nghiệm bán thành phẩm, khi có kết quả kiểm nghiệm bán thành phẩm đạt yêu cầu thì chuyển sang giai đoạn đóng gói.

6.2. Đóng gói thảo mộc:

- Thảo mộc sấy khô được cân chia, đóng gói trong bao bì lọ hoặc túi nilon.

6.3. Dạng lỏng và cao đặc:

Chiết xuất dược liệu:

Cho dược liệu của từng mẻ vào nồi chiết xuất.

Bơm nước ngập dược liệu 20cm, mở van hơi cho đến khi sôi thì bắt đầu tính thời gian, đồng thời điều chỉnh van hơi để nước trong nồi sôi nhỏ đều. Đun sôi trong 3 giờ. Rút dịch chiết 1 vào thùng chứa dung tích 3000 lít.

Thêm nước ngập dược liệu, đun sôi trong 2 giờ. Thao tác tương tự như trên, tiến hành rút dịch chiết 2 vào thùng chứa dung tích 3000 lít ở trên.

Trong quá trình chiết xuất, thường xuyên bổ sung nước sao cho lượng nước luôn ngập dược liệu.

Rút dịch chiết vào bình để lắng. Để dịch lắng trong 3 giờ, gạn, rồi tiến hành cô dưới áp suất giảm cho đến khi thu được cao lỏng có tỷ trọng đạt yêu cầu.

Tiếp tục cô dưới áp suất thường cho đến khi thu được cao đặc dược liệu có tỷ trọng quy định.

Gộp lượng cao đặc thu được của 3 mẻ chiết xuất.

Dạng cao đặc:

Cao đặc thu được từ công đoạn chiết xuất được lấy mẫu kiểm nghiệm.

Khi có kết quả kiểm nghiệm bán thành phẩm đạt yêu cầu, chuyển sang giai đoạn đóng gói.

Dạng lỏng:

Pha chế: Cho khoảng nước vào bồn pha chế, mở van hơi cho đến khi sôi. Hòa tan lần lượt chất bảo quản, đường kính, khuấy đều cho đến khi tan hết.

Thêm cao đặc dược liệu đã chuẩn bị ở trên, khuấy đều cho đến khi cao tan hết được cao lỏng đồng nhất, đun sôi và lọc nóng.

Lấy mẫu kiểm nghiệm bán thành phẩm.

Khi có kết quả kiểm nghiệm bán thành phẩm đạt yêu cầu, chuyển sang giai đoạn đóng gói.

### **3.3. Sản phẩm của cơ sở**

Dạng lỏng 160.000kg/năm

Dạng viên 160.000kg/năm

Dạng thảo mộc 15.000kg/năm



Dạng lỏng



Dạng viên

Hình 1. 3. Một số hình ảnh sản phẩm sản xuất của nhà máy

**4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

**4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở**

Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất của cơ sở chủ yếu là các loại dược liệu có nguồn gốc tự nhiên, được thu mua từ các đơn vị cung ứng hợp pháp trong nước. Các nguyên liệu này được sử dụng làm đầu vào cho quá trình sản xuất cao dược liệu, bột dược liệu và các dạng sản phẩm từ dược liệu.

Khối lượng từng loại nguyên liệu sử dụng được xác định trên cơ sở kế hoạch sản xuất hằng năm, nhu cầu thực tế của thị trường và cơ cấu sản phẩm của cơ sở trong từng giai đoạn.

**Bảng 1. 1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, hóa chất cho sản xuất**

STT	Tên nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	Khi đạt tối đa công suất
1	Bạch quả	kg	4.000	0	6.000
2	Đan Sâm	kg	2.000	0	4.000
3	Bạch truật	kg	4.230	2.500	8.000

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cơ sở “Nhà máy sản xuất Đông dược Phúc Hưng”

STT	Tên nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	Khi đạt tối đa công suất
4	Tục đoạn	kg	3.500	4.000	6.000
5	Bạch linh	kg	4.000	4.481	8.000
6	Bạch thược	kg	3.997	5.996	12.000
7	Cam thảo	kg	10.228	6.307	18.500
8	Hoàng Kỳ	kg	15.250	6.350	30.000
9	Cát cánh	kg	3.000	1.000	9.200
10	Độc hoạt	kg	4.500	5.500	10.000
11	Bạch quả	kg	500	0	1.500
12	Chi tử	kg	6.000	5.890	10.000
13	Đương quy	kg	16.468	11.090	30.000
14	Mộc qua	kg	200	0	480
15	Đỗ trọng	kg	4.224	4.309	10.000
16	Mộc Hương	kg	1.393	0	3.500
17	Xuyên khung	kg	13.455	15.350	30.000
18	Tế tân	kg	520	500	1.000
19	sinh địa	kg	19.506	15.422	30.000
20	Tô tử	kg	2.000	2.500	9.800
21	Phong phong	kg	3.865	4.490	6.000
22	tân giao	kg	2.300	8.830	16.000
23	Ngũ vị tử	kg	1.000	0	2.400
24	Xuyên bối mẫu	kg	0	2.200	4.400
25	Tam thất	kg	0	500	1.000
26	Hoàng Liên	kg	0	1.050	2.100
27	Mộc Hương	kg	0	1.000	2.000
28	Tỳ bà Diệp	kg	0	2.000	4.000
29	Tiền hồ	kg	0	1.000	2.000
30	Than cục xô	kg	402.730	330.000	400.000
	<b>Tổng</b>		528.866	442.265	677.880
31	Isopropanol HPLC	lit	4	6	20
32	N - Hexan	lit	2	4	13
33	Acid hydro cloric (KNo)	lit	5	4	21
34	Ethanol	lit	10	14	52
35	Cloroform	lit	31	34	90
36	Ethyl acetat	lit	35	30	100
37	Acid Sulfuric	lit	2	2	10
38	Ether ethylic	lit	30	43	158
39	Toluen	lit	21	16	82
40	Methanol HPLC	lit	87	113	320
41	Cyclohexan	lit	7	0	17
42	Amonium Hydroxyd PA	lit	3	4	16
43	Acetonitril HPLC	lit	62	93	200
44	Ether dầu 30°C - 60°C	lit	15	10	55
45	Ether dầu 60°C - 90°C	lit	4	6	23

STT	Tên nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	Khi đạt tối đa công suất
46	N - Butanol	lit	26	17	95
47	Dầu DO	lit	400	350	600
	<b>Tổng</b>		<b>744</b>	<b>745</b>	<b>1.872</b>

Nguồn: Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

**Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng hóa chất**

STT	Tên hoá chất	Lượng sử dụng (kg/năm)
1	NaOH	2.250
2	Clorine	75
3	Chế phẩm vi sinh	15

Trong khuôn viên nhà máy hiện có bố trí 01 khu đất trồng một số loại cây dược liệu nhằm phục vụ mục đích tham quan, giới thiệu và nhận biết dược liệu cho cán bộ, người lao động và khách đến tham quan cơ sở.

Khu vực này được trồng với quy mô nhỏ, mang tính chất trưng bày, giáo dục và giới thiệu.

Hoạt động trồng và chăm sóc dược liệu tại khu vực này không sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật độc hại, không phát sinh nước thải, khí thải đáng kể và không gây tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh. Khu vực trồng dược liệu được quản lý, chăm sóc thường xuyên, đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan khuôn viên nhà máy.



**Hình 1. 4. Hình ảnh vườn dược liệu của cơ sở**

#### 4.2. Nhu cầu cấp điện, cấp nước của Cơ sở

##### 4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

###### \* Nguồn cấp điện

Nguồn cấp điện cho hoạt động của cơ sở do Công ty điện lực Thanh Oai cung cấp.

Ngoài ra, nhà máy được trang bị 01 máy phát điện dự phòng công suất 275kVA nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất và vận hành không bị gián đoạn trong trường hợp xảy ra sự cố mất điện từ lưới điện.

\* **Giai đoạn hoạt động hiện tại:** Nhu cầu sử dụng điện năm 2025 như sau:

**Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng điện năng của cơ sở**

Tháng	Năm 2024 (kWh)	Năm 2025(kWh)
Tháng 1	109.000	64.200
Tháng 2	63.200	66.200
Tháng 3	18.800	84.800
Tháng 4	86.400	86.400
Tháng 5	96.000	74.800
Tháng 6	81.800	19.400
Tháng 7	78.000	37.400
Tháng 8	88.800	106.000
Tháng 9	77.000	92.600
Tháng 10	89.400	92.800
Tháng 11	75.000	50.400
Tháng 12	73.400	50.000
<b>Tổng (năm)</b>	<b>945.200</b>	<b>825.000</b>
<b>Trung bình (tháng)</b>	<b>78.767</b>	<b>68.750</b>
<b>Trung bình (ngày)</b>	<b>3.151</b>	<b>2.750</b>

*Nguồn: Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng*

Điện năng tiêu thụ năm 2025 của cơ sở tổng là 825.000 kWh tương đương với trung bình khoảng 68.750kWh/tháng  $\approx$  2.750kWh/ngày (Nhà máy hoạt động khoảng 300 ngày/năm, nghỉ các ngày Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định của Nhà nước. Năm 2025, nhà máy đang hoạt động khoảng 60% công suất tối đa).

#### 4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

\* **Nguồn cấp nước:** Do công ty TNHH Một thành viên nước sạch Hà Đông cung cấp.

##### \* **Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất**

Trong quá trình sản xuất của cơ sở, nước cấp chủ yếu cho các hoạt động sau:

- Hoạt động của cán bộ công nhân viên: cung cấp cho nhu cầu vệ sinh, rửa chân tay, cấp cho bếp ăn phục vụ ăn uống của cán bộ công nhân viên
- Hoạt động sản xuất
- Nhà máy đầu tư 01 hệ thống lọc nước RO phục vụ cho hoạt động sản xuất với công suất thiết kế 1 m<sup>3</sup>/giờ. Nguồn nước đầu vào sử dụng là nước sạch.

+ Nước sinh hoạt được cấp vào bồn chứa nước nguồn dung tích 2 m<sup>3</sup>. Từ bồn nước nguồn, nước được bơm tăng áp và lần lượt đi qua các công đoạn xử lý sơ bộ gồm: cột lọc đa cấp để loại bỏ cặn thô, cặn lơ lửng và chất keo; cột lọc than hoạt tính để khử màu, mùi, vị và hấp phụ các chất hữu cơ; cột trao đổi cation nhằm làm mềm nước, sau đó nước được chứa trong bình chứa sau làm mềm.

+ Nước sau làm mềm tiếp tục được bơm qua cột lọc tinh 5 μm để loại bỏ các tiểu phân có kích thước lớn hơn 5 μm trước khi được đưa vào hệ thống thẩm thấu ngược RO1. Tại RO1, nước được tách thành hai dòng: nước sạch thẩm thấu qua màng RO được dẫn về bồn chứa nước sau RO1, còn dòng nước đậm đặc (nước nặng) được loại bỏ theo quy định.

+ Nước từ bồn RO1 được bơm tăng áp và tiếp tục xử lý qua hệ thống RO2 nhằm nâng cao chất lượng nước. Sau khi qua màng RO2, nước đi qua đèn UV tiệt trùng và qua van điện từ khống chế độ dẫn điện, được điều khiển tự động bằng bộ đo độ dẫn điện. Khi độ dẫn điện < 4,0 μS/cm, nước đạt yêu cầu và được cấp vào bồn chứa nước thành phẩm; khi độ dẫn điện ≥ 4,0 μS/cm, nước sẽ được tự động hồi về bồn chứa RO1 để xử lý lại.

+ Nước thành phẩm trong bồn tiếp tục được tuần hoàn liên tục qua hệ thống đường ống, đi qua đèn UV tiệt trùng trước khi cấp đến các điểm sử dụng và quay trở lại bồn chứa. Nước hồi lưu cũng được kiểm soát độ dẫn điện bằng van điện từ tương tự như nước đầu vào bồn thành phẩm. Máy bơm nước thành phẩm được điều khiển tự động theo tín hiệu độ dẫn điện: chỉ cho phép vận hành khi độ dẫn điện < 4,0 μS/cm.

+ Tại bồn chứa nước thành phẩm được lắp đặt màng lọc thông khí 0,22 μm nhằm ngăn ngừa vi sinh vật xâm nhập. Bên trong bồn có quả cầu quay trên đường ống hồi nước, đảm bảo nước luôn được đảo trộn, không hình thành vùng khô, hạn chế điều kiện phát triển của vi khuẩn, đảm bảo chất lượng nước ổn định trong quá trình sử dụng.

Tỷ lệ nước đầu vào – thành phẩm khoảng 10:5 tương đương khoảng 50% nước tinh khiết và 50% nước thải rửa, nước loại bỏ).

- Hoạt động khử khuẩn, giặt đồ bảo hộ

Trong quá trình hoạt động, đồ vải bẩn sau khi sử dụng được nhân viên vận chuyển đến phòng giặt là để làm sạch. Hiện tại nhà máy có 02 máy giặt (10kg), trung bình hoạt động khoảng 1 mẻ/ngày.

Định mức cấp nước cho máy giặt khoảng 60 lít/kg đồ vải (theo TCVN 4513:1998). Sau khi giặt, đồ vải được sấy khô, tiệt trùng và gấp gọn. Toàn bộ nước thải từ hoạt động giặt là được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của CCN.

Bảng tổng hợp nước cấp năm 2025 của nhà máy như sau:

**Bảng 1. 4. Bảng nhu cầu cấp nước của nhà máy**

Tháng	Năm 2024	Năm 2025
Tháng 1	897	828
Tháng 2	957	941
Tháng 3	628	1.010
Tháng 4	716	1.115
Tháng 5	771	948
Tháng 6	1.031	915
Tháng 7	1.005	534
Tháng 8	1.198	746
Tháng 9	1.077	1.099
Tháng 10	962	1.530
Tháng 11	1.245	1.073
Tháng 12	761	1.129
<b>Tổng</b>	<b>11.248</b>	<b>11.868</b>
<b>Trung bình/tháng</b>	<b>937,3</b>	<b>989</b>
<b>Trung bình/ngày</b>	<b>37,5</b>	<b>39,6</b>

*Nguồn: Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng*

Lượng nước tiêu thụ năm 2025 của cơ sở tổng là 11.868m<sup>3</sup> tương đương trung bình khoảng 989m<sup>3</sup> ≈ 39,6m<sup>3</sup>/ngày (Nhà máy hoạt động khoảng 300 ngày/năm, nghỉ các ngày Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định của Nhà nước. Năm 2025, nhà máy đang hoạt động khoảng 60% công suất tối đa).

**Bảng 1. 5. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở**

TT	Nhu cầu cấp nước	Số lượng	Đơn vị	Định mức	Lưu lượng nước cấp (m <sup>3</sup> /ngày)	Lưu lượng nước thải (m <sup>3</sup> /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	100	Người	45 lít/người/ngày	4,5	4,5
2	Căng tin	100	Xuất	25 lít/xuất ăn	2,5	2
3	Nước giặt là			60 lít/kg	0,6	0,6
4	Nước cấp RO	-	-	-	8	4
5	Nước cấp cho sản xuất				20	16
6	Nước tưới cây rửa đường				4	Ngấm vào đất
					<b>39,6</b>	<b>27,1</b>

*Nguồn: Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng*

**Nhu cầu sử dụng nước chữa cháy (Qcc)**

Nhu cầu sử dụng nước cho chữa cháy của cơ sở không thay đổi giữa hai giai đoạn (hiện tại và sau khi nâng công suất). Do vậy, nhu cầu nước chữa cháy được tính toán như sau:

- Số đám cháy xảy ra = 1
- Lưu lượng nước cho một đám cháy = 4,74 lít/giây.
- Số vòi phun dập đám cháy = 3.
- Thời gian dập tắt đám cháy trong 1 giờ.

Lưu lượng nước chữa cháy được tính toán xác định theo công thức:

$$QCC = (qcc \times N \times T) / 1.000$$

Qtt/CC: lưu lượng nước chữa cháy tính toán (l/s).

qcc: Lưu lượng nước cho một đám cháy 4,74l/s.

N: Số lượng vòi phun đám cháy

T: Thời gian dập tắt đám cháy.

$$QCC = (4,74 \times 3 \times 3.600) / 1.000 = 51,19 \text{ m}^3$$

#### 4.3. Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất

Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của nhà máy được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 1.6. Bảng danh mục thiết bị phục vụ sản xuất**

TT	Tên đối tượng	Mã số	Model	Vị trí	Tình trạng hoạt động
1.	Máy xay	EP1.01		Xưởng 1	Tốt
2.	Máy rây	EP1.02		Xưởng 1	Tốt
3.	Máy nhào UK	EP1.03	WSH-200	Xưởng 1	Tốt
4.	Máy trộn cao tốc	EP1.04	KCB-ST-60	Xưởng 1	Tốt
5.	Máy sấy tầng sôi	EP1.05	KBC-TS-100-S	Xưởng 1	Tốt
6.	Máy trộn lập phương	EP1.06	KBC-LP-400	Xưởng 1	Tốt
7.	Máy dập viên	EP1.08	Y112M-4	Xưởng 1	Tốt
8.	Máy bao phim	EP1.09	KBC-BP-100	Xưởng 1	Tốt
9.	Nồi bao đường số 1	EP1.10	BY-1000	Xưởng 1	Tốt
10.	Nồi bao đường số 2	EP1.11	BY-1000	Xưởng 1	Tốt
11.	Nồi bao đường số 3	EP1.12	BY-1000	Xưởng 1	Tốt
12.	Máy ép vỉ	EP1.13	FV-160E	Xưởng 1	Tốt
13.	Máy chiết thuốc bột	EP1.14		Xưởng 1	Tốt
14.	Máy đếm viên	EP1.15		Xưởng 1	Tốt

TT	Tên đối tượng	Mã số	Model	Vị trí	Tình trạng hoạt động
15.	Máy chiết thuốc nước	EP1.16		Xưởng 1	Tốt
16.	Thùng đồng nhất	EP1.17		Xưởng 1	Tốt
17.	Nồi pha chế	EP1.18		Xưởng 1	Tốt
18.	Máy tạo hoàn	EP1.19	ZW-40B	Xưởng 1	Tốt
19.	Máy đóng nang tự động	EP1.20	NJP-1250C	Xưởng 1	Tốt
20.	Tủ sấy tĩnh	EP1.21		Xưởng 1	Tốt
21.	Nồi nấu hồ	EP1.22		Xưởng 1	Tốt
22.	Máy dán nhãn	EP1.23	ABL-M	Xưởng 1	Tốt
23.	Máy in phun	EP1.24		Xưởng 1	Tốt
24.	Máy dán màng nhôm	EP1.26		Xưởng 1	Tốt
25.	Máy đánh bóng viên nén	EP1.27		Xưởng 1	Tốt
26.	Máy làm sạch viên nang	EP1.28	YPJ-II	Xưởng 1	Tốt
27.	Máy xát hạt	EP1.29		Xưởng 1	Tốt
28.	Máy gấp giấy	EP1.30		Kho	Tốt
29.	Máy đóng túi	EP1.31	DS-900C	Xưởng 1	Tốt
30.	Máy in phun	EP1.32		Xưởng 1	Tốt
31.	Máy xay sinh tố	EP1.33		Xưởng 1	Tốt
32.	Thùng chứa 40l	EP1.34		Xưởng 1	Tốt
33.	Hệ thống khí nén	EP1.35		Xưởng 1	Tốt
34.	Thùng chứa 150l	EP1.36		Xưởng 1	Tốt
35.	Hệ thống đường ống pha chế	EP1.37		Xưởng 1	Tốt
36.	Hệ thống lọc nước RO			Nhà máy	Tốt
37.	Hệ thống HVAC			Xưởng 1	Tốt
38.	HVAC KTCL			KTCL	Tốt
39.	HVAC kho			Kho (lấy mẫu)	Tốt
40.	Máy giặt			Xưởng 1	Tốt
41.	Máy sấy			Xưởng 1	Tốt
42.	Bình lọc dịch			Xưởng 1	Tốt
43.	Nồi chiết xuất 3000l số 1	EP2.01		Xưởng CX-SC	Tốt

TT	Tên đối tượng	Mã số	Model	Vị trí	Tình trạng hoạt động
44.	Nồi chiết xuất 3000l số 2	EP2.02		Xưởng CX-SC	Tốt
45.	Nồi chiết xuất 2000l số 1	EP2.03		Xưởng CX-SC	Tốt
46.	Nồi chiết xuất 2000l số 2	EP2.04		Xưởng CX-SC	Tốt
47.	Nồi chiết xuất 2000l số 3	EP2.05		Xưởng CX-SC	Tốt
48.	Nồi chiết xuất 2000l số 4	EP2.06		Xưởng CX-SC	Tốt
49.	Lò hơi 2,5 tấn	EP2.07			Tốt
50.	Nồi cô áp suất thường số 1	EP2.10		Xưởng CX-SC	Tốt
51.	Nồi cô áp suất thường số 2	EP2.11		Xưởng CX-SC	Tốt
52.	Nồi cô áp suất thường số 3	EP2.12		Xưởng CX-SC	Tốt
53.	Nồi cô áp suất thường số 4	EP2.13		Xưởng CX-SC	Tốt
54.	Hệ thống bình cô áp suất giảm 1	EP2.15		Xưởng CX-SC	Tốt
55.	Hệ thống bình cô áp suất giảm 2	EP2.16		Xưởng CX-SC	Tốt
56.	Nồi cô cách thủy 1	EP2.52		Xưởng CX-SC	Tốt
57.	Máy rửa dược liệu 1	EP2.18		Xưởng CX-SC	Tốt
58.	Máy rửa dược liệu 2	EP2.19		Xưởng CX-SC	Tốt
59.	Máy thái quay 1	EP2.20		Xưởng CX-SC	Tốt
60.	Máy thái quay2	EP2.21		Xưởng CX-SC	Tốt
61.	Máy thái lát Kanghua 1	EP2.22		Xưởng CX-SC	Tốt
62.	Máy thái lát Kanghua 2	EP2.23		Xưởng CX-SC	Tốt

<b>TT</b>	<b>Tên đối tượng</b>	<b>Mã số</b>	<b>Model</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Tình trạng hoạt động</b>
63.	Máy thái tuần hoàn	EP2.24		Xưởng CX-SC	Tốt
64.	Tủ sấy dược liệu 1	EP2.27		Xưởng CX-SC	Tốt
65.	Tủ sấy dược liệu 2	EP2.28		Xưởng CX-SC	Tốt
66.	Tủ sấy dược liệu 3	EP2.29		Xưởng CX-SC	Tốt
67.	Tủ sấy dược liệu 4	EP2.30		Xưởng CX-SC	Tốt
68.	Thang nâng	EP2.31		Xưởng CX-SC	Tốt
69.	Pa lăng điện	EP2.32		Xưởng CX-SC	Tốt
70.	Nồi cô Kim Cương	EP2.33		Xưởng CX-SC	Tốt
71.	Nồi cô hờ	EP2.34		Xưởng CX-SC	Tốt
72.	Bồn lắng dịch 3000l số 1	EP2.35		Xưởng CX-SC	Tốt
73.	Bồn lắng dịch 3000l số 2	EP2.36		Xưởng CX-SC	Tốt
74.	Bồn lắng dịch 3000l số 3	EP2.37		Xưởng CX-SC	Tốt
75.	Bồn lắng dịch 3000l số 4	EP2.38		Xưởng CX-SC	Tốt
76.	Bồn lắng dịch 1500l số 1	EP2.39		Xưởng CX-SC	Tốt
77.	Bồn lắng dịch 1500l số 2	EP2.40		Xưởng CX-SC	Tốt
78.	Bồn lắng dịch 1500l số 3	EP2.41		Xưởng CX-SC	Tốt
79.	Bồn lắng dịch 1500l số 4	EP2.42		Xưởng CX-SC	Tốt
80.	Bồn lắng dịch 2500l số 1	EP2.43		Xưởng CX-SC	Tốt
81.	Bồn lắng dịch 2500l số 2	EP2.44		Xưởng	Tốt

TT	Tên đối tượng	Mã số	Model	Vị trí	Tình trạng hoạt động
				CX-SC	
82.	Máy nén khí	EP2.49		Xưởng CX-SC	Tốt
83.	Máy trộn lãn (máy tằm dược liệu)	EP2.53		Xưởng CX-SC	Tốt
84.	Máy xay thô	EP3.01		Xưởng CX-SC	Tốt
85.	Máy xay mịn	EP3.02		Xưởng CX-SC	Tốt
86.	Máy rây	EP3.03		Xưởng CX-SC	Tốt
87.	Hệ thống HVAC			Xưởng CX-SC	Tốt
88.	Máy trộn bột khô	EP4.01	CW-2000	Xưởng 2	Tốt
89.	Nồi bao số 1	EP4.02		Xưởng 2	Tốt
90.	Nồi bao số 2	EP4.03		Xưởng 2	Tốt
91.	Nồi bao số 3	EP4.04		Xưởng 2	Tốt
92.	Nồi bao số 4	EP4.05		Xưởng 2	Tốt
93.	Nồi bao số 5	EP4.06		Xưởng 2	Tốt
94.	Tủ sấy viên hoàn số 1	EP4.07		Xưởng 2	Tốt
95.	Tủ sấy viên hoàn số 2	EP4.08		Xưởng 2	Tốt
96.	Nồi nấu điện 2 lớp	EP4.09	QY- 150	Xưởng 2	Tốt
97.	Nồi pha chế số 1	EP4.10		Xưởng 2	Tốt
98.	Nồi pha chế số 2	EP4.11		Xưởng 2	Tốt
99.	Thùng đồng nhất số 1	EP4.12		Xưởng 2	Tốt
100.	Thùng đồng nhất số 2	EP4.13		Xưởng 2	Tốt
101.	Máy chiết thuốc nước số 1	EP4.14		Xưởng 2	Tốt
102.	Máy chiết thuốc nước số 2	EP4.15		Xưởng 2	Tốt
103.	Máy dán nhãn số 1	EP4.16	ABL – M	Xưởng 2	Tốt
104.	Máy in phun số 1	EP4.17	PXR- D460 W	Xưởng 2	Tốt
105.	Máy in phun số 2	EP4.18	PXR - D460W	Xưởng 2	Tốt
106.	HVAC xưởng số 2	EP4.19		Xưởng 2	Tốt
107.	Máy đóng túi 1	EP4.20	DS-900C	Xưởng 2	Tốt
108.	Máy đóng túi 2	EP4.21	DS-900C	Xưởng 2	Tốt

TT	Tên đối tượng	Mã số	Model	Vị trí	Tình trạng hoạt động
109.	Máy xay			Xưởng 2	Tốt
110.	Máy tạo hoàn	EP4.22		Xưởng 2	Tốt
111.	Máy nhào	EP4.23		Xưởng 2	Tốt
112.	Máy rây			Xưởng 2	Tốt
113.	Máy giặt sấy				Tốt

Hiện tại, các máy móc, thiết bị của nhà máy vẫn hoạt động tốt, được thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo quy trình, đảm bảo vận hành an toàn và đáp ứng yêu cầu sản xuất.



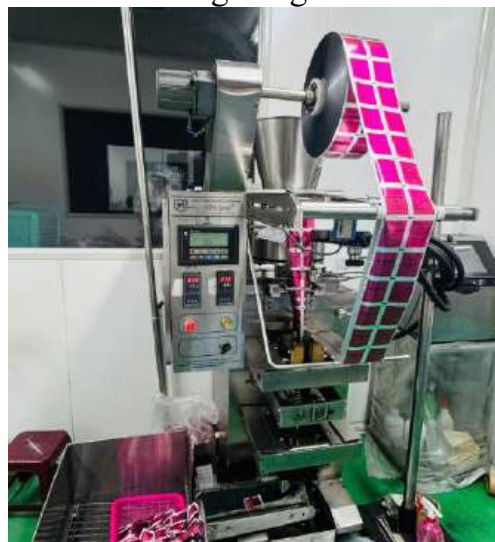
Máy trộn bột



Thùng đồng nhất



Máy chiết rót



Máy đóng gói



Máy chia viên hoàn



Nồi nấu hồ



Máy trộn ướt



Máy sấy tầng sôi

**Hình 1. 5. Một số hình ảnh khu vực sản xuất của nhà máy**

## 5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

### 5.1. Hiện trạng khu đất của cơ sở

Tổng diện tích của nhà xưởng là 15.655,7m<sup>2</sup>. Quy mô các hạng mục công trình như sau:

**Bảng 1. 7. Quy mô công trình của cơ sở**

STT	Công trình	Đơn vị	Diện tích
1	Nhà văn phòng	m <sup>2</sup>	491
2	Xưởng sản xuất 1	m <sup>2</sup>	6960
3	Xưởng sản xuất 2	m <sup>2</sup>	1.455,5
4	Khu vực sơ chế	m <sup>2</sup>	432
5	Khu vực chiết xuất	m <sup>2</sup>	288

STT	Công trình	Đơn vị	Diện tích
1	Nhà văn phòng	m <sup>2</sup>	491
6	Kho vật liệu	m <sup>2</sup>	280,25
7	Kho dược liệu	m <sup>2</sup>	362,5
8	Kho phụ liệu, bếp ăn	m <sup>2</sup>	362,5
9	Kho CTNH	m <sup>2</sup>	15
10	Kho CTCN	m <sup>2</sup>	15
11	Khu vực lưu giữ CTSH	m <sup>2</sup>	20
12	Khu vực đặt HTXLNT	m <sup>2</sup>	120,6
13	Khu vực đặt HTXLKT	m <sup>2</sup>	4
14	Kho cơ điện	m <sup>2</sup>	135
15	Các công trình phụ trợ khác	m <sup>2</sup>	650
16	Diện tích cây xanh, sân đường nội bộ	m <sup>2</sup>	4.064,35
<b>Tổng diện tích</b>			m <sup>2</sup>

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cơ sở “Nhà máy sản xuất Đông dược Phúc Hưng”



Hình 1. 6. Mặt bằng bố trí các hạng mục công trình của cơ sở



**Hình 1. 7. Một số hình ảnh nhà máy**

### **5.2. Tóm tắt xuất xứ hoạt động của cơ sở**

Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng (gọi tắt là Đông Dược Phúc Hưng) tiền thân là tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh dược liệu được thành lập từ đầu những năm

1980. Giai đoạn đầu, đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc y học cổ truyền, từng bước xây dựng uy tín trên thị trường dược liệu trong nước.

Sau gần hai thập niên phát triển và khẳng định vị thế, ngày 15 tháng 11 năm 2000, Đông Dược Phúc Hưng chính thức được thành lập theo mô hình doanh nghiệp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 15/11/2000, với mã số doanh nghiệp 0500389063.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Đông Dược Phúc Hưng đã cho ra đời nhiều sản phẩm nổi tiếng, được người tiêu dùng tin tưởng như: Long Huyết P/H, Hoạt Huyết Phúc Hưng, Đại Tràng Hoàn P/H, Hoạt Huyết Thông Mạch P/H,... Các sản phẩm của công ty nhiều năm liền được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao, khẳng định uy tín và vị thế của thương hiệu trong lĩnh vực đông dược và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

### 5.3. Sản phẩm của cơ sở 3 năm gần nhất

**Bảng 1. 8. Bảng tổng hợp số lượng hàng sản xuất nhập kho thành phẩm**

STT	Năm	Sản phẩm dạng lỏng (kg/năm)	Sản phẩm dạng viên (kg/năm)	Sản phẩm thảo mộc (kg/năm)	Tổng (kg/năm)
1	2023	150.000	180.000	0	<b>330.000</b>
2	2024	120.000	135.000	0	<b>255.000</b>
3	2025	100.000	100.000	0	<b>200.000</b>

*Nguồn: Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng*

### 5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện sản xuất

Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng với tổng số lượng cán bộ nhân viên hiện tại là 100 người

**Bảng 1. 9. Bảng phương án sản xuất của cơ sở**

TT	Số lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	Số ca làm việc	Ca	3 ca
2	Số giờ làm việc	Giờ/ca	8
3	Số ngày làm việc	Ngày/tháng	25
4	Số nhân viên	Người	100

## **CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **2.1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:**

#### **2.1.1. Sự phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia**

*a. Quyết định 4506/QĐTTg ngày 13/04/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành phê duyệt “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.*

- Sự phù hợp về mục tiêu: Trong Chiến lược BVMT đã được ra mục tiêu đến năm 2030 như sau: “...Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước,...”. Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng đã bố trí đầy đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật (HTKT), các công trình bảo vệ môi trường (BVMT) nên sẽ phù hợp với mục tiêu của Chiến lược.

- Sự phù hợp về nhiệm vụ của Chiến lược: Trong Chiến lược đã đưa ra các nhiệm vụ BVMT trong phát triển như sau: “...Chủ động kiểm soát chặt chẽ quá trình công nghiệp hóa theo hướng thân thiện với môi trường. Thực hiện xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, các khu công nghiệp sinh thái. Khuyến khích sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường”... Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng có đầy đủ các công trình bảo vệ, xử lý môi trường (XLNT) nên phù hợp với biện pháp BVMT của Chiến lược.

*b. Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

- Sự phù hợp về mục tiêu: Trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia đã đề ra mục tiêu tổng quát “Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững

theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”.

Vị trí công ty nằm trong CCN Thanh Oai, được tập trung tại một khu vực dễ dàng kiểm soát nguồn thải, tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường do vậy hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **2.1.2. Sự phù hợp với quy hoạch với quy hoạch cụm công nghiệp**

Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng có loại hình sản xuất, kinh doanh chính là sản xuất và chế biến dược liệu, sản xuất thuốc đông dược, thực phẩm bảo vệ sức khỏe có nguồn gốc từ dược liệu thiên nhiên.

Cơ sở được bố trí hoạt động tại Cụm công nghiệp Thanh Oai. Ngành nghề sản xuất của Công ty thuộc nhóm công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ và sản xuất dược liệu – là các ngành nghề phù hợp với định hướng thu hút đầu tư của cụm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp địa phương.

Do đó, loại hình sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng được đánh giá là phù hợp với chức năng sử dụng đất và ngành nghề thu hút đầu tư của Cụm công nghiệp Thanh Oai, đảm bảo đáp ứng yêu cầu bố trí các cơ sở sản xuất vào khu sản xuất tập trung nhằm thuận lợi cho công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

## **2.2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:**

### **2.2.1. Đối với nước thải**

#### **a. Nước thải sinh hoạt**

Nước thải của cơ sở phát sinh bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp:

- Đối với nước thải sinh hoạt (nước từ hoạt động xí tiểu) của cơ sở sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy công suất 50m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nước thải sinh hoạt (nước nhà bếp) được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy công suất 50m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### **b. Nước thải sản xuất**

Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình sản xuất đối với công đoạn sơ chế và chiết suất được xử lý sơ bộ qua bể lắng sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy công suất 50m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### **2.2.2. Đối với môi trường không khí**

Nhà máy đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải của phát sinh từ nồi hơi đảm bảo đạt:

+ Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031: Áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường: Áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B).

Ngoài ra tại khu sản xuất chiết xuất và phòng thí nghiệm có các tủ hút mùi để xử lý hơi dung môi và mùi phát sinh để đảm bảo môi trường sản xuất trong lành, đáp ứng tiêu chuẩn cho phép đối với môi trường lao động của Bộ Y tế.

### **2.2.3. Đối với chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại**

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT) được thu gom vào các bao bì chứa đặt tại khu vực sản xuất. Cuối mỗi ca làm việc, nhân viên tiến hành thu gom và tập kết tại kho lưu chứa CTR thông thường có diện tích khoảng 15 m<sup>2</sup>.

- Đối với bã dược liệu và chất thải rắn sinh hoạt, cơ sở thực hiện thu gom riêng và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển định kỳ 02 ngày/lần, đảm bảo vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định hiện hành.

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại (CTNH) có diện tích 15 m<sup>2</sup>, được xây dựng dạng kho kín, mái tôn, nền bê tông chống thấm và có gờ chống tràn.

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTSH theo quy định.

### CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

##### 3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Cơ sở được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Hệ thống thu gom nước mưa được bố trí dọc theo mái cơ sở, nhà để xe, xung quanh sân và đường nội bộ.

- Nước mưa từ mái được dẫn xuống cống thoát nước thông qua hệ thống các ống nhựa PVC D110 xuống hệ thống đường cống thu gom thoát nước mưa bằng BTCT B400mm, B200mm và ống D200mm nằm bao xung quanh Nhà máy.

- Nước mưa chảy tràn được thu gom qua hệ thống đường cống thoát nước mưa BTCT B400mm dài khoảng 430m, cống BTCT B200m dài khoảng 50m và ống PVC D200mm dài khoảng 20m. Nước mưa sau đó được đầu nối vào hệ thống thoát chung của khu vực qua 05 điểm đầu nối với tọa độ các điểm đầu nối, thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước của khu vực theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục  $105^{\circ}$ , múi chiều  $3^{\circ}$ :

+ Điểm đầu nối nước mưa số 1: ( $X_1: 2.315.191, Y_1: 578.480$ ).

+ Điểm đầu nối nước mưa số 2 : ( $X_2: 2.315.212, Y_2: 578.566$ ).

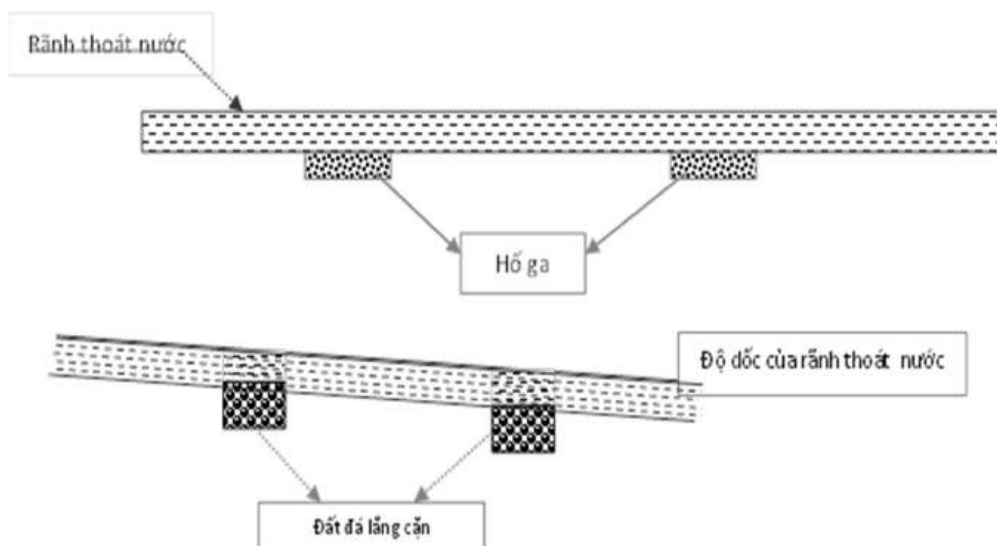
+ Điểm đầu nối nước mưa số 3: ( $X_3: 2.315.141, Y_3: 578.596$ ).

+ Điểm đầu nối nước mưa số 4: ( $X_4: 2.315.125; Y_4: 578.596$ )

+ Điểm đầu nối nước mưa số 5: ( $X_5: 2.315.093, Y_5: 578.597$ )

- Các tuyến thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực phạm vi quy hoạch. Độ dốc rãnh lấy theo độ dốc địa hình tại khu vực có địa hình tương đối phẳng, độ dốc rãnh được lấy 0,3-0,5% chạy dọc theo hướng thoát nước chính nhằm đảm bảo tính tự chảy tốt, thoát nhanh và không gây ngập úng vào những ngày có cường độ mưa lớn.

- Để hạn chế đến mức thấp nhất lượng tạp chất bị cuốn theo nước mưa vào môi trường, nhà máy đã tiến hành bê tông hóa toàn bộ sân, đường nội bộ, thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực nhà xưởng, kho bãi và thực hiện tốt công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất, nguy hại. Đồng thời, nhà máy định kỳ thực hiện vét hố ga để tránh tình trạng ô nhiễm, tắc nghẽn.



**Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của cơ sở**





**Hình 3. 2. Hình ảnh hệ thống thu gom nước mưa của khu vực cơ sở**

**Bảng 3. 1. Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước mưa**

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống PVC D110	m	100
2	Ống PVC D200	m	20
3	Cống BTCT B200m	m	50
2	Cống BTCT B400m	m	430

Ngoài ra, Công ty còn kết hợp thực hiện các biện pháp sau:

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông hệ thống các hố ga, cống, rãnh dẫn nước mưa để đảm bảo tiêu thoát nước và phát hiện các hỏng hóc, từ đó có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời, tần suất kiểm tra khoảng 4 lần/tháng.

+ Đảm bảo vệ sinh sân, đường nội bộ luôn sạch sẽ, duy trì công tác thu gom, xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh môi trường theo đúng quy định không để chất thải rắn, chất thải lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

+ Bố trí các thùng lưu giữ CTR sinh hoạt trong khuôn viên Nhà máy, thu gom và lưu giữ các chất thải một cách hợp lý và vệ sinh để tránh các chất này bị cuốn trôi theo nước chảy tràn gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

### **3.1.2. Thu gom, thoát nước thải**

Nguồn phát sinh nước thải chính của Nhà máy là nước thải sinh hoạt (nước khu nhà vệ sinh, nước từ khu bếp, nước từ khu giặt đồ), nước thải sản xuất (từ quá trình sơ chế nguyên liệu, vệ sinh máy móc thiết bị, nước thải phòng thí nghiệm, nước thải từ quá trình lọc RO,...). Các nguồn phát sinh nước thải tại Nhà máy như sau:

#### **3.1.2.1. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt**

*Các nguồn nước thải sinh hoạt của cơ sở phát sinh như sau:*

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh Văn phòng;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh và phòng giặt xưởng 1;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh và phòng giặt là xưởng số 2.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động của bếp ăn tại nhà máy.

Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, dầu mỡ, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ và sinh sinh gây bệnh, chất hoạt động bề mặt,...

*Quy trình thu gom nước thải sinh hoạt của cơ sở được mô tả như sau:*

+ Khu vực văn phòng: Nước thải rửa tay khu nhà vệ sinh tòa nhà Văn phòng theo đường ống thoát rửa PVC D110mm thoát vào ngăn cuối của 01 bể tự hoại 3 ngăn, chiều dài khoảng 10m. Nước thải bệ xí và bồn tiểu theo đường ống PVC D110mm chảy về bể tự hoại 3 ngăn dung tích 15m<sup>3</sup>, chiều dài khoảng 15m để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại được tự chảy và bơm dẫn về bể lắng bằng đường ống thu gom chung ngoài nhà PVC D110mm dài khoảng 200m và đường ống PVC D200mm dài khoảng 10m. Nước thải sau bể lắng tiếp tục được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D200mm dài khoảng 5m.

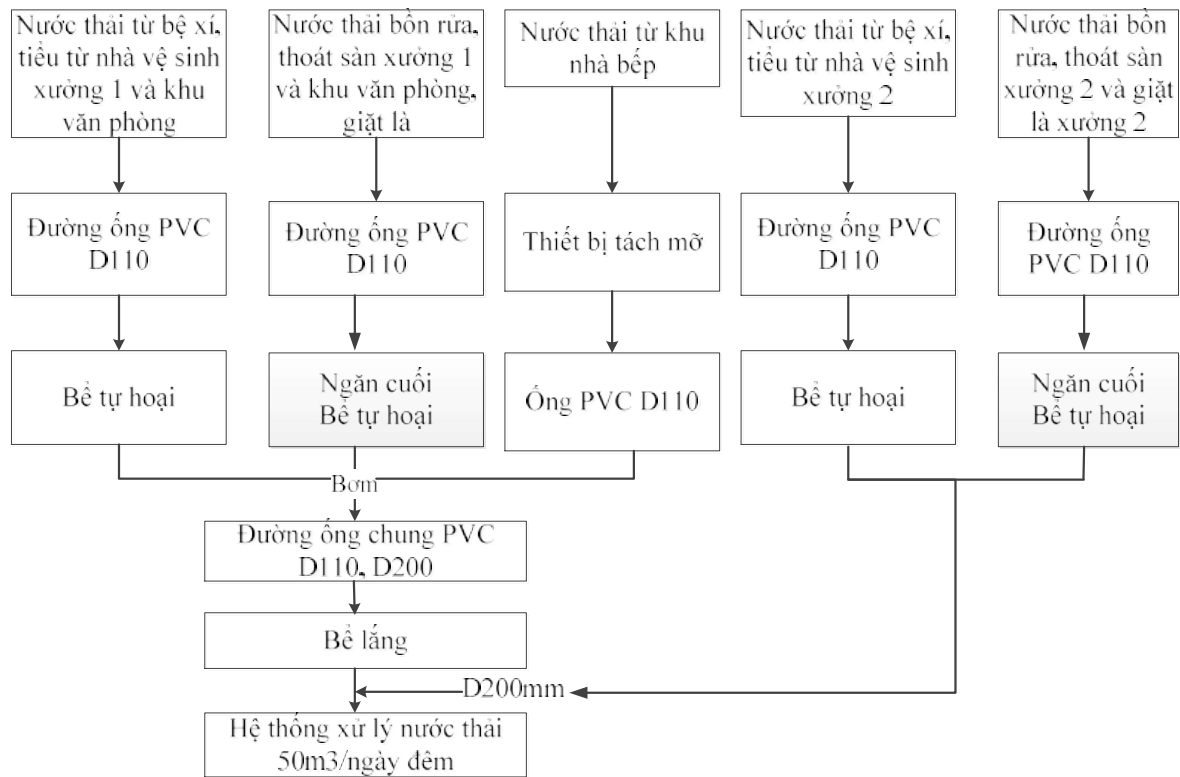
+ Nước thải rửa tay khu nhà vệ sinh xưởng số 1 và nước thải từ phòng giặt đồ theo đường ống PVC D110 thoát vào ngăn cuối của 01 bể tự hoại 3 ngăn, chiều dài khoảng 15m. Nước thải bệ xí và bồn tiểu theo đường ống PVC D110 chảy về bể tự hoại 3 ngăn dung tích 20m<sup>3</sup>, chiều dài khoảng 5m để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại được tự chảy và bơm dẫn về bể lắng bằng đường ống thu gom chung ngoài nhà (cùng nguồn khu vực văn phòng) PVC D110mm dài khoảng 200m và đường ống PVC D200mm dài khoảng 10m. Nước thải sau bể lắng tiếp tục được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D200mm dài khoảng 5m.

+ Nước thải rửa tay khu nhà vệ sinh và phòng giặt là xưởng 2 theo đường ống thoát rửa PVC D110 thoát vào ngăn cuối của 01 bể tự hoại 3 ngăn, chiều dài khoảng 3m. Nước thải bệ xí và bồn tiểu theo đường ống PVC D110 chảy về bể tự hoại 3 ngăn dung tích 20m<sup>3</sup>, chiều dài khoảng 5m để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại được tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống thu gom chung ngoài nhà khu vực xưởng 2 ống PVC D200 dài khoảng 5m.

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn: được xử lý sơ bộ tại chỗ bằng 01 bể tách dầu mỡ sau đó được dẫn bằng đường ống PVC D110 dài khoảng 30m đầu nối với đường ống thu gom chung ngoài nhà cùng khu vực xưởng số 1 về bể lắng rồi sau đó về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ sẽ được thu gom bằng đường ống dẫn chung ngoài nhà về bể lắng, sau đó đến bể thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D110 và D200, sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của CCN Thanh Oai.

Nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đường ống PVC D200 dài khoảng 200m thoát về hố ga đầu nối tại 01 điểm xả ra hệ thống thoát nước thải của CCN Thanh Oai để tiếp tục xử lý tại trạm xử lý tập trung của CCN.



**Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở**

### 3.1.2.2. Thu gom, thoát nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất tại nhà máy được phát sinh như sau:

- + Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị khu vực xưởng sản xuất 1;
- + Nguồn số 02: Nước thải rửa dược liệu (xưởng sơ chế);
- + Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình chiết xuất (xưởng chiết xuất);
- + Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị khu vực xưởng sản xuất 2;

+ Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình lọc RO

+ Nguồn số 06: Nước thải từ phòng thí nghiệm;

Nước thải sản xuất chủ yếu chứa thành phần: tinh dầu, SS, chất dinh dưỡng (N, P), lượng nhỏ dung môi,....

*Quy trình thu gom nước thải sản xuất của cơ sở được mô tả như sau:*

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị xưởng 1 được thu gom bằng đường ống PVC D110mm khoảng 30m, sau đó đầu nối với đường ống thu gom chung ngoài nhà PVC D110mm dài khoảng 200m và đường ống PVC D200mm dài khoảng 10m đưa về bể lắng xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể lắng tiếp tục được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D200mm dài khoảng 5m.

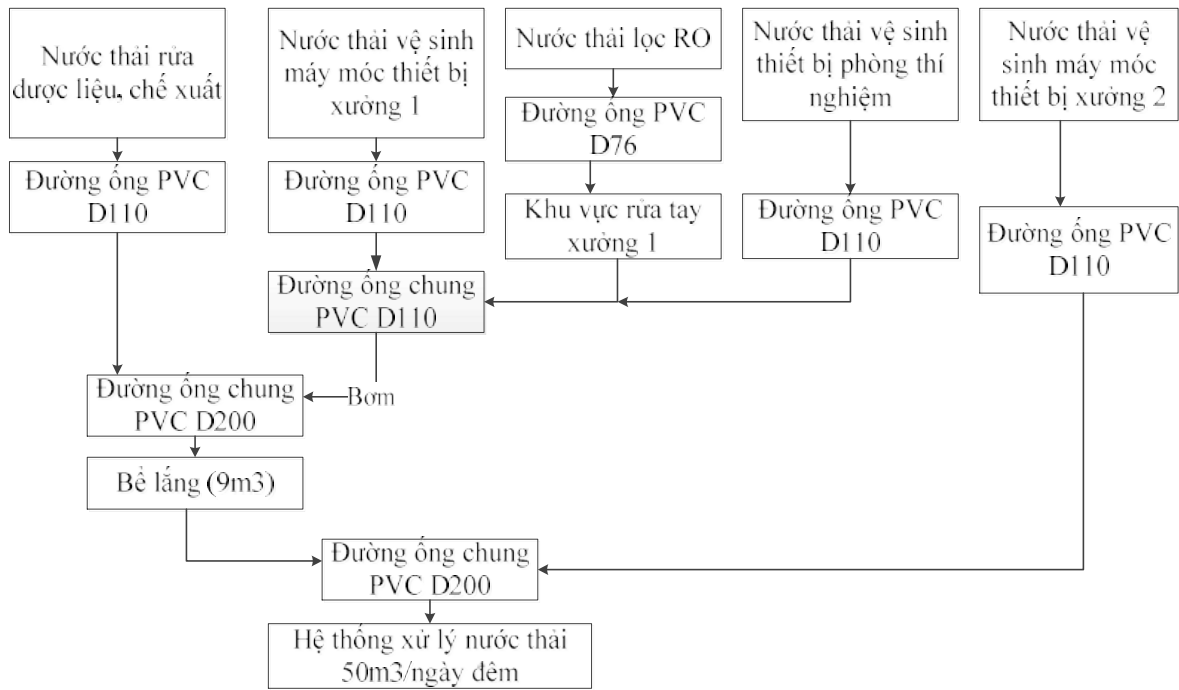
+ Nước thải từ khu vực xưởng sơ chế (từ quá trình rửa nguyên liệu) và nước thải xưởng chiết xuất được thu gom bằng đường ống PVC D110mm dài khoảng 2m, sau đó đầu nối với đường ống thu gom chung PVC D200 dài khoảng 10m (cùng với nước thải sinh hoạt và sản xuất xưởng 1) về bể lắng xử lý sơ bộ, trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D200 dài khoảng 5m.

+ Nước thải từ khu vực lọc RO thu gom bằng đường ống PVC D76 dài khoảng 3m, ra bồn rửa tay khu vực xưởng 1 tận dụng rửa tay (nước thải này phân tích đảm bảo quy chuẩn cho phép QCVN 01-1:2018/BYT dùng cho mục đích sinh hoạt).

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị xưởng 2 được thu gom bằng đường ống PVC D110 dài khoảng 10m, sau đó đầu nối với đường ống thu gom chung ngoài nhà PVC D200 dài khoảng 10m về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước thải từ phòng thí nghiệm (đặt tại khu văn phòng) được gom bằng đường ống PVC D110mm dài khoảng 10m, sau đó đầu nối với đường ống thoát nước chung ngoài nhà khu vực văn phòng để đưa về hệ thống xử lý nước tập trung để xử lý (đường ống thu gom chung ngoài nhà PVC D110mm dài khoảng 200m và đường ống PVC D200mm dài khoảng 10m đưa về bể lắng xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể lắng tiếp tục được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D200mm dài khoảng 5m).

Sơ đồ thu gom nước thải sản xuất được thể hiện như sau:

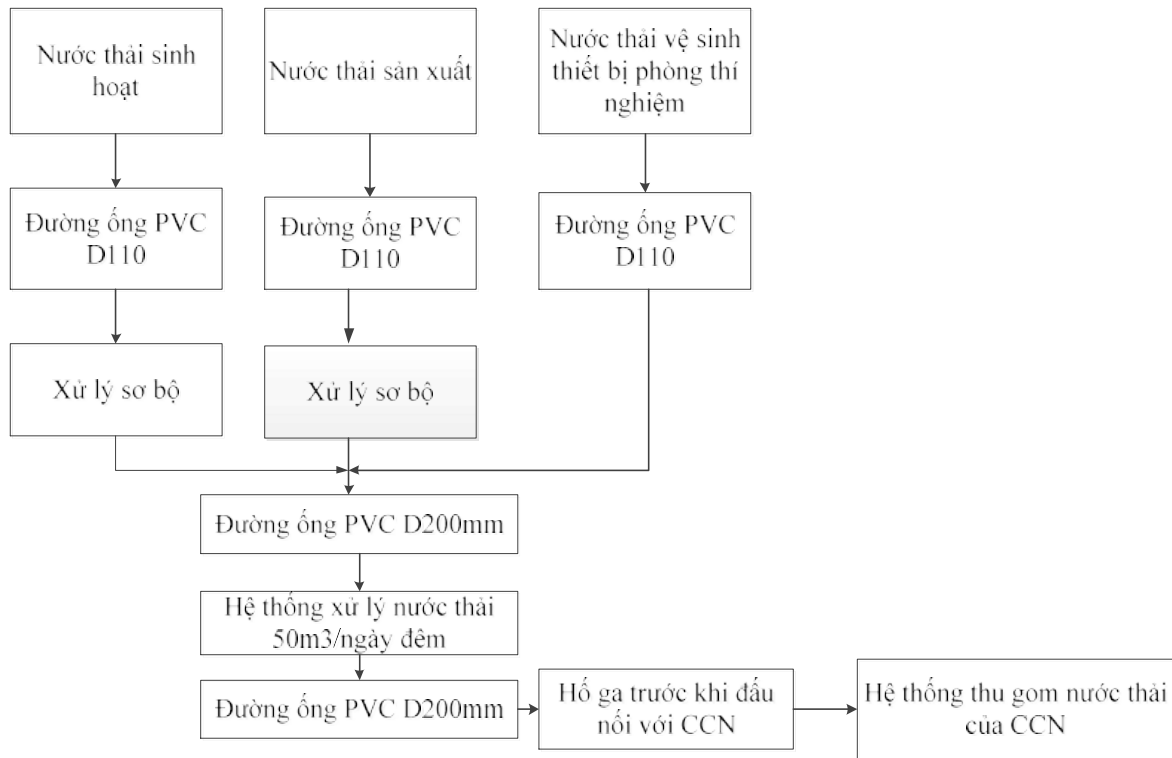


**Hình 3. 4. Sơ đồ thu gom nước thải sản xuất**

❖ **Điểm xả nước thải sau xử lý**

Trong giai đoạn hiện tại, công trình thu gom, thoát nước thải không thay đổi. Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau xử lý của cơ sở được thu gom tập trung về 01 hố ga đầu nối ra hệ thống thoát nước thải của CCN Thanh Oai. Vị trí đầu nối nước thải của cơ sở nằm tại phía Tây Bắc khu vực cơ sở.

- Tọa độ điểm xả nước thải (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°*): X = 2.335.514; Y = 579.585.



**Hình 3. 5. Sơ đồ thoát nước thải tại cơ sở**



**Hình 3. 6. Vị trí điểm xả nước thải của cơ sở**

**Bảng 3.2. Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở**

STT	Thông số	Đơn vị	Số lượng
1	Ống thu gom nước thải PVC D110	M	305
2	Ống thu gom nước thải PVC D200	M	230
3	Ống thu gom nước thải PVC D76	M	3
3	Hố ga lắng cặn (kích thước B×L×H = 1,0×1,0×1,1 m)	Cái	5
4	Hố ga lắng cặn (kích thước B×L×H = 0,5×0,5×0,5 m)	Cái	5

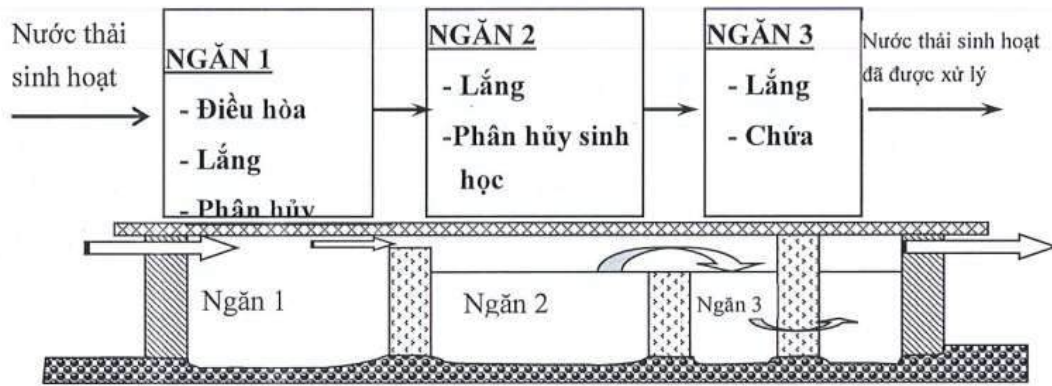
### 3.1.3. Xử lý nước thải

#### 3.1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt

##### a. Công trình xử lý sơ bộ

##### \*) Công trình xử lý bộ nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh

Cơ sở hiện tại đang có 03 bể tự hoại với tổng dung tích 55m<sup>3</sup>, được đặt ngầm tại các khu vực văn phòng (1 bể có dung tích 2m<sup>3</sup>), khu vực nhà sản xuất 1 (1 bể có dung tích 5m<sup>3</sup>) và khu vực nhà xưởng sản xuất 2 (1 bể có dung tích 5m<sup>3</sup>).



**Hình 3.7. Minh hoạt bể tự hoại 3 ngăn**

- *Thuyết minh quy trình:* Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí (yếm khí) sẽ bị phân hủy, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Nước thải qua bể tự hoại được lắng cặn và lên men (cặn lắng chủ yếu là chất hữu cơ không tan). Cặn lắng được giữ trong bể 12 tháng, dưới tác động của vi khuẩn yếm khí cặn được phân hủy thành các chất khí và không hòa tan.

Để tăng hiệu quả xử lý nước thải, cơ sở thường xuyên bổ sung các chế phẩm vi sinh dùng cho xử lý nước thải bể tự hoại, định kỳ 3 tháng/lần.

- *Hóa chất sử dụng:* chế phẩm men vi sinh, khối lượng sử dụng khoảng 15 kg/năm.

**\*) Đánh giá khả năng đáp ứng của bể tự hoại**

Cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn trong đó mỗi ngăn chiếm tỷ lệ thể tích như sau: Ngăn thứ nhất chiếm 50%, ngăn thứ 2 và ngăn thứ 3 lấy bằng nhau và chiếm 25% tổng thể tích bể. Tính toán khả năng đáp ứng của 3 bể tự hoại 3 ngăn tại cơ sở như sau:

- Thể tích các bể tự hoại được tính toán như sau:

$$W = W_1 + W_2 \text{ (m}^3\text{)}$$

**Trong đó:**

$W_1$  - Dung tích phần lắng của bể tự hoại (Ngăn lắng)

$W_2$  - Dung tích phần chứa và lên men cặn (Ngăn chứa bùn)

Dung tích phần lắng của bể tự hoại (Ngăn lắng) được tính toán theo công thức sau:

$$W_1 = a \times N \times T_1 / 1.000 \text{ (m}^3\text{)}$$

**Trong đó:**

$a$  - Tiêu chuẩn nước thải của một người trong một ngày lấy bằng 100% tiêu chuẩn cấp (10 l/ng.đêm do lượng nước dùng cho xí tiểu trung bình bằng 20% nhu cầu sử dụng nước hàng ngày)

$T_1$  - Thời gian nước lưu lại trong bể (ngày)

$N$  - Số người mà bể phục vụ tính trung bình (khoảng 100 người)

$$W_1 = (10 \times 100 \times 7) / 1.000 = 10 \text{m}^3$$

Dung tích phần chứa bùn của bể tự hoại (Ngăn chứa bùn) được tính toán theo công thức sau:

$$W_2 = b \times N \times T_2 / 1.000 \text{ (m}^3\text{)}$$

**Trong đó:**

$b$  - tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể của một người trong một ngày, lấy  $b = 0,08$  l/người/ng.đêm

$T_2$  - Thời gian giữa 2 lần hút cặn, chọn  $T_2 = 1 \text{ năm} = 260 \text{ ngày}$

$$W_2 = 0,08 \times 100 \times 260 / 1.000 = 2,3 \text{ (m}^3\text{)}$$

⇒ Dung tích bể tự hoại cần thiết cho 100 người làm việc tại cơ sở:

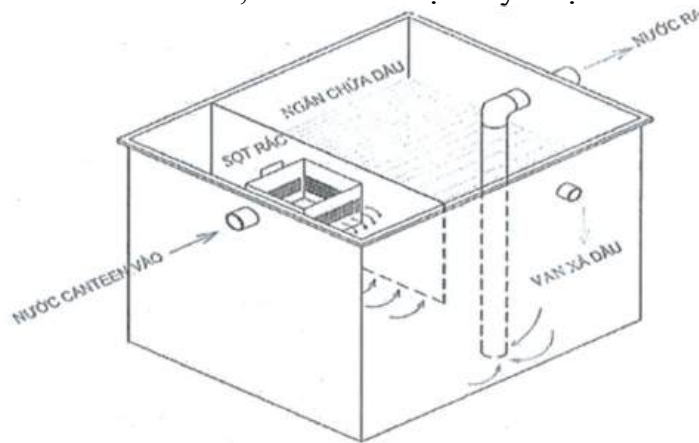
$$W = 10 + 2,3 = 12,3 \text{ (m}^3\text{)}.$$

Như vậy, để đáp ứng nhu cầu xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt đến từ xí tiểu cho 100 người là các CBCNV làm việc tại cơ sở tại thì tổng thể tích bể tự hoại phải tối thiểu là 12,3m<sup>3</sup>. Tại cơ sở đã bố trí khu 3 khu nhà vệ sinh, mỗi nhà vệ sinh sẽ có 01 bể tự hoại với tổng thể tích 55m<sup>3</sup>.

⇒ Như vậy, thể tích các bể tự hoại hiện hữu tại cơ sở là hoàn toàn đáp ứng yêu cầu để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại giai đoạn sau .

#### **\*) Công trình xử lý số nước thải sinh hoạt nhà ăn**

Cơ sở đã bố trí 01 thiết bị tách dầu mỡ âm sàn 3 ngăn dung tích 2,3 m<sup>3</sup> (kích thước Dài×Rộng×Cao= 1,6×1,45×1,0 m), kết cấu inox để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt từ nhà ăn. Nhiệm vụ của bể này là tách và giữ lại phần dầu mỡ, cặn bản thực phẩm có trong nước thải. Dầu mỡ, rác tách ra định kỳ được vớt bỏ.



**Hình 3.8. Minh hoạt bể tách dầu mỡ**

- *Thuyết minh quy trình:* Ngăn đầu tiên có sọt đựng để giữ lại những rác thải rắn còn sót chảy vào đường ống, đặc biệt là những chất thải lớn tránh gây tắc ống thoát. Hộp đựng và phân tách dầu mỡ được thiết kế để thích ứng với lượng nước để lọc được hiệu quả tốt nhất. Nước thải lần mỡ thừa lần lượt chảy qua các ngăn. Mỡ nhẹ hơn nên sẽ nổi lên trên, để nước đã được lọc bớt chảy ra ngoài. Khác với đường ống dẫn khu vệ sinh, bể tách mỡ có nắp đậy và các vách ngăn tháo rời. Mỡ và chất bẩn lúc tách ra được giữ lại bên trong thùng.

Tần suất thu gom: 2~3 tháng/lần, Chủ cơ sở thuê nhà thầu tới hút và xử lý.

#### **3.1.3.2. Xử lý nước thải sản xuất**

Trước khi đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung nước thải sản xuất được xử lý sơ bộ như sau:

- Nước thải từ quá trình sơ chế được xử lý sơ bộ hồ gom tách rác có kích thước (D × R × S= 2000 × 500 × 400)mm.

- Bể lắng sơ bộ 2 ngăn có tổng dung tích 9m<sup>3</sup>.

Ngăn 1 có kích thước =3m<sup>3</sup>, ngăn 2 có kích thước (D × R × S= 3 × 2 × 1)m=6m<sup>3</sup>.

+ Mục đích và nguyên lý hoạt động: Bể lắng sơ bộ 2 ngăn được bố trí nhằm loại bỏ cặn lơ lửng, bùn thô và các tạp chất không hòa tan phát sinh trong nước thải được phẩm trước khi nước thải được dẫn sang các công đoạn xử lý tiếp theo. Quá

trình xử lý dựa trên nguyên lý lắng trọng lực, trong đó các hạt cặn có khối lượng riêng lớn hơn nước sẽ lắng xuống đáy bể dưới tác dụng của trọng lực.

+ Cấu tạo bể lắng

Bể lắng được thiết kế gồm 02 ngăn liên tiếp, với tổng dung tích 9 m<sup>3</sup>, cụ thể:

Ngăn lắng thứ nhất: dung tích 3 m<sup>3</sup> (Kích thước:  $D \times R \times S = 2 \times 1,5 \times 1$ )m.

Ngăn lắng thứ hai: dung tích 6 m<sup>3</sup> (Kích thước:  $D \times R \times S = 3 \times 2 \times 1$ )m.

Hai ngăn được ngăn cách bằng vách lớp tường gạch, có ống PVC D110 dẫn nước trung gian để đảm bảo dòng chảy ổn định, hạn chế xáo trộn bùn lắng.

+ Thuyết minh quy trình xử lý

Giai đoạn 1: Lắng sơ cấp tại ngăn thứ nhất (3 m<sup>3</sup>)

Nước thải được phẩm sau khi được thu gom sẽ chảy vào ngăn lắng thứ nhất của bể. Tại đây, do tốc độ dòng chảy được giảm đáng kể, các cặn thô, bùn nặng và tạp chất kích thước lớn trong nước thải sẽ nhanh chóng lắng xuống đáy bể.

Ngăn lắng thứ nhất có dung tích nhỏ nhằm tăng hiệu quả tách cặn ban đầu, hạn chế lượng chất rắn đi vào các công đoạn xử lý tiếp theo, đồng thời giảm tải cho ngăn lắng thứ hai. Bùn lắng được tích tụ tại đáy bể và được hút, thu gom định kỳ để xử lý theo quy định.

Giai đoạn 2: Lắng hoàn thiện tại ngăn thứ hai (6 m<sup>3</sup>)

Nước thải sau khi qua ngăn lắng thứ nhất tiếp tục chảy tràn sang ngăn lắng thứ hai. Với dung tích lớn hơn, ngăn này đóng vai trò lắng hoàn thiện, cho phép nước thải có thời gian lưu dài hơn, tạo điều kiện để các cặn mịn và bùn nhẹ còn sót lại tiếp tục lắng xuống đáy.

Quá trình lắng tại ngăn thứ hai giúp giảm đáng kể hàm lượng chất rắn lơ lửng (TSS) trong nước thải, làm nước trong hơn trước khi được dẫn sang công trình xử lý tiếp theo đưa vào hệ thống xử lý tập trung.

### **3.1.3.3. Xử lý nước thải tập trung**

Tại cơ sở đã bố trí 01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm

Nước thải sản xuất gồm (phòng thí nghiệm, vệ sinh máy móc thiết bị, sơ chế, chiết xuất) và nước thải sinh hoạt được thu gom về bể chứa nước thải chung, sau đó được đưa lên hệ thống xử lý tập trung, rồi toàn bộ nước thải được đưa ra bể chứa nước thải sau xử lý trước khi dẫn ra hố ga đầu nổi thoát ra hệ thống thoát nước thải của CCN.

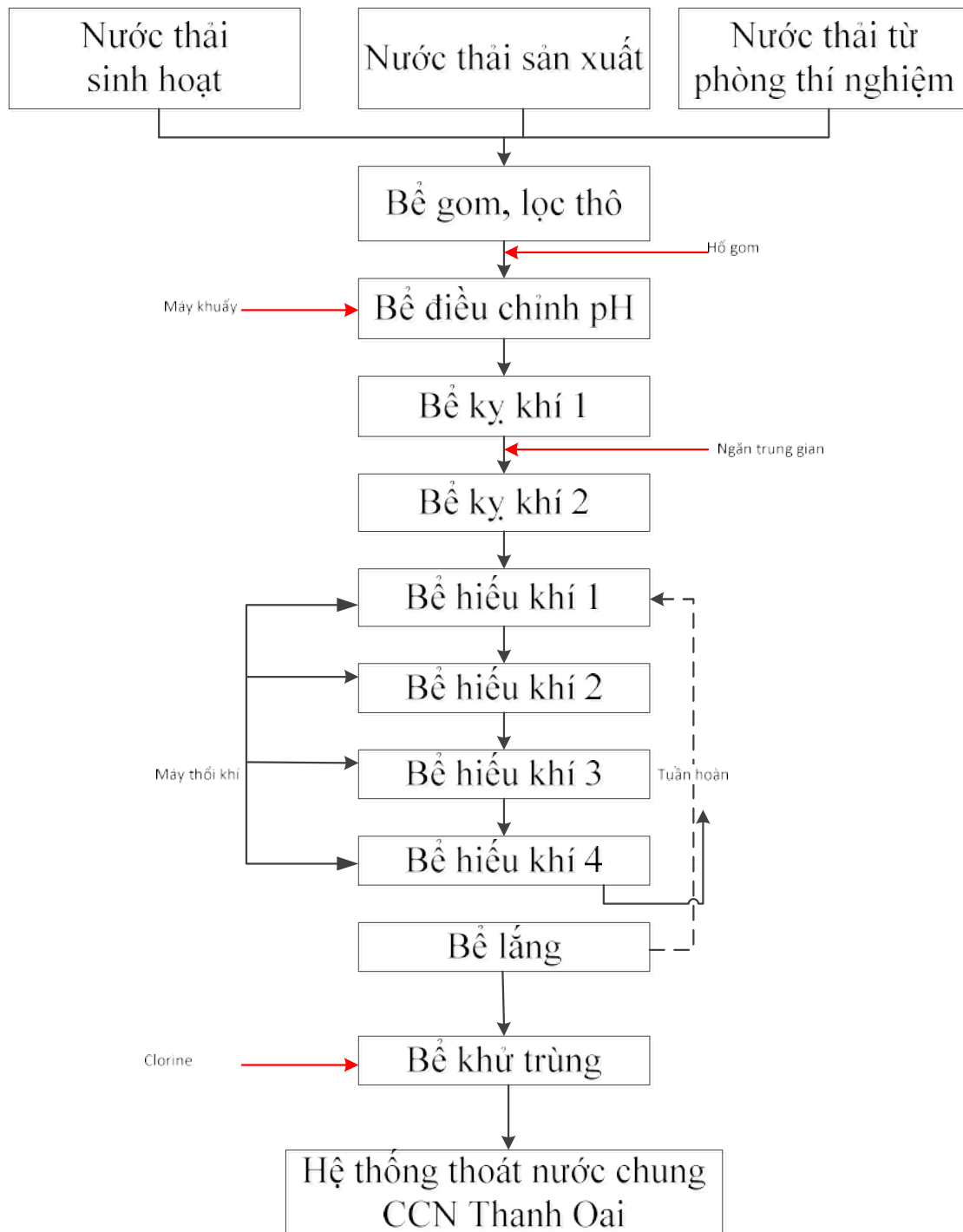
- Công nghệ xử lý: công nghệ xử lý hoá lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, nước thải phòng thí nghiệm → Bể chứa, lọc rác thô → Hồ gom → Bể điều chỉnh pH → Bể kỵ khí 1 → Ngăn trung gian → Bể kỵ khí 2 → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể hiếu khí 3 → Bể hiếu khí 4 → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga đầu nổi → Hệ thống thoát nước thải của CCN Thanh Oai. (Bùn thải → Bể chứa bùn → Thu gom CTTT).

- Hóa chất sử dụng: NaOH, chlorine hoặc các hóa chất tương tự.

**Bảng 3. 3. Lượng hoá chất sử dụng cho trạm xử lý NT tập trung**

STT	Tên hoá chất	Định mức sử dụng (g/m <sup>3</sup> )	Lượng sử dụng (kg/năm)	Ghi chú
1	NaOH	50	450	Số liệu biến động các năm do lưu lượng nước thải thay đổi
2	Clorine	5	75	



**Hình 3. 9. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ được thu gom chung và dẫn về bể chứa (bể gom) kết hợp song chắn rác thô.

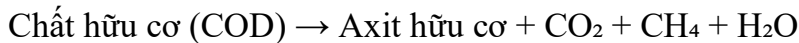
Tại đây, các tạp chất có kích thước lớn như lá cây, cặn thô, bã dược phẩm còn sót... được giữ lại nhằm bảo vệ các thiết bị và công trình xử lý phía sau. Công đoạn này xử lý cơ học. Nước thải tiếp tục chảy hố gom đóng vai trò tập trung và điều tiết lưu lượng. Từ hố gom, nước thải được bơm bể điều chỉnh pH (bể trung hòa).

➤ **Thuyết minh công nghệ:**

- **Bể điều chỉnh pH:** Nước thải sau hồ gom được dẫn vào bể điều chỉnh pH (bể điều hòa có dùng cánh khuấy trộn), tại đây nước được khuấy trộn liên tục nhằm: Ổn định lưu lượng và nồng độ ô nhiễm; Tránh hiện tượng lắng cặn, phân hủy yếm khí cục bộ.

- **Bể kỵ khí 1:** Nước thải từ bể điều hòa được đưa vào bể kỵ khí giai đoạn 1. Trong điều kiện không có oxy, vi sinh vật kỵ khí phân hủy các hợp chất hữu cơ phức tạp thành các chất đơn giản hơn.

Phản ứng sinh học đặc trưng:



Công đoạn này giúp giảm COD, BOD và tạo tiền đề cho quá trình xử lý sinh học phía sau.

- **Bể trung gian:** Nước thải sau bể kỵ khí 1 được dẫn qua bể trung gian nhằm ổn định dòng chảy, tách khí phát sinh và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xử lý kỵ khí tiếp theo.

- **Bể kỵ khí 2:** Tại bể kỵ khí giai đoạn 2, quá trình phân hủy sinh học tiếp tục diễn ra, xử lý sâu hơn các hợp chất hữu cơ còn lại.

Phản ứng tiếp diễn:



Giai đoạn này giúp giảm thêm tải lượng hữu cơ, nâng cao hiệu quả xử lý tổng thể.

- **Bể hiếu khí:** Nước thải sau xử lý kỵ khí được dẫn sang bể hiếu khí, tại đây được cấp khí liên tục để duy trì nồng độ oxy hòa tan phù hợp cho vi sinh vật hiếu khí phát triển.

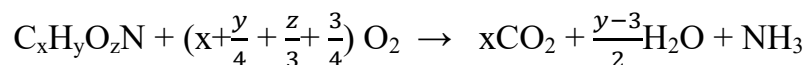
Phản ứng sinh học chính:

Oxy hóa chất hữu cơ:

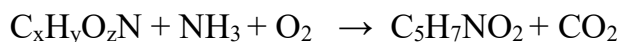


Phương trình tổng quát của quá trình phân hủy sinh học hiếu khí diễn ra như sau:

Phản ứng oxy hóa các chất hữu cơ để đáp ứng nhu cầu năng lượng của tế bào:



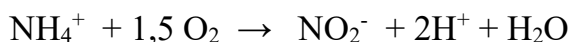
Phản ứng tổng hợp để xây dựng tế bào:



( $C_xH_yO_zN$  là các chất ô nhiễm hữu cơ,  $C_5H_7NO_2$  là công thức đại diện vi sinh vật)

Đồng thời với việc oxi hóa các chất hữu cơ, tại bể hiếu khí aerobic cũng diễn ra quá trình chuyển hóa amoni  $NH_4^+$  thành nitrat  $NO_3^-$ . Quá trình oxi hóa amoni được thực hiện kế tiếp nhau bởi hai loại vi sinh vật.

Chủng vi sinh vật Nitrosomonas:



Chủng vi sinh vật Nitrobacter:



Nước thải sau khi qua bể vi sinh hiếu khí tự chảy tràn qua ngăn lắng.

Công đoạn hiếu khí giúp xử lý triệt để BOD, COD và amoni trong nước thải.

- **BỂ LẮNG SINH HỌC:** Hỗn hợp nước – bùn từ bể hiếu khí chảy sang bể lắng để tách bùn hoạt tính ra khỏi nước. Bùn lắng được thu gom định kỳ (hoặc hoàn lưu về bể hiếu khí), nước trong chảy tràn sang công đoạn khử trùng.

- **BỂ KHỬ TRÙNG:** Nước thải sau lắng được đưa vào bể khử trùng, tại đây hóa chất khử trùng (thường là Clo hoặc hợp chất Clo) được bổ sung nhằm tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh.

Phản ứng đặc trưng:



HOCl và  $OCl^-$  là các tác nhân oxy hóa mạnh, có khả năng tiêu diệt vi khuẩn, virus trong nước thải.

Nước thải sau khử trùng đạt quy chuẩn đầu nối được dẫn về hố ga đầu nối, sau đó xả vào hệ thống thoát nước thải của CCN Thanh Oai theo quy định.

Nước thải đảm bảo nước sau khi lọc đạt theo tiêu chuẩn đầu nối vào CCN Thanh Oai (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

**Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung**

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	GHI CHÚ
1	Bể gom, lọc thô	Thể tích: 10m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	
2	Hố gom	Thể tích: 2,5m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	
2	Bể điều chỉnh pH (điều hòa)	Thể tích: 14m <sup>3</sup>	

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	GHI CHÚ
		Vật liệu: BTCT	
3	Ngăn trung gian	Thể tích: 5m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	Tận dụng khoảng trống xung quanh bể kỵ khí 1
4	Bể kỵ khí 1	Thể tích: 117m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	Bể trụ D4500mm
5	Bể kỵ khí 2	Thể tích : 120m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	
6	Bể hiếu khí 1	Thể tích : 25m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	
7	Bể hiếu khí 2	Thể tích : 32m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	
8	Bể hiếu khí 3	Thể tích : 14m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	
9	Bể hiếu khí 4	Thể tích : 16 m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	
10	Bể lắng	Thể tích : 73 m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	Bể trụ D4500mm
11	Bể khử trùng	Thể tích : 3,5 m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	
13	Bể chứa bùn	Thể tích : 11 m <sup>3</sup> Vật liệu: BTCT	
12	Máy bơm	SL: 03 bộ Công suất: 2.2Kw/380v/50HZ	
13	Tank pha hóa chất	Thể tích: 300Lit SL: 01 cái Vật liệu: Composite	
12	Máy thổi khí	Công suất: 4Kw Lưu lượng: 2m <sup>3</sup> /phút SL: 3 máy	
13	Máy khuấy	Model: PF11904-150s3 Cs: 1.1Kw/380v/1400rpm SL:02 bộ	
14	Máy khuấy	Model: PF22904-30s3 Cs: 2.2Kw/380v/1400rpm	

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	GHI CHÚ
		SL:02 bộ	
15	Bơm bùn	SL: 01 bộ Công suất: 1.1Kw/380v/50HZ	
17	Hệ thống tủ điện	Số lượng : 01 bộ	

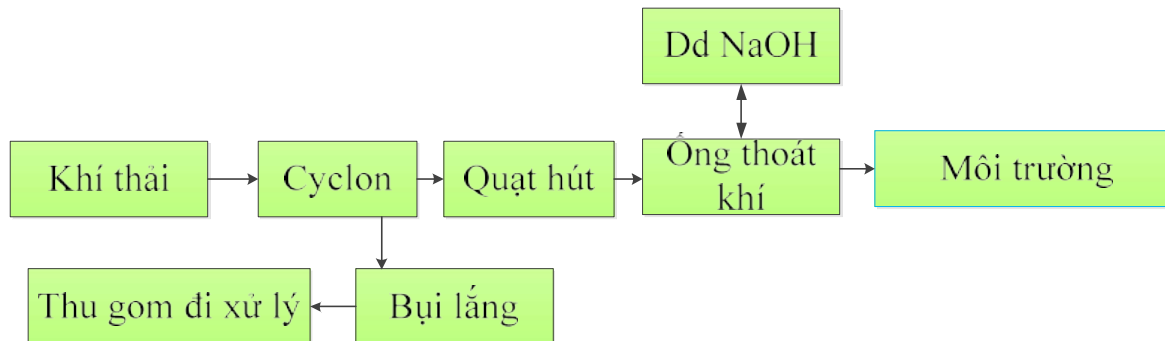


Hình 3. 10. Hệ thống xử lý nước thải 50m<sup>3</sup>/ngày đêm

### 3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

#### 3.2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải lò hơi

Sơ đồ thu gom khí thải lò hơi như sau:



Hình 3. 11. Sơ đồ thu gom khí thải lò hơi

Khí thải phát sinh từ hoạt động đốt than tại lò hơi, thành phần chủ yếu gồm bụi tro, tro bay, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO và các khí cháy khác. Khí thải được thu gom và xử lý trước khi xả ra môi trường.

**- Thuyết minh công nghệ:**

Quy trình xử lý như sau: Khí thải sau khi ra khỏi lò được đưa qua thiết bị trao đổi nhiệt ống chùm để lấy nhiệt cung cấp ngược trở lại cho lò nhờ quạt thổi mục đích là làm giảm nhiệt độ của khói lò trước khi khói lò được đưa sang bể đập bụi ướt đồng thời xử lý khí thải bằng sữa vôi cấp dưới dạng phun sương.

- Xử lý khí SO<sub>2</sub> bằng NaOH.

+ Quy trình hấp thụ hơi khí độc là quá trình xảy ra phản ứng hóa học hơi khí độc với chất hấp thụ khác pha để có chất mới với thuộc tính mới. Chất hấp thụ hơi khí độc đa phần là ở thể lỏng được phun thành giọt nhỏ vào dòng khí thải. Tại nhà máy sử dụng NaOH phun (dưới dạng sương) trực tiếp vào bên trong xử lý.

+ Dòng khí được đưa vào bể xử lý để đập bụi ướt và loại bỏ khí SO<sub>2</sub>. Quạt hút khí thải và đưa vào trong thiết bị từ phía dưới lên trên, dung dịch sữa vôi được phun dưới dạng sương mù từ trên xuống dưới. Hai pha khí và lỏng tiếp xúc với nhau, khí SO<sub>2</sub> hấp thụ vào dung dịch NaOH, theo dòng sương đi xuống phía đáy của thiết bị và thải vào bể chứa cặn, còn khí sạch sau khi được hấp thụ SO<sub>2</sub> đi lên phía trên của thiết bị, dẫn vào ống khói và thải vào môi trường không khí.

Dung dịch sau khi tiếp xúc với khí thải có nhiệt độ cao và chứa các chất ô nhiễm, thu gom về chứa dung dịch hấp thụ, tại đây thực hiện quá trình lắng tách cặn và bổ sung thêm dung dịch NaOH để bơm tuần hoàn để tái sử dụng.

Định kỳ 3 tháng/lần cơ sở sẽ tiến hành thu gom cặn lắng từ hệ thống xử lý khí thải và thuê đơn vị có đủ năng lực đem đi xử lý theo đúng quy định.

Cơ sở sẽ lắp đặt bể xử lý khí thải: Toàn bộ khí thải phát sinh từ lò hơi theo đường ống D400 được hút bởi quạt hút khí thải lưu lượng hút 7.500m<sup>3</sup>/h, điện áp 380V/3P/50Hz, công suất 7,5kW vào tháp lọc bụi dạng Cyclon để lọc bụi, sau đó được đưa sang tháp dung dịch sữa vôi với kích thước D400mm, cao 18m ở bên cạnh lò hơi để xử lý toàn bộ khí thải và xử lý bụi phát sinh một lần nữa. Khí sau xử lý được dẫn xả theo ống khói cao 18m ra ngoài môi trường.

Bụi và khí thải lò hơi sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, Kp=1,0; Kv = 1,0).

- Hoá chất sử dụng: NaOH với khối lượng khoảng 6kg/ngày

**Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải lò hơi**

TT	Thiết bị	Số lượng	Mô tả tả đặc điểm kỹ thuật
1	Quạt hút ly tâm	1	- Công suất quạt: 7,5 kW

TT	Thiết bị	Số lượng	Mô tả tả đặc điểm kỹ thuật
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp suất: 1.900 Pa</li> <li>- Lưu lượng: 7500 m<sup>3</sup>/h.</li> <li>- Điện áp: 3 pha/380V/50Hz</li> </ul>
2	Cyclon lọc bụi	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước D800mm×H1600mm</li> <li>- Vật liệu: Thép chống rỉ</li> </ul>
3	Bồn chứa nước để xử lý bụi và SO <sub>2</sub>	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: D×H=0,56×1,25m, V=1m<sup>3</sup></li> <li>- Vật liệu: inox;</li> <li>- Máy bơm nước 2,2kW và đường ống dẫn D50, béc phun;</li> <li>- Đường ống dẫn khí thải D400;</li> </ul>
4	Ống thoát khí thải	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính: D=400(mm)</li> <li>- Chiều cao: 18m so với mặt nền</li> <li>- Vật liệu: thép SS400 dày 3mm</li> </ul>
5	Hệ thống tủ điện điều khiển	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vỏ tủ điện sơn tĩnh điện</li> <li>- Thiết bị điều khiển, mạch điều khiển</li> <li>- Phụ kiện và dây điện từng thiết bị</li> </ul>
6	Tọa độ ống thải KT1 (VN2000, KTT: 105 <sup>0</sup> , MC: 3 <sup>0</sup> )		<p>X(m)= 2.315.066. Y(m)= 578.520.</p>
7	Chế độ xả thải		Liên tục, 24/24h.
8	Chất lượng khí thải		QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B
9	Lưu lượng khí thải		Q <sub>KT</sub> = 7.500 m <sup>3</sup> /giờ



**Hình 3. 12. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi tại cơ sở**

### **3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khác**

*a) Đối với bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông*

Đối với bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông, chủ cơ sở có các công trình, biện pháp xử lý cụ thể:

- Xe máy phải tắt máy trước khi đi vào công ty;
- Đường giao thông và mặt bằng sân bãi trải bê tông để giảm thiểu đất cát bị cuốn bay vào không khí;
- Thường xuyên làm vệ sinh, thu gom rác, quét bụi, phun nước tại khu vực sân bãi để giảm lượng bụi do các phương tiện giao thông vận tải, xe cộ vào nhà máy;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt;
- Các phương tiện phải đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép lưu thông đúng quy định của Bộ giao thông vận tải;
- Tưới nước sân nền và mặt đường phía trước dự án vào các ngày nắng nóng để giảm thiểu bụi;
- Xe ô tô, xe tải ra vào công ty yêu cầu tốc độ chậm < 5km/h.

*b) Đối với bụi, khí thải phát sinh từ khu vực tập kết rác và khu vực hệ thống xử lý nước thải*

Đối với bụi, khí thải phát sinh từ khu vực tập kết rác và khu vực hệ thống xử lý nước thải, chủ cơ sở có các công trình, biện pháp xử lý cụ thể:

- Để rác thải đúng quy định và được đựng trong các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy;
- Tổ chức thu gom kịp thời, hàng ngày đội vệ sinh có trách nhiệm thu gom rác thải mang đến nơi tập kết đã quy định và thuê đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định;
- Khử mùi hôi tại chỗ bằng chế phẩm khử mùi (EM). Tỷ lệ pha tạo dung dịch phun khử mùi là 1 lít EM/100 lít nước.
- Vị trí đặt hệ thống xử lý nước thải cách khu làm việc của công nhân, nơi ít người đi lại. Sử dụng chế phẩm sinh học (EM) để khử mùi hôi tại hệ thống xử lý.

*c) Hệ thống thông gió cưỡng bức nhà xưởng*

Tại các xưởng sản xuất chủ cơ sở bố trí hệ thống thông gió cưỡng bức có sử dụng quạt hút gió công nghiệp hoặc điều hòa không khí.

### **3.3. Các công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

#### ***3.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt***

- Khối lượng: Trong giai đoạn hiện tại, số lượng CBCNV làm việc tại cơ sở khoảng 100 người, số ngày làm việc là 25 ngày/tháng. Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt

động sinh hoạt của CBCNV làm việc tại cơ sở gồm các chất hữu cơ, giấy các loại, rác thực phẩm,...phát sinh khoảng 50 kg/ngày tương đương 15 tấn/năm.

- Phương án thu gom: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng nhựa dung tích 24-120 lít (khoảng 10 thùng) được đặt tại các khu vực nhà xưởng, văn phòng, nhà vệ sinh,... Sau đó được tập kết bằng xe đẩy 550 lít (10 xe) và tập kết tại khu vực gần lò hơi, có mái che diện tích 15m<sup>2</sup>, chờ đơn vị thu gom đến vận chuyển đi.

- Thiết bị lưu chứa: các thùng nhựa dung tích 24-120 lít/thùng, xe đẩy bằng inox 550 lít.

- Khu vực tập kết diện tích 15m<sup>2</sup>. Kết cấu tường gạch, có mái che bằng tôn.

Chủ cơ sở ký hợp đồng thu đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTR theo đúng quy định, tần suất thu gom 1 lần/ngày.



Hình 3. 13. Thiết bị, vị trí tập kết CTRSH

### 3.3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

Khối lượng CTRCNTT phát sinh tại cơ sở trong giai đoạn hiện và giai đoạn sau như sau:

Bảng 3. 6. Thống kê khối lượng CTRCNTT

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng hiện tại		Khối lượng hoạt động tối đa
			Năm 2024	Năm 2025	
1	Bao bì giấy, thùng carton phát sinh từ hoạt động văn phòng	Kg/năm	2.150	1.993	2500

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng hiện tại		Khối lượng hoạt động tối đa
			Năm 2024	Năm 2025	
2	Sắt vụn	Kg/năm	0	36	0
3	Nhựa	Kg/năm	1.850	1544	2.000
2	Bã dược liệu	Kg/năm	216.500	197.000	300.000
3	Lõi lọc, màng lọc của hệ thống lọc nước RO	Kg/năm	600	227	1000
4	Bùn thải từ bể tự hoại, từ hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống xử lý nước thải	Kg/năm	3.500	3.500	5000
	<b>Tổng</b>		<b>224.600</b>	<b>204.300</b>	<b>310.900</b>

- Phương án thu gom: CTRCNTT được thu gom vào các thùng chứa đặt tại các khu vực sản xuất sau đó cuối ca làm việc sẽ được nhân viên tập kết và lưu giữ tại Kho lưu chứa CTR thông thường diện tích 15m<sup>2</sup>. Đối với bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ được cơ sở thuê đơn vị đến thu hút trực tiếp tại bể chứa bùn.

Đối với bã dược liệu thì cơ sở định kỳ 1 ngày/lần đơn vị thu gom vào vận chuyển đem đi xử lý theo quy định.

- Thiết bị lưu chứa: 100 bao bì 50kg, 05 palet gỗ (dùng để phế liệu: nilong, sắt vụn, nhựa, lõi lọc)

+ Đối với bã dược liệu hàng ngày được công nhân tập kết để vào xe đẩy inox 550 lít (có lót túi nilong tránh rò rỉ nước ra ngoài).

- Kho chứa CTRTT tổng diện tích 15 m<sup>2</sup>. Kết cấu tường gạch trát vữa xi măng, có mái che, các vách ngăn với nhau bằng rào thép cứng.

### 3.4. Các công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại của cơ sở phát sinh do quá trình sản xuất, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng máy móc.

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của Cơ sở như sau

**Bảng 3.7. Bảng tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại của cơ sở**

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (năm 2025) Kg/năm	Khối lượng hoạt động tối đa Kg/năm
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (túi lọc bụi, tấm lọc, túi lọc, màng lọc)	Rắn	18 02 01	139	200
2	Bóng đèn neong thải	Rắn	16 01 06	25	30
3	Dung môi hữu cơ thải	Rắn	03 05 03	235	250
4	Bao bì thải bằng vật liệu khác	Lỏng	18 01 04	80	100
	<b>Tổng</b>			<b>479</b>	<b>580</b>

Việc thu gom, lưu giữ, quản lý, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh được Cơ sở thực hiện theo đúng pháp luật hiện hành, được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định, thông tư kèm theo. Phương án thu gom, lưu giữ, quản lý được thực hiện cụ thể như sau:

- Phương án thu gom:

+ CTNH được phân loại tại nguồn vào các thùng chứa có dán nhãn, nắp đậy và lưu trữ tại Kho CTNH diện tích 15m<sup>2</sup>. Sau đó thuê đó thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Thiết bị lưu chứa: 4 thùng chứa có dung tích 120 lít/thùng có nắp đậy để lưu chứa các CTNH. Mỗi thùng chứa chất thải đều có dán nhãn tên loại chất thải để dễ phân biệt.

+ Đối với các dung môi thải sẽ được lưu riêng tại các chai thủy tinh được đặt trên palet gỗ trong kho tại khu vực riêng có biển tên và mã chất thải gắn trên tường.

- Kho CTNH: có diện tích 15m<sup>2</sup>, kho dạng kín, mái tôn, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn. Bên trong kho bố trí các thùng chứa CTNH có dán nhãn riêng biệt cho từng loại, mỗi nhóm chất thải sẽ được phân ra thành từng khu riêng biệt, thùng riêng và có dán biển tên của nhóm CTNH đó tại khu vực lưu trữ tập trung. Tại cửa kho có biển cảnh báo và trang bị các bình cứu hoả, nội quy PCCC, tiêu lệnh chữa cháy, thùng chứa cát, xẻng theo quy định.

Chủ cơ sở ký hợp đồng thu đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTNH theo đúng quy định, tần suất thu gom 01 lần/năm. Năm 2025 cơ sở đã ký hợp đồng số 12055/2025/HĐKT/ETC ngày 05/12/2025 với Công ty CP đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC. Theo điều khoản hợp đồng thì Công ty CP đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC có trách nhiệm thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải nguy hại của Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng để xử lý theo đúng quy định hiện hành.



**Hình 3. 14. Kho lưu chứa chất thải nguy hại**

### **3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Căn cứ theo Báo cáo quan trắc môi trường năm 2025, tiếng ồn, độ rung phát sinh tại cơ sở đều nằm dưới ngưỡng cho phép

#### **Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Đối với tiếng ồn do phương tiện giao thông
  - Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ  $\leq 5\text{km/h}$ , không bóp còi;
  - Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng;
  - Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt;
  - Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và thu gom chất thải, các loại phương tiện khác đều phải gửi xe ngoài bãi xe.
- Đối với tiếng ồn, độ rung trong sản xuất
  - Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 - 6 tháng/lần;
  - Thiết kế nhà xưởng thông thoáng, tạo môi trường làm việc rộng rãi;

- Công tác giảm thiểu tiếng ồn tại nguồn được công ty chú ý ngay từ khâu thiết kế như: Thiết kế các bộ phận giảm âm, trang bị các thiết bị chống ồn cho công nhân, đặc biệt những khâu sản xuất phát sinh tiếng ồn.

### **3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

#### **3.6.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ**

Cơ sở đã đầu tư hệ thống PCCC theo hồ sơ thiết kế và được Phòng Cảnh sát PCCC – Công an thành phố Hà Nội thẩm duyệt về PCCC giấy chứng số 28/CNTD-PCCC ngày 14/01/2010.

Các thiết bị phòng cháy của cơ sở bao gồm: Hệ thống cấp nước chữa cháy gồm 02 máy bơm điện pentax 5,5kW và 3,5kW, 13 họng nước chữa cháy vách tường cùng các lăng vòi kèm theo. 12 bình khí CO<sub>2</sub>, 50 bình chữa cháy MEZ8, 02 bình chữa cháy xe đẩy MEZT35.

- Tại cơ sở có lối thoát nạn, hệ thống PCCC đầy đủ bao gồm hệ thống PCCC bằng nước, hệ thống chữa cháy bằng bình chữa cháy, hệ thống báo cháy,...

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ tại cơ sở như sau:

+ Xây dựng nội quy PCCC chung cho Nhà máy, xây dựng phương án và trang bị thiết bị PCCC cho từng nhà máy và phải được thẩm duyệt, kiểm tra các công trình trước khi đi vào hoạt động.

+ Tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức chấp hành nội quy PCCC cho bảo vệ, nhân viên, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc chấp hành nội quy PCCC đã đề ra. Yêu cầu nhân viên thực hiện một số nội dung sau:

+ Vận hành máy móc đúng quy trình công nghệ.

+ Tắt máy, cúp cầu dao khi hết ca làm việc .

+ Vệ sinh công nghiệp máy móc thiết bị và hệ thống điện.

+ Công tác tổ chức: Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng sẽ thành lập đội PCCC bao gồm lực lượng từ công ty gồm 22 người. Duy trì nghiêm túc công tác bảo vệ, tuần tra canh gác 24/24 giờ để phát hiện kịp thời các vụ cháy xảy ra để tổ chức chữa cháy kịp thời có hiệu quả.

+ Công tác huấn luyện lực lượng PCCC tại chỗ

- Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho công nhân để nâng cao nhận thức về công tác .
- Theo thời gian định kỳ, tổ chức kiểm tra trang thiết bị PCCC và thực tập PCCC tại đơn vị.
- Tổ chức diễn tập và học tập huấn luyện công tác PCCC.
- Kết hợp chặt chẽ với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp cho phương án

## PCCC.

+ Công tác kiểm tra: Thường xuyên kiểm tra công tác PCCC trong các khu vực sản xuất của Nhà máy nhất là các khu vực lò đốt, bãi chứa nguyên liệu than, than củi, dầu, các khu vực ổ điện, cầu giao,... để kịp thời phát hiện sự cố khi có cháy nổ.

### **3.6.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hoá chất**

#### *- Biện pháp quản lý*

Thực hiện nghiêm túc các quy định trong Luật hoá chất, cụ thể:

+ Không sử dụng các hoá chất thuộc danh mục hoá chất cấm quy định

+ Xây dựng và gửi sở công thương biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hoá chất (nếu có).

+ Thực hiện các quy định trong việc quản lý, kiểm soát hóa chất.

+ Dự trù kinh phí cho hoạt động phòng ngừa và ứng phó sự cố hoá chất như: kinh phí thực hiện các thủ tục pháp lý về Luật hoá chất; kinh phí đầu tư các thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố; kinh phí khắc phục sau sự cố.

#### *- Biện pháp phòng ngừa*

Các biện pháp phòng ngừa sự cố hoá chất phải thực hiện theo đúng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất đã được sở công thương phê duyệt.

+ Các biện pháp phòng ngừa chung:

Luôn cập nhập các thông tin về chỉ dẫn an toàn hoá chất (MSDS);

Lập kế hoạch đào tạo, tập huấn hàng năm về vận hành thiết bị, phòng ngừa và ứng phó sự cố;

Lập kế hoạch kiểm tra an toàn, bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, xuất nhập, lưu giữ và vận chuyển hoá chất

Lập chương trình phối hợp ứng phó sự cố với các đơn vị bên ngoài (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương, Cảnh sát PCCC,...)

+ Các yêu cầu về cất giữ hoá chất;

Bảo quản trong các thiết bị chuyên dụng ở nơi khô ráo, thoáng mát và phải được đóng kín.

Sử dụng phương pháp tiếp địa thích hợp trong quá trình vận chuyển và tồn chứa.

Bảo quản thùng chứa hoá chất tránh các va đập mạnh, tránh xa các nguồn nhiệt, tia lửa và các chất oxy hoá mạnh.

Lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy

Tuân thủ các quy định về PCCC, an toàn hoá chất, bảo vệ môi trường trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành.

Không tồn trữ hoặc mở nắp các thùng chứa hoá chất ở nơi gần nguồn lửa, nguồn khí nóng hoặc nguồn dây cháy. Không tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời.

Không được nén khí, cắt làm nóng hoặc hàn các thùng chứa hoá chất. Không sử dụng lại những thùng đã qua sử dụng khi chưa làm sạch.

- *Biện pháp ứng phó:*

Các biện pháp ứng phó sự cố hoá chất phải thực hiện theo đúng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất đã xây dựng và nộp sở công thương.

Ưu tiên bảo vệ sức khoẻ, tính mạng con người và cộng đồng dân cư, bảo vệ môi trường; nhanh chóng đưa các nạn nhân ra khỏi vùng sự cố, chuẩn đoán sơ bộ, cấp cứu, loại bỏ sự tiếp xúc với hoá chất và đưa nạn nhân đến cơ quan y tế gần nhất.

Thông báo cơ quan quản lý nhà nước nơi xảy ra sự cố

Tổng hợp tên, thành phần và khối lượng hoá chất gây ra sự cố; tác động của hoá chất đến môi trường và con người; các yêu cầu cụ thể trong việc xử lý sự cố;

Huy động các phương tiện kỹ thuật và trang bị bảo hộ cá nhân từ Kho hoá chất đến nơi xảy ra sự cố

Tiến hành ứng phó sự cố dựa trên bản chất hoá lý, tính nguy hại của loại hoá chất và dưới sự giám sát của Cơ quan quản lý nhà nước.

- An toàn khi tiếp xúc hoá chất

+ Tuân thủ theo đúng yêu cầu về an toàn hoá chất đã được quy định theo pháp luật;

+ Sử dụng trang thiết bị bảo hộ thích hợp khi vận chuyển với hoá chất nguy hiểm hoặc độc hại;

+ Không mua bán hoá chất không có nhãn mà chưa nhận biết rõ ràng;

+ Phải biết những tác hại nguy hiểm với hoá chất, không được tháo mở với những hoá chất mà mức độ nguy hiểm của nó chưa biết rõ ràng;

+ Nắm vững “Số liệu an toàn của hoá chất” đối với tất cả các hoá chất được mua bán và lưu trữ;

+ Khi hoá chất bị tràn, phải đóng cửa cống, không dùng nước cũng như không được phép để hoá chất chảy tràn vào hệ thống cống;

+ Khoanh vùng và trung hoà hoá chất tràn sau đó xúc vào thùng, quét và rửa bằng nước;

+ Khi thu gom những chai lọ chứa hoá chất bị bể vỡ, cần trang bị đầy đủ những thiết bị bảo hộ lao động, tránh tiếp xúc trực tiếp với người thực hiện.

### **3.6.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải**

Chủ cơ sở thực hiện các phương án, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các hệ thống xử lý tập trung tại cơ sở như sau:

- Sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị hoặc sự cố vận hành hệ thống XLNT:

+ Trong quá trình vận hành hệ thống XLNT có khả năng xảy ra sự cố do hư hỏng các thiết bị như hỏng bơm định lượng nước thải, hỏng bơm bùn, tắc máy khuấy, bị nghẹt đường ống,... Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống XLNT, trước hết cán bộ vận hành, giám sát hệ thống sẽ thực hiện theo quy trình sau: Khi đèn báo lỗi của động cơ sáng thì không được xoay báo lỗi tổng sẽ báo. Người vận hành tắt automat cấp nguồn cho động cơ đó và tiến hành kiểm tra rơ le nhiệt, nếu động cơ không có vấn đề thì kiểm tra rơ le nhiệt trong tủ điều khiển. Nếu đó là do rơ le nhiệt thì người vận hành nhấn nút reset trên rơ le nhiệt, sau đó bật automat cấp nguồn cho động cơ đó để kiểm tra hoạt động của động cơ. Lỗi chủ yếu gặp phải do rác thô vào buồng hút của bơm chìm gây tắc động điện làm nhảy rơ le nhiệt. Trường hợp này cần tắt automat cấp nguồn cho bơm, tháo nắp bơm lên kiểm tra, loại bỏ cặn rác bám trong bơm. Sau đó, lắp lại vị trí cũ, reset rơ le nhiệt, rồi bật automat cấp nguồn cho bơm.

+ Trong trường hợp nhân viên vận hành không giải quyết triệt để được sự cố, Công ty sẽ liên hệ với đơn vị nhà thầu thiết kế, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp cải tạo, sửa chữa phù hợp.

- Sự cố nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu:

+ Khi phát hiện sự cố, chặn nguồn nước thải đầu ra, dừng việc xả thải. Nước thải sẽ được lưu giữ tại các bể chứa, bể chứa tổng hợp,...

+ Tổ kỹ thuật cần nhanh chóng khắc phục sự cố, tìm hiểu nguyên nhân. Khắc phục sự cố sớm nhất có thể.

+ Trong trường hợp không thể khắc phục được trong giới gian ngắn, cần báo cho BQL CCN, Sở NNMT,.. để cùng phối hợp khắc phục sự cố.

+ Hệ thống/trạm XLNT chỉ được vận hành trở lại khi đảm bảo đầy đủ các quy định về kỹ thuật theo yêu cầu.

- Sự cố lưu lượng tăng cao, nước thải đầu vào có nồng độ ô nhiễm quá cao:

+ Cán bộ kỹ thuật xử lý nước thải phải thường xuyên kiểm tra để đảm bảo nồng độ đầu vào không vượt quá khả năng xử lý của hệ thống. Khi có sự cố, tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp giảm thiểu ngay tại nguồn gây ra sự cố.

- Sự cố đổ tràn hoá chất xử lý nước thải:

Hiện nay, Công ty đã bố trí các thùng chứa đảm bảo quy định chống rò rỉ, ăn mòn để chứa hóa chất xử lý nước thải nên khả năng xảy ra sự cố tràn hóa chất xử lý nước thải là thấp. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn, Công ty sẽ luôn chú trọng kiểm tra công tác lưu trữ hóa chất xử lý nước thải trong các thùng chứa đúng tiêu chuẩn, đúng quy cách để hạn chế tối đa sự rò rỉ hóa chất ra môi trường xung quanh. Trong trường hợp xảy ra rò rỉ hóa chất này cần tiến hành các biện pháp sau để khắc phục sự cố:

+ Sơ tán toàn bộ những người không có trách nhiệm đến nơi an toàn theo đường thoát hiểm, thực hiện sơ cứu nếu cần thiết.

+ Nếu hóa chất đổ tràn có khả năng bốc cháy thì phải giảm nguy cơ cháy nổ bằng cách dập tắt mọi ngọn lửa trần, nguồn nhiệt hoặc cúp cầu dao điện tổng.

+ Đánh giá tình trạng và khả năng giải quyết. Nếu thấy cần thiết thì kêu gọi sự giúp đỡ từ bên ngoài.

+ Hạn chế và cô lập khu vực hóa chất lan truyền bằng cách kiểm soát tại nguồn phát sinh.

+ Cố gắng xử lý triệt để vết rò rỉ hoặc tràn đổ bằng việc quây lại và thấm hút sạch. Nếu thấy thích hợp sẽ dùng nước, chất tẩy rửa làm sạch khu vực bị tràn và dung dịch rửa được thu gom lại để xử lý.

+ Vùng bị rò rỉ hoặc tràn đổ phải được khử độc, được kiểm tra, đo đạc, đảm bảo an toàn và được chỉ đạo của các đơn vị chức năng theo quy định, khi đó mới được vận hành bình thường trở lại.

#### **3.6.4. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải**

Chủ cơ sở thực hiện các phương án, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các hệ thống xử lý khí thải tại cơ sở như sau:

- Sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị, sự cố vận hành hệ thống xử lý khí thải:

+ Trong quá trình vận hành Hệ thống xử lý khí thải của Công ty có khả năng xảy ra sự cố do hư hỏng các thiết bị như hỏng quạt trong chụp hút khí, hỏng đường ống cấp nước, tắc đường ống thoát nước tuần hoàn,...

+ Khi xảy ra sự cố hỏng quạt trong chụp hút khí, trước hết cán bộ vận hành, giám sát hệ thống sẽ thực hiện theo quy trình sau: tìm nguyên nhân sự cố gây tắc/hỏng động cơ thiết bị, tắt automat cấp nguồn cho động cơ đó và tiến hành kiểm tra động cơ, tháo động cơ ra để kiểm tra, vệ sinh thiết bị hoặc thay thế động cơ cũ

bằng động cơ mới. Sau đó, lắp lại vị trí cũ, bật automat cấp nguồn cho động cơ.

+ Khi xảy ra sự cố hỏng đường ống cấp nước hoặc tắc đường ống thoát nước tuần hoàn, cán bộ vận hành sẽ kiểm tra đường ống nước, tiến hành súc rửa vệ sinh đường ống hoặc thay thế đường ống mới có kích thước lớn hơn đường ống cũ.

- Sự cố khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định:

+ Trong trường hợp khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu, ngay lập tức Công ty sẽ dừng hoạt động lò hơi, tìm nguyên nhân để có biện pháp khắc phục; ví dụ như trong trường hợp hỏng thiết bị, máy móc thì tiến hành sửa chữa, khắc phục thiết bị đó để đưa hệ thống xử lý khí thải vào vận hành ổn định lại; trong trường hợp nguyên nhân do tăng lưu lượng khí thải, Công ty sẽ xem xét việc tăng số lượng chụp hút để đảm bảo xử lý được toàn bộ khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất mạ.

- Sự cố về điện và phòng cháy chữa cháy: Trong trường hợp mất điện, tiến hành kiểm tra máy phát điện dự phòng như sau:

+ Kiểm tra mức dầu dự trữ cho máy phát điện (đảm bảo lượng dầu trong bồn chạy trong 2 ngày nếu mất điện).

+ Kiểm tra hoạt động của bơm dầu từ bồn chứa chính vào bồn cấp trực tiếp cho máy phát (nếu có).

+ Kiểm tra acquy máy phát điện.

+ Kiểm tra miệng/nắp bồn bể chứa dầu, tránh ngập nắp khiến nước vào bể dầu.

### **3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai (cũ) cấp Giấy xác nhận Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường 72/UBND-XNMT ngày 06/03/2009 của Dự án “Nhà máy sản xuất Đông dược Phúc Hưng”.

Các công trình BVMT hiện hữu của cơ sở có thay đổi theo chiều hướng tích cực, so với nội dung theo Giấy xác nhận Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường 72/UBND-XNMT ngày 06/03/2009. Đó là cơ sở bổ sung thêm hệ thống xử lý khí thải lò hơi và đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Hệ thống này được thiết kế, lắp đặt và vận hành để đảm bảo toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom, xử lý đạt Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của CCN Thanh Oai trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Cụ thể nội dung thay đổi được trình bày như sau:

**Bảng 3. 8. Nội dung thay đổi so với kế hoạch bảo vệ môi trường**

STT	Công trình bảo vệ môi trường	GXN số 72/UBND-XNMT ngày 06/03/2009	Hiện trạng	Ghi chú
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	Không đề cập chi tiết quy trình công nghệ. <b>Trong bản cam kết bảo vệ môi trường:</b> Sử dụng các bể tự hoại 3 ngăn để xử lý kèm theo chế phẩm vi sinh	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m <sup>3</sup> /ngày đêm. <b>Quy trình xử lý:</b> Nước thải sản xuất, nước thải từ hệ thống lọc RO, nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ, nước thải phòng thí nghiệm → Bể gom → Bể điều chỉnh pH → Bể kỵ khí 1 → Ngăn trung gian → Bể kỵ khí 2 → Bể hiếu khí 1, 2, 3, 4 → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga → Hệ thống thu gom nước thải tập trung của CCN	Do bể tự hoại chỉ xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt và không đáp ứng tiêu chuẩn cho phép đầu nổi của CCN, nước thải dược phẩm có hàm lượng COD, BOD và màu cao cho nên yêu cầu cấp thiết phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung
2	Hệ thống xử lý khí thải	Không đề cập chi tiết trong giấy xác nhận. Trong nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường: - Đầu tư lắp đặt tủ hút mùi tại khu vực sản xuất phát sinh mùi và dung môi hữu cơ trong quá trình tách chiết dược phẩm và tủ hút từ phòng thí nghiệm dựa	Các tủ hút mùi tại phòng thí nghiệm, xưởng sản xuất 1 và 2 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Khí thải → Cyclon → Quạt hút → Ống thoát khí (phun dung dịch NaOH) → Khí thải thoát ra ngoài môi trường → Môi trường.	Khí thải lò hơi của công ty sử dụng than để đốt cấp nhiệt cho quá trình sản xuất, tuy nhiên trong thành phần khí thải chủ yếu có hàm lượng CO cao và bụi tổng (kết quả quan trắc) cho nên cơ sở bổ sung hệ thống xử lý bằng cyclon xử lý bụi, thêm dung dịch NaOH xử lý SO <sub>2</sub> , tối ưu hóa quá trình đốt để

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cơ sở “Nhà máy sản xuất Đông dược Phúc Hưng”

---

STT	Công trình bảo vệ môi trường	GXN số 72/UBND-XNMT ngày 06/03/2009	Hiện trạng	Ghi chú
		trên nguyên lý hấp thụ và hấp phụ (bằng than hoạt tính) Không đề cập đến hệ thống xử lý khí thải lò hơi		quá trình cháy hiệu quả giảm hàm lượng CO thoát ra ngoài không khí đảm bảo tiêu chuẩn cho phép.

### **3.7.1. Đánh giá tác động đối với nước thải**

Theo nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở năm 2009 chỉ nêu nước thải được xử lý bằng bể tự hoại và kèm chế phẩm vi sinh.

Tuy nhiên do nước thải sau xử lý của cơ sở đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của CCN Thanh Oai và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN. Bên cạnh đó nước thải của cơ sở gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (có hàm lượng COD, BOD, màu cao), mà tiêu chuẩn đầu nối của CCN nước thải đầu vào của các cơ sở thứ cấp trước khi đầu nối phải đáp ứng quy chuẩn tương ứng với QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Do vậy để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải của cơ sở và đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối với CCN. Do đó chủ cơ sở tính toán lượng nước thải phát sinh và thông số ô nhiễm đặc trưng nên đầu tư xây dựng hệ thống xử lý công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày theo quy trình công nghệ xử lý như sau: Nước thải sản xuất, nước thải từ hệ thống lọc RO, nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ, nước thải phòng thí nghiệm → Bể gom → Bể điều chỉnh pH → Bể kỵ khí 1 → Ngăn trung gian → Bể kỵ khí 2 → Bể hiếu khí 1, 2, 3, 4 → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga → Hệ thống thu gom nước thải tập trung của CCN.

Với việc thay đổi như trên thì theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm, nồng độ các thông số ô nhiễm trong nước thải đầu ra hệ thống xử lý đã đáp ứng được tiêu chuẩn cho phép của CCN. Do đó việc thay đổi này không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường nước xung quanh khu vực. Chủ cơ sở cam kết vận hành thường xuyên, liên tục hệ thống xử lý nước thải để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đảm bảo quy định trước khi đầu nối với CCN.

### **3.7.2. Đánh giá tác động đối với bụi, khí thải**

Theo nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường khí thải lò hơi không nêu công trình xử lý khí thải. Đối với mùi và hơi dung môi hữu cơ được xử lý bằng tủ hút dựa trên nguyên lý: Không khí bản → tháp hấp phụ than hoạt tính → không khí sạch sẽ được thoát ra ngoài môi trường.

Tuy nhiên khi triển khai thực hiện dự án thì đối với lò hơi do đốt than nên sẽ phát sinh bụi và chất ô nhiễm (CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>) cần phải xử lý. Do đó khi triển khai thực hiện dự án thì chủ cơ sở tiến hành lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi nhằm đảm bảo xử lý khí thải trước khi xả ra môi trường như sau: Khí thải → ống dẫn khí → Cyclon → Quạt hút → Ống thoát khí (phun dung dịch NaOH) → Môi trường. Với việc thay đổi như trên thì chủ cơ sở đã tạo ra môi trường làm việc đáp ứng tiêu chuẩn xả thải khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT và theo kết quả quan trắc môi trường năm 2025 khí thải lò hơi thì nồng độ bụi và các chất ô nhiễm trong khí thải

đều thấp hơn rất nhiều so với quy định. Do đó việc thay đổi này không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường không khí khu vực thực hiện của cơ sở cũng như sức khỏe cán bộ công nhân viên làm việc tại cơ sở.

## CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Căn cứ theo Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Cơ sở không thuộc đối tượng phải đề nghị cấp phép đối với nước thải vì nước thải phát sinh tại Cơ sở được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Oai, không xả trực tiếp ra ngoài môi trường. Thông tin về nguồn phát sinh, lưu lượng nước thải, vị trí đầu nối nước thải của Cơ sở như sau:

#### 4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: 04 nguồn
  - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh Văn phòng;
  - + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh và phòng giặt xưởng 1;
  - + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh và phòng giặt xưởng 2;
  - + Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động của bếp ăn tại nhà máy.
- Đối với nước thải sản xuất: 06 nguồn
  - + Nguồn số 05: Nước thải rửa dược liệu (xưởng sơ chế);
  - + Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình chiết suất (xưởng chiết xuất);
  - + Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị khu vực xưởng sản xuất 1;
  - + Nguồn số 08: Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị khu vực xưởng sản xuất 2;
  - + Nguồn số 09: Nước thải từ quá trình lọc RO;
  - + Nguồn số 10: Nước thải từ phòng thí nghiệm.

#### 4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng thải: 01 dòng nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của CCN Thanh Oai.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải của CCN Thanh Oai
- Vị trí xả thải: Hồ ga đầu nối có tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°): X(m): 2.315.191, Y(m): 578.480.

#### 4.1.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:

Lưu lượng xả thải lớn nhất: 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm (tính theo công suất tối đa của hệ thống xử lý nước thải).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: liên tục.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn đầu nổi nước thải đầu vào của CCN Thanh Oai, cụ thể:

**Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Độ màu	Pt/Co	<b>100</b>		
2.	pH	-	<b>5,5-9</b>	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
3.	TSS	mg/L	<b>100</b>		
4.	BOD <sub>5</sub>	mg/L	<b>50</b>		
5.	COD	mg/L	<b>150</b>		
6.	Kẽm	mg/L	<b>0,1</b>		
7.	Mangan	mg/L	<b>0,01</b>		
8.	Sắt	mg/L	<b>0,5</b>		
9.	Nitrat	mg/L	-		
10.	Sunfua	mg/L	-		
11.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	-		
12.	Tổng Phenol	mg/L	-		
13.	Amoni	mg/L	<b>10</b>		
14.	Tổng N	mg/L	<b>40</b>		
15.	Tổng P	mg/L	<b>6</b>		
16.	Tổng coliform	MPN/100ml	<b>5000</b>		

## 4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

### 4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi.

### 4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: tại khuôn viên nhà máy đặt tại CCN Thanh Oai, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

TT	Dòng khí thải	Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiều 3°)
1	Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi	X: 2.315.066; Y: 578.520

#### 4.2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 7.500 m<sup>3</sup>/ giờ

- Phương thức xả khí thải: Cường bức bằng quạt hút, xả gián đoạn trong ngày theo hoạt động sản xuất.

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn: (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, với các hệ số Kp= 1,0 và Kv = 1,0, cụ thể như sau:

**Bảng 4. 2. Bảng giá trị giới hạn nồng độ các chất các ô nhiễm sau xử lý của khí thải trước khi xả thải ra môi trường**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Nguồn số 1</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng bắt buộc quan trắc môi trường tự động, liên tục
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
5	NOx (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850		

+ Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031: Áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường: Áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B).

### 4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

#### 4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 1: Máy phát điện dự phòng.

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, KTT 105°. MC 3°) : X=2.315.164; Y=578.493

#### 4.3.2. Giá trị giới hạn về tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về BVMT và QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

**Bảng 4. 3. Giới hạn đối với mức ồn**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6h-18h	Từ 18h-22h	Từ 22h-6h		
1	70	65	60	-	Khu vực E

**Bảng 4. 4. Giới hạn đối với độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6h-22h	Từ 22h-6h		
1	75	70	-	Khu vực D

#### 4.4. Nội dung yêu cầu quản lý đối với chất thải

##### 4.4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

**Bảng 4. 5. Bảng tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại của cơ sở**

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (năm 2025) Kg/năm	Khối lượng hoạt động tối đa Kg/năm
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (túi lọc bụi, tấm lọc, túi lọc, màng lọc)	Rắn	18 02 01	139	200
2	Bóng đèn neong thải	Rắn	16 01 06	25	30
3	Dung môi hữu cơ thải	Rắn	03 05 03	235	250

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (năm 2025) Kg/năm	Khối lượng hoạt động tối đa Kg/năm
4	Bao bì thải bằng vật liệu khác	Lỏng	18 01 04	80	100
	<b>Tổng</b>			<b>479</b>	<b>580</b>

b. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

**Bảng 4. 6. Khối lượng chất thải rắn thông thường, CTCNTT**

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng hiện tại		Khối lượng hoạt động tối đa
			Năm 2024	Năm 2025	
1	Bao bì giấy, thùng carton phát sinh từ hoạt động văn phòng	Kg/năm	2.150	1.993	2500
2	Sắt vụn	Kg/năm	0	36	0
3	Nhựa	Kg/năm	1.850	1544	2.000
2	Bã dược liệu	Kg/năm	216.500	197.000	300.000
3	Lõi lọc, màng lọc của hệ thống lọc nước RO	Kg/năm	600	227	1000
4	Bùn thải từ bể tự hoại, từ hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống xử lý nước thải	Kg/năm	3.500	3.500	5000
	<b>Tổng</b>		<b>224.600</b>	<b>204.300</b>	<b>310.900</b>

c. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 16,5 tấn/năm

#### 4.3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải phát sinh

a. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5, điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022

của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: diện tích 15 m<sup>2</sup>;

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho dạng kín, mái tôn, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu xung quanh. Bên trong kho bố trí các thùng chứa CTNH có dán nhãn riêng biệt cho từng loại, mỗi nhóm chất thải sẽ được phân ra thành từng khu riêng biệt và có dán biển tên của nhóm CTNH đó tại khu vực lưu trữ tập trung. Tại cửa kho có biển cảnh báo và trang bị các bình cứu hỏa, nội quy PCCC, tiêu lệnh chữa cháy, thùng chứa cát, xẻng theo quy định.

*b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: 01 Kho lưu chứa CTR thông thường diện tích 15m<sup>2</sup>, được bố trí các palet chứa chất thải.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: tường gạch trát vữa xi măng, có mái che, các chất thải được lưu giữ theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:*

- Thiết bị lưu chứa: xe rác bằng inox 550ml, các thùng nhựa dung tích 24 lít, 120 lít.

- Khu vực tập kết:

+ Diện tích khu vực tập kết: diện tích 15m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu tập kết: tường gạch trát vữa xi măng, có mái che.

## CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

#### 5.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

##### a. Về hồ sơ, thủ tục pháp lý về môi trường

Trong những năm qua Chủ cơ sở nghiêm túc thực hiện các thủ tục pháp lý, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

+ Phiếu xác nhận số 196/XN-TN&MT ngày 26/9/2006 của Sở Tài nguyên và môi trường về đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường xưởng sản xuất, chế biến thuốc đông dược;

+ Giấy xác nhận số 72/UBND-XNMT ngày 06/03/2009 của UBND huyện Thanh Oai về đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án nhà máy sản xuất Đông dược Phúc Hưng;

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 01.000185.T ngày 09/07/2015 của Sở Tài nguyên và môi trường cấp lần 3.

##### b. Biện pháp và các công trình bảo vệ môi trường

###### \* Đối với nước thải

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh tại cơ sở được thu gom, xử lý tập trung bằng hệ thống xử lý nước thải của cơ sở; chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thanh Oai theo quy định.

###### \* Đối với khí thải

Nhà máy đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải của phát sinh từ lò hơi đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

\* *Đối với chất thải rắn:* Công ty đã xây dựng các kho chứa chất thải thông thường và chất thải nguy hại. Đồng thời, cũng đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để định kỳ đến vận chuyển và đem đi xử lý theo quy định.

##### c. Tuân thủ các quy định khác

Cơ sở đã xây dựng và triển khai kế hoạch và biện pháp ứng phó sự cố môi trường và các sự cố khác, đảm bảo an toàn cho môi trường và cộng đồng xung quanh.

Kết luận: Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng đã và đang thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời đáp ứng các yêu cầu của cơ quan chức năng thông qua việc cải tiến công nghệ, quản lý chất thải hiệu quả và tăng cường giám sát môi trường. Những nỗ lực này không chỉ giúp Nhà máy vận hành

ổn định mà còn góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững cho khu vực.

### **5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền**

Trong 2 năm qua cơ sở không phải thực hiện báo cáo giải trình về môi trường gửi cơ quan có thẩm quyền.

Tuy nhiên cuối năm 2024 cơ sở, cùng đơn vị tư vấn có trao đổi với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Oai để thực hiện lập hồ sơ đề xuất cấp GPMT theo quy định, tuy nhiên do cơ sở nằm trong CCN và thời điểm đó CCN gặp sự cố về hệ thống xử lý nước thải tập trung và đã bị đoàn thanh tra lập biên bản xử phạt.

Vì vậy, khi cơ sở thực hiện thủ tục lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã chưa được xem xét tiếp nhận, chờ đơn vị quản lý Cụm công nghiệp khắc phục và xử lý xong sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Đến tháng 7/2025, do có sự thay đổi về tổ chức bộ máy hành chính (giải thể cấp huyện), căn cứ theo các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc đối tượng thực hiện lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp tỉnh. Vì vậy, quá trình lập hồ sơ của cơ sở bị kéo dài do các yếu tố khách quan nêu trên.

Bên cạnh đó, trong năm 2025, hoạt động sản xuất của cơ sở bị ảnh hưởng bởi tình hình thị trường khi nhu cầu của khách hàng giảm mạnh, dẫn đến việc sản xuất bị đình trệ, đơn hàng giảm. Điều này cũng ảnh hưởng đến nguồn kinh phí dành cho công tác môi trường, qua đó phần nào tác động đến tiến độ thực hiện các thủ tục lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

## **5.2. Kết quả hoạt động công trình xử lý nước thải**

### **5.2.1. Tình hình xả nước thải của cơ sở**

Tổng hợp lưu lượng nước thải của cơ sở năm 2024-2025 như sau:

**Bảng 5. 1. Bảng tình hình xả nước thải của cơ sở năm 2024 – 2025**

STT	Hạng mục	Năm 2024 (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Năm 2025 (m <sup>3</sup> /ngày đêm)
1	Nước thải sinh hoạt	6,9	7,1
2	Nước thải sản xuất	18,9	20

*Nguồn: Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng*

### 5.2.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ với nước thải

#### a. Năm 2024

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ nước thải của cơ sở tại năm 2024 được thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2024 của cơ sở**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)	QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B)
			Đợt 1	Đợt 2		
			NT	NT		
1	pH	-	8,1	7,5	5,5-9	5,5-9
2	TSS	mg/L	<LOQ	34,9	100	100
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	25,3	20,3	50	50
4	COD	mg/L	67,2	30,4	150	150
5	Tổng Nito	mg/L	34,2	18,5	40	40
6	Tổng Photpho	mg/L	1,04	1,01	6	6
7	Thủy ngân	mg/L	<0,0005	<0,0005	0,01	0,01
8	Chì	mg/L	<0,002	<0,002	0,5	0,5
9	Asen	mg/L	<0,001	<0,001	0,1	1
10	Cadimi	mg/L	<0,0005	<0,0005	0,1	0,1
11	Nitrit	mg/L	<LOQ	<LOQ	-	-
12	Coliform	MPN/100ml	3.300	<2	5.000	5.000
13	Amoni	mg/L	9,27	8,94	10	10

Nguồn: Phiếu kết quả quan trắc định kỳ của cơ sở đính kèm phụ lục báo cáo

\* Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Nước thải sau xử lý của công ty.

- KPH: Không phát hiện

- KPT: Không phân tích

- Dấu (<): Nhỏ hơn (LOQ: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp)

- QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Kết quả quan trắc cho thấy tất cả các giá trị đều nằm trong giới hạn cho phép, phù hợp với việc đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thải chung của CCN

b. Năm 2025

Kết quả quan trắc môi trường nước thải định kỳ của cơ sở tại năm 2025 được thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2025 của cơ sở**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2025/BTNMT (cột B)	QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B)
			Đợt 1	Đợt 2		
			NT	NT		
1	Màu	Pt-Co	KPT	32,1	≤100	150
2	pH	-	7,25	7,3	6-9	5,5-9
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	6,3	17,5	≤60	50
4	COD	mg/L	12,8	30,4	≤90	150
5	TSS	mg/L	24	<LOQ	≤80	100
6	Asen	mg/L	KPH	<0,001	≤0,25	1
7	Sắt	mg/L	KPT	0,1	≤10	5
8	Sunfua	mg/L	KPT	<0,05	≤0,5	0,5
9	Amoni	mg/L	0,26	<LOQ	≤10	10
10	Tổng nito	mg/L	17,9	9,3	≤40	40
11	Tổng photpho	mg/L	0,19	0,37	≤2,5	6
12	Clorua	mg/L	KPT	24,1	≤1.000	1.000
13	Coliform	MPN/100ml	350	580	≤5.000	5.000
14	Thủy ngân	mg/L	KPH	KPT	-	0,01
15	Chì	mg/L	KPH	KPT	-	0,5

*Nguồn: Phiếu kết quả quan trắc định kỳ của cơ sở đính kèm phụ lục báo cáo*

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Nước thải sau xử lý của công ty.

- KPH: Không phát hiện

- KPT: Không phân tích

- Dấu (<): Nhỏ hơn (LOQ: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp)

- QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Kết quả quan trắc cho thấy tất cả các giá trị đều nằm trong giới hạn cho phép, phù hợp với việc đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thải chung của CCN

Trong quá trình hoạt động đến nay, hệ thống xử lý nước thải của cơ sở vận hành ổn định, không xảy ra sự cố. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ cho thấy các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép theo các quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành, không ghi nhận trường hợp vượt quy chuẩn.

Hệ thống thu gom và xử lý nước thải của cơ sở được đầu tư xây dựng đồng bộ, phù hợp với quy mô hoạt động. Hệ thống đảm bảo thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Oai.

### 5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

a. Năm 2024

\* Kết quả quan trắc môi trường định kỳ khí thải của cơ sở năm 2024 được thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc định kỳ khí thải năm 2024 của cơ sở**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT (B)
			Đợt 1	Đợt 2	
			KT	KT	
1	Nhiệt độ	°C	136	57	-
2	Độ ẩm	%	5,1	4,9	-
3	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	74,6	115,2	<b>200</b>
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	63,74	46,3	<b>500</b>
5	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	0,00	0,62	<b>850</b>
6	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	279,3	863,74	<b>1.000</b>
7	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	<0,000034	<0,338	<b>7,5</b>

*Nguồn: Phiếu kết quả quan trắc định kỳ của cơ sở đính kèm phụ lục báo cáo*

\* Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: KT: Khí thải lò hơi
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ
- KPH: Không phát hiện
- Dấu (<): Nhỏ hơn (LOQ: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp)

Kết quả quan trắc cho thấy tất cả các giá trị đều nằm trong giới hạn cho phép.

*b. Năm 2025*

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ khí thải của cơ sở năm 2025 được thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc định kỳ khí thải năm 2025 của cơ sở**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT (B)
			Đợt 1	Đợt 2	
			KT	KT	
1	Nhiệt độ	°C	93,2	63	-
2	Độ ẩm	%	2,2	4,8	-
3	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	35,2	53,4	<b>200</b>
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	0	44,36	<b>500</b>
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	226,5	77,52	<b>1.000</b>
6	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	26,3	39,4	<b>850</b>
7	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	1,99	<3	<b>7,5</b>

*Nguồn: Phiếu kết quả quan trắc định kỳ của cơ sở đính kèm phụ lục báo cáo*

\* Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: KT: Khí thải lò hơi
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ
- Dấu (<): Nhỏ hơn (LOQ: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp)

Kết quả quan trắc cho thấy tất cả các giá trị đều nằm trong giới hạn cho phép.

Trong quá trình hoạt động đến nay, hệ thống xử lý khí thải nôi hơi của cơ sở vận hành ổn định, không xảy ra sự cố. Khí thải phát sinh từ nôi hơi được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ cho thấy các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành, không ghi nhận trường hợp vượt quy chuẩn..

#### 5.4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)

Không thuộc loại hình

#### 5.5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)

Không thuộc loại hình

#### 5.6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Dưới đây là bảng tổng hợp chất thải phát sinh của cơ sở năm 2024, 2025

**Bảng 5. 6. Bảng tổng hợp khối lượng phát sinh chất thải rắn của cơ sở năm 2024, 2025**

STT	Loại chất thải		Khối lượng	
			Năm 2024	Năm 2025
<b>I</b>	<b>Chất thải sinh hoạt</b>			<b>16,5 tấn</b>
<b>II</b>	<b>Chất thải rắn thông thường</b>		<b>224,6 tấn</b>	<b>204,3 tấn</b>
<b>III</b>	<b>Chất thải nguy hại</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>499 kg</b>	<b>499 kg</b>
1	Giẻ lau, vật liệu hấp thụ thải	18 02 01		139
2	Bóng đèn neong thải	16 01 06	83	25
3	Dung môi hữu cơ thải	03 05 03		235
4	Bao bì thải	07 03 05	416	80
5	Bùn thải	12 06 05		6

#### 5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng không có các đợt kiểm tra, thanh tra về BVMT.

## CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở:

#### 6.1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến

\*Nước thải

Hiện trạng cơ sở có:

+ 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở:** Căn cứ vào điểm k khoản 1 Điều 11 của Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/1/2026 của Chính phủ: “*Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của điều 31*” của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở **được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập của cụm công nghiệp → Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm**

\* **Khí thải**

Hiện nay, nhà máy đầu tư, trang bị 01 HT xử lý khí thải lò hơi:

Căn cứ vào khoản 13 Điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung “*điểm h, khoản 1 Điều 31*” Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì công trình xử lý chất thải của cơ sở thay đổi so với Giấy phép môi trường thành phần (kế hoạch bảo vệ môi trường) → **Thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.**

Theo khoản 2 Điều 11 của Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung điểm khoản 6 điều 31 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, thời gian vận hành thử nghiệm chủ cơ sở tự quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo đúng quy định.

Tại khoản 5, điều 20 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT được điều chỉnh tại Khoản 7, Điều 1, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với khí thải lấy 03 mẫu tổ hợp khí thải đầu ra trong 03 ngày.

Căn cứ vào hiện trạng và kế hoạch hoạt động, chủ cơ sở tiến hành vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường trong thời gian khoảng 03 tháng. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, sẽ thực hiện lấy 03 ngày liên tiếp thuộc giai đoạn vận

hành ổn định nhằm đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý khí thải lò hơi theo đúng quy định hiện hành.

**Bảng 6. 1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

TT	Hạng mục công trình VHTN	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất	Thời gian lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu
		Bắt đầu	Kết thúc			
1	Khí thải lò hơi	Tháng 05/2026	Tháng 07/2026	7.500m <sup>3</sup> /h	3 ngày	– Thời gian lấy mẫu: 1 ngày/lần – Số lần lấy mẫu: 3 lần (mẫu tổ hợp) – Số lượng mẫu: 3 mẫu.

Chủ cơ sở sẽ thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý nước thải của cơ sở cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

Thời gian lấy mẫu vận hành thử nghiệm: 03 ngày trong giai đoạn vận hành ổn định. Kết quả vận hành thử nghiệm được chủ cơ sở báo cáo đến cơ quan quản lý theo quy định sau khi hoàn thành việc vận hành thử nghiệm.

Hạng mục công trình vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải.

Công suất dự kiến của công trình bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm dự kiến đạt trên 50%.

**6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:**

**Bảng 6. 2. Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu giai đoạn vận hành thử nghiệm**

STT	Công trình xử lý	Vị trí giám sát	Thông số	Quy chuẩn so sánh
2	Khí thải lò hơi	Cửa thăm ống thoát khí thải lò hơi	Bụi tổng, CO, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub>	QCVN 19:2009/BTNMT và QCTĐHN 01:2014/BTNMT

**6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:**

Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng với đơn vị quan trắc được có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc phân tích môi trường để thực hiện kế hoạch lấy mẫu, phân tích trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

Dự kiến thuê đơn vị lấy mẫu vận hành thử nghiệm:

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát

- Địa chỉ: Liên kê 423, khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, Thành phố Hà Nội.

- Năng lực hoạt động: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 316) theo Quyết định số 31/GCN-BTNMT ngày 07 tháng 07 năm 2025 của Bộ tài nguyên và Môi trường.

## **6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.**

Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với tổng lưu lượng xả thải tối đa là 50m<sup>3</sup>/ngày đêm (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất)

Theo khoản 46 điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung “*khoản 2 Điều 97*” Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Cơ sở đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ.

Theo khoản 2 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Phụ lục XXIX kèm theo Nghị định này, khí thải của cơ sở có lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/h (lưu lượng khí thải cơ sở 7.500m<sup>3</sup>/h) nên không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục và định kỳ.

Tuy nhiên, nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát nước thải, khí thải và chủ động trong công tác bảo vệ môi trường, cũng như theo quy định của *CCN Thanh Oai* chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc nước thải định kỳ với tần suất của *CCN Thanh Oai* quy định.

*\* Đối tại điểm xả nước thải đầu nối với CCN Thanh Oai*

- Vị trí giám sát: Nước thải đầu ra

- Thông số giám sát nước thải (16 chỉ tiêu): độ màu, pH, TSS, BOD5, COD, Zn, Mn, Fe, Nitrat, sunfua, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng phenol, Amoni, Tổng N, Tổng P, Tổng Coliform.

- Tần suất: tối thiểu 1 lần/năm

- Quy chuẩn so sánh: *CCN Thanh Oai*

## **6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.**

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm khoảng 20.000.000 VNĐ sẽ do Công ty tự bố trí và chịu trách nhiệm chi trả, đảm bảo thực hiện đúng tần suất, thông số, vị trí theo quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước.

## **CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

## **7.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường**

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

## **7.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan**

- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố môi trường xảy ra trong quá trình triển khai thực hiện cơ sở:

+ Trong quá trình thực hiện nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ cơ sở cam kết dừng ngay các hoạt động của Cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp xã, cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường do giai đoạn vận hành và có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại gây ra.

### **\* Đối với nước thải:**

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn đầu nổi nước thải đầu vào của CCN Thanh Oai;

### **\* Đối với khí thải:**

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường đạt:

+ Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031: Áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường: Áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B).

- Đảm bảo chất lượng không khí xung quanh làm việc đạt QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

### **\* Đối với chất thải rắn:**

+ Cam kết chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, rác thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/BTNMT ngày 28/02/2025.

**\* Đối với tiếng ồn, độ rung:**

Cam kết tiếng ồn, độ rung đạt QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

*Cam kết thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường*

Chủ cơ sở cam kết đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp khống chế, giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải sinh ra trong quá trình sản xuất.

- Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung trong giấy phép môi trường đã được phê duyệt.

- Thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định của nhà nước.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc, giám sát và đánh giá các thông số quy định về môi trường, để có biện pháp xử lý đảm bảo chất lượng môi trường.

- Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.

- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Tiêu chuẩn, các Quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

- Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn vận hành cơ sở.

## HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
Căn cứ Nghị định số 181/2004/ NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai;  
Căn cứ Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 06/06/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Thu hồi 4.212,7 m<sup>2</sup> đất tại Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hoà, huyện Thanh Oai; Giao cho Công ty TNHH Đông dước Phúc Hưng để thực hiện Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất Đông dước;

Hôm nay ngày 14 tháng 8 năm 2013 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, số 18 - Huỳnh Thúc Kháng - Đống Đa - Hà Nội, chúng tôi gồm:

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

- Do ông: Nguyễn Trọng Lễ.
- Chức vụ: Phó Giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

**BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỚC PHÚC HƯNG.**

- Do ông: Đỗ Văn Hiếu.
- Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ trụ sở: số 96 – 98 Nguyễn Viết Xuân, quận Hà Đông, Hà Nội.
- Mã số thuế: 0500389063.
- Tài khoản số: 102010000236030 tại Ngân hàng Công thương Hà Tây.

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

**Điều 1.** Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Tổng diện tích đất thuê: 4.212,7 m<sup>2</sup> (Bốn nghìn hai trăm mười hai phẩy bảy mét vuông).

- Tại: Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hoà, huyện Thanh Oai;
- Để thực hiện Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất Đông dước.

2. Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất được giới hạn bởi các mốc: từ M1 đến M5 tại Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 do Công ty cổ phần đầu tư tư vấn xây dựng Lê Hà lập năm 2011, được UBND huyện Thanh Oai xác nhận ngày 21/03/2011; Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 28/05/2012. ✓

3. Thời hạn thuê đất: từ ngày 06/06/2012 đến ngày 15/05/2057 (Điều 1 Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 06/06/2012 của UBND Thành phố Hà Nội).

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

**Điều 2.** Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Căn cứ Quyết định số 3841/QĐ-STC ngày 30/07/2013 của Sở Tài chính “Về việc đơn giá thuê đất của Công ty TNHH Đông dục Phúc Hưng tại Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hoà, huyện Thanh Oai”:

- Đối với diện tích 4.212,7 m<sup>2</sup> đất. Đơn giá thuê đất là: 34.567 đ/m<sup>2</sup>/năm (Ba mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi bảy đồng trên một mét vuông một năm).

- Đơn giá thuê đất nêu trên được ổn định 05 năm kể từ ngày 23/07/2012 (Điều 1 Quyết định số 3841/QĐ-STC ngày 30/07/2013 của Sở Tài chính). Hết thời hạn ổn định trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất, Bên thuê đất có trách nhiệm liên hệ với Sở Tài chính để thực hiện xác định lại đơn giá thuê đất theo quy định; Liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất điều chỉnh đơn giá thuê đất.

2. Phương thức nộp tiền: Trả tiền thuê đất hàng năm.

3. Thời điểm nộp tiền: Kể từ ngày 23/07/2012 (ngày bàn giao mốc giới trên thực địa).

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Chi cục thuế huyện Thanh Oai.

**Điều 3.** Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và phù hợp với Quyết định của UBND thành phố Hà Nội.

**Điều 4.** Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại điều 38 Luật Đất đai).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 111 Luật Đất đai.

3. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải làm thủ tục thu hồi đất theo quy định tại điều 131 của Nghị định số 181/2004/ NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

**Điều 5.** Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp. ✓



2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận.

3. Bên thuê đất bị phá sản, phát mãi tài sản hoặc giải thể doanh nghiệp (đối với trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm).

4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo quy định tại Điều 38 của Luật Đất đai.

**Điều 6.** Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 7.** Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu bên nào vi phạm Hợp đồng thì bên đó phải bồi thường thiệt hại do việc vi phạm Hợp đồng theo quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Hợp đồng này gồm 03 trang được đóng dấu giáp lai giữa các trang và được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế Hà Nội, 01 bản gửi Chi cục thuế huyện Thanh Oai.

Hợp đồng thuê đất này có hiệu lực kể từ ngày ký././



**BÊN THUÊ ĐẤT**

GIÁM ĐỐC  
ĐS. Đỗ Văn Hiền

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT**



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Lễ

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực.....14120..... Quyền số.....SCT/BS

Ngày: 21-12-2021

TUỢC CHỦ TỊCH

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP HỘ TỊCH



Nguyễn Thị Hoạt

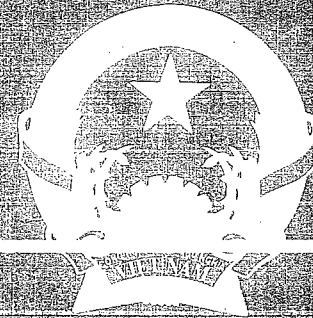
VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



**NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :**

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Số AB 395984

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÀ TÂY

## CHỨNG NHẬN

### I- Tên người sử dụng đất

Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng

CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ trụ sở chính tại: Số 96-98 phố Nguyễn Viết Xuân, phường Quang Trung,  
thị trấn Hà Đông, tỉnh Hà Tây.

### II- Thửa đất được quyền sử dụng

- Thửa đất số: 11.443
- Tờ bản đồ số: 00
- Địa chỉ thửa đất: Xã Hà Đông, huyện Thọ Xuân, tỉnh Hà Tây.
- Diện tích: 11.443 m<sup>2</sup>  
Bảng kê: (Một nghìn bốn trăm bốn mươi ba mét vuông).
- Đình thức sử dụng:
  - + Sử dụng riêng: 11.443 m<sup>2</sup>
  - + Sử dụng chung: Không m<sup>2</sup>
- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc Đông Dược Phúc Hưng.
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 29/12/2024.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

### III- Tài sản gắn liền với đất

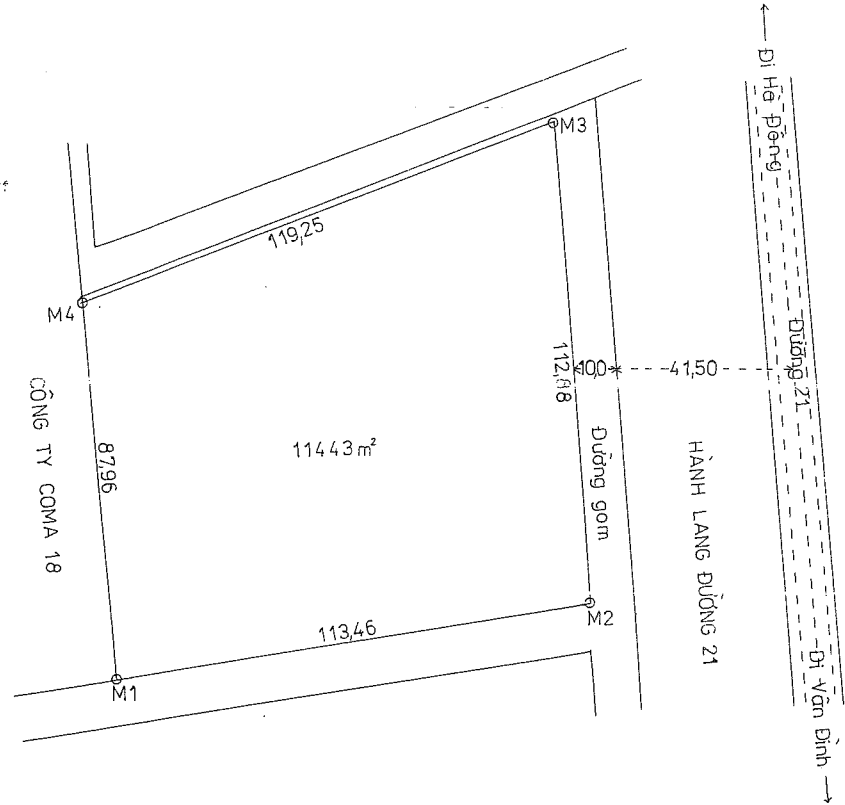
2 nhà 2 tầng, diện tích 1.200m<sup>2</sup>, 2 nhà khung thép lợp tôn, diện tích 600m<sup>2</sup>.  
Tổng diện tích xây dựng: 1.800m<sup>2</sup>.

### IV- Ghi chú

Quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh số 183/QĐ-UBND ngày 29/01/2007.  
Thửa đất được trích đo địa chính.

V- Sơ đồ thửa đất

(Sơ đồ này chỉ mang tính chất tham khảo, không có giá trị pháp lý)



(Trích đo bản đồ tỷ lệ 1:500 do Sở TN&MT và UBND huyện Thọ Xuân thực hiện)

Người trích đo:  
Nguyễn Hồng Khánh

Ngày 23 tháng 7 năm 2017

CHỨNG THỰC BẢN SÁO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH  
SỐ CT 07700 QUYỀN SỐ 03 UB/CTBS

TUO, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÀ TÂY  
Ngày 08 tháng 08 năm 2017

GIÁM ĐỐC TẠI NGUYỄN VĂN MÔI (TRƯỞNG

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHÚ LA



GIÁM ĐỐC

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Đình Long

# TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

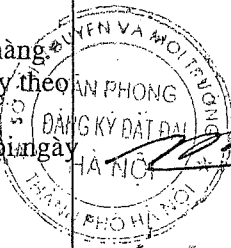
Thửa đất số:

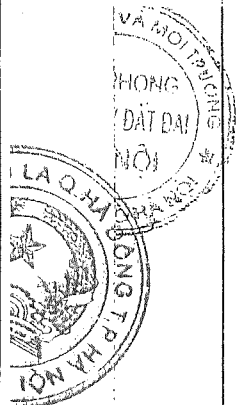
Tờ bản đồ số : 00

Số phát hành GCN quyền sử dụng đất AE 395984

Số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: T 00389

## VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
306 21 9 2011	Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 5720/quyển số 03.2011 lập tại Phòng công chứng số 7-TP Hà Nội ngày 21/9/2011. <i>ml</i>	 <i>[Signature]</i> Đỗ Văn Đức



## BIÊN BẢN BÀN GIAO ĐẤT

Cho Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng tại xã Bích Hoà;  
Hồi 14 giờ 00' ngày 02 tháng 02 năm 2007 tại cụm Công nghiệp  
Thanh Oai - xã Bích Hoà;

**Thành phần chúng tôi gồm có:**

**1) Bên giao đất:**

- Ông Bùi Văn Sáng : Phó Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường;
- Ông Nguyễn Tiến Ngọc Tú : Cán bộ phòng Tài nguyên & Môi trường;
- Ông Bùi Ngọc Hân : Chủ tịch UBND xã Bích Hoà;
- Ông Nguyễn Văn Tinh : Cán bộ Địa chính xã;
- Ông Đặng Hữu Tài: Chủ dự án Sản xuất chế biến dược liệu

**2) Bên nhận đất:**

- Ông (bà) **Đỗ Văn Hiếu** - chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Đông dược  
Phúc Hưng;

**Nội dung:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2003, Nghị định 181 ngày 29/10/2004  
Hướng dẫn thi hành luật đất đai;
- Căn cứ văn bản số 970/CV-TNMT ngày 24 tháng 11 năm 2006 của Sở  
Tài nguyên và Môi trường V/v uỷ quyền bàn giao mốc giới;
- Căn cứ quyết định số: 185-QĐ/UB ngày 29 tháng 01 năm 2007 của  
UBND tỉnh Hà Tây V/v thu hồi 11.443m<sup>2</sup> đất chuyên dùng thuộc địa bàn xã  
Bích Hoà, huyện Thanh Oai đã giao cho ông Đặng Hữu Tài thuê tại Quyết  
định số 1052/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2003 của UBND huyện  
Thanh Oai; giao Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng thuê để thực hiện dự  
án xây dựng nhà máy sản xuất thuốc đông dược Phúc Hưng.

Căn cứ trích đo bản đồ ngày 27 tháng 8 năm 2006 do Trung Tâm thông  
tin Tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và Môi trường Hà Tây  
thiết lập và UBND xã Bích Hoà, phòng Tài nguyên & Môi trường kiểm tra

ký ngày 11 tháng 9 năm 2006 và Sở Tài nguyên và Môi trường ký ngày 22 tháng 11 năm 2006.

Hai bên đã đo giao đất cho Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng với số đo các cạnh tại thực địa như sau:

Từ Mốc M1 đến Mốc M2 dài 113,46m giáp Công ty Hùng Đông;

Từ Mốc M2 đến Mốc M3 dài 112,88m giáp Hành lang đường;

Từ Mốc M3 đến Mốc M4 dài 119,25m giáp đường vào Công ty Coma18;

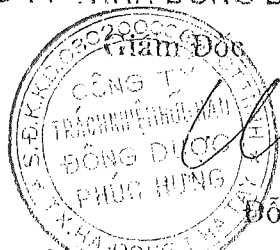
Từ Mốc M4 đến Mốc M1 dài 87,96m giáp Công ty Coma18;

Tổng diện tích giao: 11.443,0 m<sup>2</sup>

Sau khi nhận đất yêu cầu Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng về phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Thanh Oai lập và ký Biên bản thanh lý Hợp đồng thuê đất và có trách nhiệm thực hiện đúng như Điều II của Quyết định số: 185 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2007 của UBND tỉnh Hà Tây.

Biên bản lập thành 04 bản đã được thông qua./.

CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG



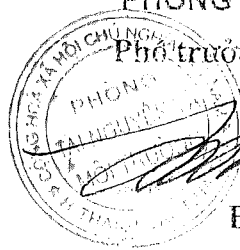
Đỗ Văn Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÍCH HOÀ



Bùi Ngọc Hân

PHÒNG TN&MT



Phó trưởng phòng

Bùi Văn Sáng

CÁN BỘ ĐỊA CHÍNH XÃ

A handwritten signature in black ink.

Nguyễn Văn Tĩnh

CHỦ DỰ ÁN (CŨ)

A handwritten signature in black ink.

Đặng Hữu Tài

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/ NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 56 HĐ/TĐ ngày 16/4/2007 đã ký giữa Sở Tài nguyên- Môi trường và Công ty TNHH Đông dục Phúc Hưng;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-STC ngày 06/02/2013 của Sở Tài chính về việc phê duyệt đơn giá thuê đất của Công ty TNHH Đông dục Phúc Hưng tại cụm công nghiệp Thanh Oai trên địa bàn xã Bích Hoà, huyện Thanh Oai, Hà Nội.

Hôm nay ngày 03 tháng 4 năm 2013, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, số 18 - Huỳnh Thúc Kháng - Đống Đa - Hà Nội, chúng tôi gồm:

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

- Do ông: Nguyễn Trọng Lễ
- Chức vụ: Phó giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường (làm đại diện)

**BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DỤC PHÚC HƯNG**

- Do ông: Đỗ Văn Hiểu
- Chức vụ: Giám đốc Công ty làm đại diện
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 96-98 Nguyễn Việt Xuân, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội.

- Điện thoại: 04 33824177 Fax: 0433.525293

- Mã số thuế: 0500389063

- Số tài khoản: 1020100000236030 tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Hà Tây.

Hai bên thỏa thuận ký Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh Hợp đồng thuê đất số 56 HĐ/TĐ ngày 16/4/2007 đã ký giữa Sở Tài nguyên- Môi trường và Công ty TNHH Đông dục Phúc Hưng với các điều khoản sau đây:

**Điều 1.**

1.1 Điều chỉnh khoản 1, khoản 2 Điều 2 Hợp đồng thuê đất số 56 HĐ/TĐ ngày 16/4/2007 như sau:

Đơn giá thuê đất của Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng là: 44.226đ/m<sup>2</sup>/năm.

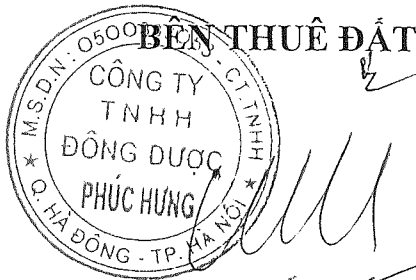
Đơn giá thuê đất nêu trên được ổn định 5 năm kể từ ngày 29/01/2012 (ngày hết hạn ổn định đơn giá thuê đất kỳ trước theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012).

Hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất, bên thuê đất có trách nhiệm liên hệ với Sở Tài chính xác định lại đơn giá thuê đất; liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để ký phụ lục Hợp đồng thuê đất điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định.

1.2. Công ty có trách nhiệm liên hệ với Cục thuế Hà Nội nộp truy thu tiền thuê đất (nếu có).

**Điều 2.** Các điều khoản khác của Hợp đồng thuê đất số 56 HĐ/TĐ ngày 16/4/2007 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**Điều 3.** Phụ lục Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký gồm 02 trang được đóng dấu giáp lai giữa các trang và được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế Hà Nội, 01 bản gửi Chi cục thuế huyện Thanh Oai để thu tiền thuê đất./



**BÊN THUÊ ĐẤT**  
GIÁM ĐỐC  
DS. Đỗ Văn Hiếu

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT**



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Trọng Lễ

Số: 56... HĐ/TĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Đông, ngày 16 tháng 4 năm 2007

## HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

BẢN SAO

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 1 năm 2006 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 29/01/2007 của UBND tỉnh Hà Tây về việc “*Thu hồi 11.443m<sup>2</sup> đất chuyên dùng trên địa bàn xã Bích Hoà, huyện Thanh Oai đã giao cho ông Đặng Hữu Tài thuê tại Quyết định số 1052/QĐ/UB ngày 29/12/2003 của UBND huyện Thanh Oai; giao Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng thuê để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc Đông Dược Phúc Hưng*”;
- Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-TC ngày 03/4/2007 của Sở Tài chính về việc phê duyệt Đơn giá thuê đất Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng;
- Căn cứ Biên bản bàn giao mốc giới ngày 02/02/2007 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Oai, UBND xã Bích Hoà và Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng;
- Ngày 20/3/2007 UBND huyện Thanh Oai có Quyết định số 234/QĐ/UB về việc thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của hộ ông Đặng Hữu Tài,
- Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất giữa UBND huyện Thanh Oai với hộ ông Nguyễn Hữu Tài số 01/03/2007 ngày 08/3/2007.

Hôm nay, ngày.....tháng 4 năm 2007 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tây, chúng tôi gồm:

### I- Bên cho thuê đất: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây

- Do ông: Nguyễn Hữu Nghĩa
- Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện
- Trụ sở: Số 20 phố Hoàng Diệu - phường Nguyễn Trãi – thành phố Hà Đông
- Điện thoại: 034.824583

**II- Bên thuê đất: Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng**

- Do ông: **Đỗ Văn Hiểu**

- Chức vụ: **Giám đốc**

- Trụ sở: 96-98 Nguyễn Viết Xuân – Quang Trung -- TP Hà Đông tỉnh Hà Tây

- Điện thoại: 034 826222

- Fax: 034 525293

- Mã số thuế: 0500389063

- Mã số tài khoản: 1020100000236030

- Tại: Ngân Hàng hàng Công Thương Hà Tây

**Hai bên thoả thuận ký Hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:**

**Điều 1:** Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: **11.443 m<sup>2</sup>** (Mười một nghìn bốn trăm bốn mươi ba mét vuông đất)

Tại: xã **Bích Hoà** huyện **Thanh Oai** tỉnh **Hà Tây**

Để sử dụng vào mục đích: Xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Phúc Hưng.

2. Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất được xác định như trích đo tỷ lệ 1/500 do Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường Hà Tây đo vẽ ngày 27/8/2006; phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Oai xác nhận ngày 11/9/2006, UBND huyện Thanh Oai xác nhận ngày 15/9/2006; Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 22/11/2006.

3. Thời hạn thuê đất kể từ ngày 29/01/2007 (ngày UBND tỉnh ký Quyết định cho thuê đất) đến ngày 29/12/2023 (thời hạn cho thuê đất tại Quyết định số 1052/QĐ/UB ngày 29/12/2003 của UBND huyện Thanh Oai).

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất, mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

**Điều 2:** Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá tiền thuê đất: **2.700 đồng/m<sup>2</sup>/năm** (Theo Quyết định số 1451/QĐ-TC ngày 03/4/2007 của Sở Tài chính về việc phê duyệt Đơn giá thuê đất Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng)

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 02/02/ 2007 (ngày Công ty nhận bàn giao mốc giới tại thực địa).

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền hàng năm.

- Lần thứ nhất: Nộp trước ngày 01 tháng 4 hàng năm;

- Lần thứ hai: Nộp trước ngày 01 tháng 10 hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước huyện Thanh Oai.

**Điều 3:** Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong “Điều 1” của Hợp đồng này và nội dung của Dự án đầu tư.

**Điều 4:** Trách nhiệm của mỗi bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho Bên thứ ba (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai);

2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên thuê đất không được chuyển quyền sử dụng đất thuê; trường hợp Bên thuê đất bị chia tách, sáp nhập, chuyển đổi Doanh nghiệp mà hình thành Pháp nhân mới hoặc bán tài sản gắn liền với đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác được pháp luật cho phép thì Pháp nhân mới hoặc Tổ chức, cá nhân mua tài sản được tiếp tục thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ, hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến lúc bàn giao mặt bằng,

4. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
- Do đề nghị của một Bên hoặc các bên tham gia Hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;
- Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể;
- Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của điều 38 của Luật Đất đai.

**Điều 5:** Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo qui định của Pháp luật.

**Điều 6:**

1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của Pháp luật.

2. Bên cho thuê đất có trách nhiệm cung cấp các Văn bản liên quan đến việc xác định quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất, tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của Bên thuê đất xây dựng trên khu đất thuê theo qui định của Pháp luật.

Bên thuê đất có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, đúng ranh giới, diện tích đất được thuê; lập hồ sơ đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc hồ sơ đánh giá tác động môi trường báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt; Việc

xây dựng công trình theo đúng quy định của Luật Xây dựng và Dự án đã được phê duyệt; không làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất ở lân cận; không vi phạm các quy hoạch của Nhà nước về hành lang an toàn giao thông, lưới điện, thủy lợi ... và các quy hoạch khác của Nhà nước.

Bên thuê đất hàng năm có trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý và sử dụng đất trong phạm vi diện tích đất được thuê trước ngày 25 tháng 12 hàng năm với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Thanh Oai.

**Điều 7:**

Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế đã xác định mức thu tiền thuê đất, Kho Bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

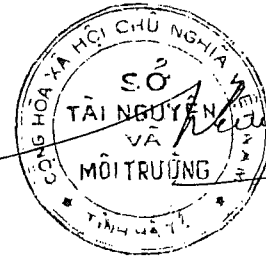
Hợp đồng này, có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**BÊN THUÊ ĐẤT**

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT**



GIÁM ĐỐC  
ĐS. *Đỗ Văn Mạnh*



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Hữu Nghĩa*

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
SỐ CT: *14/14* QUYẾT SỐ *01* TP/CC.SCT/SGT  
Ngày *20* tháng *11* năm 200*7*  
THƯA ỦY QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ HÀ ĐÔNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP



*Nguyễn Đình Thích*

Số: 211/QĐ-UBND

Bình Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất đối với 11.443m<sup>2</sup> đất do công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng đang sử dụng tại cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTPVHCC ngày 27/10/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 10608/SNNMT-TKĐĐ&ĐĐBĐ ngày 10/12/2025 của sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giải quyết hồ sơ gia hạn thời gian thuê đất của công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại tờ trình số 172/TTr-KT ngày 27/12/2025 về việc gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất đối với 11.443m<sup>2</sup> đất do công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng đang sử dụng tại cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Gia hạn sử dụng đất cho công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng đối với diện tích 11.443m<sup>2</sup> đất tại cụm công nghiệp Thanh Oai, địa chỉ xã Bình Minh (xã Bích Hòa trước đây), thành phố Hà Nội.

- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc đông dược Phúc Hưng.
- Thời gian sử dụng đất được gia hạn là 50 năm kể từ ngày 29/12/2023.
- Vị trí, ranh giới thửa đất được xác định theo trích đo bản đồ tỷ lệ 1/500 do sở Tài nguyên và môi trường xác nhận ngày 22/11/2006.
- Hình thức cho thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Giá tính tiền thuê đất phải nộp: 31.030 đồng/1m<sup>2</sup>/1 năm (theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 1, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 và Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội).

- Những hạn chế về quyền của người sử dụng đất: theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

1. Phòng Kinh tế:

- Chuyển thông tin địa chính thửa đất đến thuê thành phố Hà Nội để xác định tiền thuê đất của công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng.

- Chính lý hồ sơ lưu trữ, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).

2. Thuế Thành phố Hà Nội

- Xác định tiền thuê đất phải nộp; hướng dẫn công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng thực hiện giảm tiền thuê đất, khoản được trừ vào tiền thuê đất, thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- Thông báo cho người sử dụng đất nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Thu tiền thuê đất, phí, lệ phí (nếu có).

3. Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng:

- Chịu trách nhiệm nộp tiền thuê đất; thực hiện giảm tiền thuê đất, khoản được trừ vào tiền thuê đất theo quy định.

- Chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình sử dụng đất.

4. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội huyện Thanh Oai

- Chính lý hồ sơ lưu trữ, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Thủ trưởng thuế thành phố Hà Nội; Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội - huyện Thanh Oai; Tổ chức, cá nhân có liên quan và người sử dụng đất có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng HĐND&UBND xã chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của xã Bình Minh./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Đ/c PCT UBND xã;
- Lưu: VT (Hưng, 06b).

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đăng Việt**

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số... 001... / GPXD

- 1 - Cấp cho: Ông Đặng Hữu Cai
- Địa chỉ: ..... Đường: ..... Phường (xã): Biển Hòa - Huyện Thanh Oai  
Tỉnh: Hà Tây
- 2 - Được phép xây dựng công trình (loại công trình) Cơ sở chế biến Diêm tiêu
- Theo thiết kế có ký hiệu: .....
- Do: Chú Đào Xuân Trường và chú Đào Thị Quý Lập, đầu tư, cấp phép cấp 4. Với Tổng diện tích đất cho thuê khoảng 2000 m<sup>2</sup>
- Gồm các hạng mục sau đây: Nhà bếp chế, Nhà chát xát nấu Cao, Kho phân bón, Kho Diêm tiêu và kho phân bón
- Trên lô đất: Tổ kiến đồ số 1 ..... Diện tích: 11.443 m<sup>2</sup>
- Cao độ nền: ..... chỉ giới xây dựng
- Tại: Điền Công Nghiệp Biển Hòa ..... Đường: .....
- Phường (xã): Biển Hòa ..... Quận (huyện): Thanh Oai ..... Tỉnh: Hà Tây
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất: QĐ 1052/QĐ-UB ngày 29/12/2013 của UBND Huyện

- 3 - Những điều cần lưu ý:
- 3.1 Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của người có liên quan.
- 3.2 Chủ đầu tư phải thực hiện các điều sau đây:
  - Phải thực hiện đúng các qui định pháp luật về đất đai về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.
  - Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình xây móng và công trình ngầm (như làm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải)
  - Xuất giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và yết báo phối cảnh công trình, số giấy phép, tên đơn vị Thiết kế, đơn vị thi công, ngày hoàn thành tại địa điểm xây dựng công trình.
  - Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
  - Khi xây dựng xong, chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép lập hồ sơ hoàn công.
  - Giấy phép xây dựng có kèm theo biên bản kiểm tra, công trình mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu công trình.
- 3.3 - Giấy phép này có giá trị từ ngày khởi công công trình. Thời hạn 01 năm kể từ ngày ký, nếu quá thời hạn phải xin phép gia hạn.
- 3.4 - Thời hạn hoàn công công trình là: 06 tháng kể từ ngày cấp giấy phép xây dựng.

Thanh Oai, ngày 15 tháng 02 năm 2004  
UBND HUYỆN THANH OAI



TRƯỞNG PHÒNG  
Đặng Hữu Cai

Nguyễn Thị Ba

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC  
Số CT: 1-0-7-1-6 quyển 102 - SCT/L

Nơi nhận như trên.  
Lưu: .....

Ngày: 16-12-2025



**Nguyễn Thị Ba**

Số: 196 /XN-TN&MT

Hà Đông, ngày 26 tháng 9 năm 2006

**PHIẾU XÁC NHẬN**  
**BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG**

*Dưỡng sản xuất, chế biến thuốc đông dược.*

- Căn cứ đơn và hồ sơ xin đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng.
- Căn cứ kết quả thẩm định nội dung hồ sơ của phòng Môi trường và đề nghị của Trưởng phòng Môi trường.

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ TÂY**

**XÁC NHẬN**

Điều 1. Chủ Doanh nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng đã trình Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Xưởng sản xuất, chế biến thuốc đông dược tại Cụm công nghiệp xã Bích Hoà ngày 11 tháng 9 năm 2006.

Điều 2. Chủ doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và các yêu cầu bắt buộc sau:

1. Hệ thống xử lý nước thải, khí thải tại Doanh nghiệp phải được xây dựng và vận hành thường xuyên, có hiệu quả trước tháng 10 năm 2006 đạt các Tiêu chuẩn: TCVN 5938-2005, TCVN 5939-2005, TCVN 5940-2005, nước thải sau xử lý thải ra ngoài khuôn viên đơn vị phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam ở mức B, TCVN 5945-2005. Đăng ký quản lý, lưu giữ, chất thải nguy hại phải tuân thủ theo đúng quy định tại Quyết định 155/1999/QĐ-TTg.
2. Đảm bảo kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường (có biên bản giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường) như trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã đề xuất và lưu giữ số liệu để Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra.
3. Báo cáo bằng văn bản những nội dung thay đổi so với Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được xác nhận và chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của các Cơ quan liên quan, trong đó có Sở Tài nguyên và Môi trường.
4. Nộp phí bảo vệ môi trường đầy đủ đúng thời hạn theo quy định hiện hành.

Điều 3. Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Doanh nghiệp là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp.

Điều 4. Sau khi hoàn thành công trình xử lý nước thải, khí thải, Chủ Doanh nghiệp phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra.

Điều 5. Giao phòng Môi trường Sở, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Oai kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC



Phạm Văn Khánh

Nơi nhận:

- Chủ Doanh nghiệp;
- Phòng TN&MT huyện Thanh Oai;
- UBND xã Bích Hoà;
- Lưu MTg, VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 7.2.../UBND - XNMT

Thanh Oai, ngày 06 tháng 03 năm 2009

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ  
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG  
của Dự án Nhà máy sản xuất Đông dước Phúc Hưng**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện,

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI XÁC NHẬN:**

**Điều 1.** Chủ dự án là Công ty TNHH Đông dước Phúc Hưng đã có văn bản số: 17 ngày 27 tháng 02 năm 2009 đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án Nhà máy sản xuất Đông dước Phúc Hưng tại Cụm Công nghiệp Thanh Oai, TP Hà Nội.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Hệ thống xử lý nước thải và khí thải của Nhà máy phải được hoàn thiện và vận hành khi dự án chính thức đi vào giai đoạn hoạt động, đảm bảo các tiêu chuẩn TCVN 5937-2005; TCVN 5938-2005; TCVN 5939; 5940-2005 đối với chất lượng môi trường không khí; đối với nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt TCVN 5945-2005 cột B.

2. Chủ dự án phải có trách nhiệm đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại tuân thủ theo đúng qui định tại Quyết định 155/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Lập đề án xử thải theo Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT.

3. Đảm bảo kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường( có biên bản giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường) như trong Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung đã đề xuất để Phòng TN&MT huyện kiểm tra.

4. Báo cáo bằng văn bản những nội dung thay đổi so với bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung đã được xác nhận và chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của các cơ quan chức năng có liên quan.

5. Nộp phí bảo vệ môi trường đầy đủ, đúng thời hạn theo qui định hiện hành.

**Điều 3.** Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án, những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của giấy xác nhận này và bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận tại Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số: 196/XN-TN&MT ngày 26 tháng 9 năm 2006 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tây (cũ) của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

**Điều 4.** Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký và đi kèm Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 196/XN-TN&MT ngày 26 tháng 9 năm 2006 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tây (cũ) của Dự án./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng;
- Ban quản lý CCN Thanh Oai;
- Phòng TN & MT
- Lưu VP.



Số: 28/CNTD-PCCC

## GIẤY CHỨNG NHẬN

### THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 80/CV-PH ngày 26 tháng 12 năm 2009 Của: Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Người đại diện là Ông: **Đỗ Văn Hiếu** Chức danh: **Giám đốc**

### PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

#### CHỨNG NHẬN

Công trình : Nhà xưởng khu vực I, khu vực II và nhà làm việc- Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Địa điểm : Cụm công nghiệp Thanh Oai- Hà Nội.

Chủ đầu tư : Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Đơn vị thiết kế: - Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng An Hòa (nhà làm việc, nhà xưởng khu vực I).  
- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và hạ tầng đô thị (nhà xưởng khu vực II).  
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ PCCC Hoàng Linh.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, lối thoát nạn; giao thông chữa cháy; hệ thống chữa cháy vách tường, vị trí bố trí bình chữa cháy xách tay, chống sét cho nhà làm việc (theo các tài liệu bản vẽ ghi ở trang 2).

Các yêu cầu kèm theo:

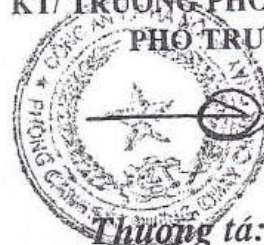
- Khoảng cách PCCC giữa nhà xưởng khu vực I và nhà xưởng GMP > 6 mét.
- Thiết kế hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn cho công trình.
- Cửa thoát nạn nhà xưởng khu vực II thiết kế cao > 2 mét.
- Thiết kế hệ thống chống sét cho nhà xưởng khu vực I, khu vực II.
- Máy bơm chữa cháy chính và máy bơm chữa cháy dự phòng H > 45 m.c.n; Q > 5 l/s. Lượng nước dự trữ dùng cho chữa cháy có khối tích V > 54m<sup>3</sup>.

Phòng Cảnh sát PCCC - CATP Hà Nội sẽ kiểm tra, nghiệm thu hệ thống PCCC trước khi đưa công trình vào hoạt động. *ph*

Nơi nhận:

- C23 Bộ Công an (để b/c)
- Chủ đầu tư.
- Cơ quan thiết kế.
- Lưu PC23(TH,HD)

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2010  
KT/ **TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Thượng tá: Trần Văn Vụ*



Số: *44* /NT-PCCC(HĐ-TH)  
V/v: Nghiệm thu hệ thống PCCC.

Hà Nội, ngày *28* tháng *1* năm 2011

**BẢN SAO**

**KÍNH GỬI: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HUNG**

Theo văn bản thẩm duyệt số 28/CNTD-PCCC ngày 14/01/2010 về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) của công ty TNHH DƯỢC PHÚC HUNG.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC - Công an TP Hà Nội lập ngày 18/01/2011.

Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy - Công an TP Hà Nội đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy:

**Công trình:** Khu nhà xưởng sản xuất, nhà làm việc

**Chủ đầu tư là:** CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HUNG

**Xây dựng tại:** Khu công nghiệp Thanh Oai - Hà Nội.

**Các hệ thống phòng cháy chữa cháy đã nghiệm thu gồm:**

- Hệ thống họng nước chữa cháy vách tường.
- Các bình chữa cháy xách tay.

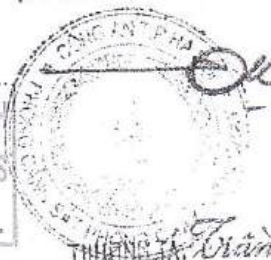
Đồng thời đề nghị đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo như trong Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC - Công an TP Hà Nội lập ngày 18/01/2011.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư công trình.
- Cục CSPCCC & CN, CH - BCA (báo cáo)
- Lưu Phòng CS PCCC (HĐ TH).

**TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC**  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: *657* quyền số: SCT/BS  
Ngày: *20* tháng *3* năm 2011



PHÓ CHỦ TỊCH

*Phạm Việt Hùng*

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**  
**NGHIỆM THU VỀ HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**

Hồi 09 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 01 năm 2011.

Tại: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thanh Oai - Hà Nội

Chúng tôi gồm:

+ Đại diện PHÒNG CẢNH SÁT PCCC CÔNG AN TP. HÀ NỘI:

1. Ông Nguyễn Đức Thắng - Đại úy, đội trưởng đội PCCC Hà Đông.
2. Ông Đỗ Văn Quang - Đại úy, Cán bộ đội Tổng hợp
3. Ông Đặng Xuân Hòa - Đại úy, Cán bộ kiểm tra Đội PCCC Hà Đông.

+ Đại diện CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

1. Ông Đỗ Văn Hiếu - Giám đốc
2. Ông Đặng Hữu Tài - Phó giám đốc
3. Bà Nguyễn Thị Bình - Phòng hành chính nhân sự

Đã tiến hành kiểm tra: Nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình:

**Khu nhà xưởng sản xuất, nhà làm việc của Công ty TNHH Đông Dược  
Phúc Hưng tại Cụm công nghiệp Thanh Oai - Hà Nội**

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

**1. Kiểm tra hồ sơ:**

+ Hồ sơ thiết kế đã được Phòng Cảnh sát PCCC Công an TP Hà Nội thẩm duyệt số 28/CNTD-PCCC ngày 14/01/2010.

+ Hồ sơ hoàn công.

+ Chứng nhận xuất xứ, chất lượng hàng hoá.

**2. Kiểm tra thực tế công trình:**

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy gồm 02 máy bơm điện pentax 5,5kw và 3,5kw, 13 họng nước chữa cháy vách tường cùng các lăng vòi kèm theo.

(1) Ghi nội dung kiểm tra vấn đề gì

(2) Ghi phân trình bày của cơ sở. Phần kiểm tra hồ sơ. Phần kiểm tra thực tế. Nội dung kiểm tra của từng vấn đề. Xét đánh giá và kiến nghị kết luận

BẢN SAO



- 12 bình khí CO2
- + 50 bình chữa cháy MEZ8.
- + 02 bình chữa cháy xe đẩy MEZT35.
- + Vận hành máy bơm chữa cháy phun nước 2 họng chữa cháy đảm bảo lưu lượng, áp lực.
- + Các bình chữa cháy mới hoạt động bình thường.

Các kiến nghị trong văn bản thẩm duyệt số 28/CNTD-PCCC ngày 14/01/2010 của Phòng cảnh sát công an thành phố Hà Nội đã thực hiện, yêu cầu chủ đầu tư tiếp tục thực hiện, cụ thể như sau:

**3. Kiến nghị:**

- Bổ sung 01 máy bơm chữa cháy dự phòng có công suất tương đương máy bơm chính.

**4. Kết luận:**

Đồng ý nghiệm thu hệ thống PCCC, hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường và bình chữa cháy đã lắp đặt cho công trình để đưa vào sử dụng.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 01 năm 2011, gồm 02 trang được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

ĐS. Đỗ Văn Hiến

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

C.B. Đại Tony Hợp

Kiểm tra tại PCCC tại tầng

Đỗ Văn Dương

Nguyễn Đức Thắng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 658... quyển số: SCT/BS

Ngày: 20 tháng 3 năm 2011



PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Việt Hùng

(1) Ghi nội dung kiểm tra vấn đề gì

(2) Ghi phần trình bày của cơ sở. Phần kiểm tra hồ sơ. Phần kiểm tra thực tế. Nội dung kiểm tra của từng vấn đề. Xét đánh giá và kiến nghị kết luận

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2015

**SỞ ĐĂNG KÝ**  
**CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT NGUY HẠI**  
Mã số QLCTNH: 01.000149.T  
(cấp lần 3)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:**

Tên chủ nguồn thải: **Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng**

Địa chỉ văn phòng: Số 96-98, Nguyễn Việt Xuân, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 04.33826222 Fax: 04.33978024 Email: hanhchinhphuchung@gmail.com

Tài khoản số: 102010000236030 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam-Chi nhánh Hà Tây

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số: 0500389063

Ngày cấp: 15/11/2000 (đăng ký thay đổi lần thứ 1), 28/3/2014 (đăng ký thay đổi lần thứ 13).

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm qui định tại Điều 7 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

3. Các trách nhiệm khác:

Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi có sự thay đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

**IV. Điều khoản thi hành:**

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 01.000149.T-ĐC1 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 2 ngày 07/10/2010./.

**Nơi nhận:**

- Như phần I;
- Lưu: CCMT.



**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Văn Khánh**

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 01.000149.T  
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 3 ngày 09 tháng 7 năm 2015)

**1. Cơ sở phát sinh CTNH:**

Tên: Nhà máy chế biến dược liệu và sản xuất thành phẩm thuốc y học cổ truyền Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thanh Oai, huyện Thanh Oai, Hà Nội.

Điện thoại: 04.33826222 Fax: 04.33978024 Email: hanhchinhphuchung@gmail.com

**2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/Lỏng/Bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu, hóa chất	Rắn	12	180201
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	24	160106
3	Bao bì thải bằng vật liệu khác dính thành phần nguy hại (vỏ chai lọ thủy tinh thải đựng hóa chất sau khi dùng hết)	Rắn	48	180104
4	Dung môi hữu cơ thải khác	Lỏng	36	030503
5	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	12.000	030508
<b>Tổng cộng</b>			<b>12.120</b>	

**3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/Lỏng/Bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	Rắn	1.000
2	Bã dược liệu	Rắn	25.000
2	Chất thải rắn (xi than)	Rắn	3.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>29.000</b>

**4. Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: Không có****5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Bộ hồ sơ đăng ký được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG  
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
Tại Cụm công nghiệp Thanh Oai  
Số : 103C/HĐXLNT-CCNTO.

CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 01/7/2014, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015;

- Căn cứ Văn bản số 110/GXN-STNMT ngày 30/9/2016 của Sở Tài nguyên môi trường về việc cấp Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường của "cụm công nghiệp Thanh Oai" địa điểm: xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội Chủ cơ sở: Công ty cổ phần COMA18.

- Căn cứ Văn bản số 486/GP-UBND ngày 03/11/2016 của UBND TP Hà Nội về việc cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Căn cứ Văn bản số 231/STC-QLG ngày 13/01/2017 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội về việc thẩm định đơn giá xử lý nước thải Cụm công nghiệp Thanh Oai, huyện Thanh Oai.

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ số 103B/HĐKT ngày 01/4/2010 và Phục lục Hợp đồng dịch vụ số 103B/HĐKT ngày 01/7/2014 về việc sử dụng dịch vụ hạ tầng tại Cụm công nghiệp Thanh Oai giữa Công ty CP cơ khí xây dựng số 18 (nay là Công ty cổ phần COMA18) với Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng.

*Hợp đồng này được lập và ký kết tại Công ty Cổ phần COMA18 số 135 Trần Phú, phường Văn Quán, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội; ngày 01 tháng 5 năm 2017 giữa:*

**BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN A): CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG**

Đại diện : Ông ĐỖ VĂN HIẾU

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 04.33824177

- Fax: 04.33525243

Tài khoản số : 102010000236030 Tại Ngân hàng Công thương Hà Tây.

Mã số thuế : 0500389063

**BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN COMA18**

Đại diện : Ông **LÊ HUY LÂN**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Số 135 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại : 04.33544667 - Fax: 04.33544667

Tài khoản số : 009704075689999 tại Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội.

Mã số thuế : 0500236860

+ Bên A là doanh nghiệp hoạt động trong Cụm công nghiệp Thanh Oai có mong muốn được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải;

+ Bên B là Chủ đầu tư Cụm công nghiệp Thanh Oai được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với đầy đủ tư cách, năng lực trong lĩnh vực xử lý nước thải, sẵn sàng cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải và các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của Bên A.

+ Các bên đã hiểu rõ các quy định của pháp luật và UBND thành phố Hà Nội về công tác Bảo vệ môi trường tại Cụm công nghiệp Thanh Oai và cam kết chấp hành, thực hiện.

Sau khi thỏa thuận, Bên A và Bên B thống nhất ký và thực hiện Hợp đồng Cung cấp và Sử dụng Dịch vụ xử lý nước thải (XLNT) tại Cụm công nghiệp Thanh Oai với các điều khoản và điều kiện cụ thể dưới đây:

**ĐIỀU 1: PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG:**

1.1 Đối tượng của Hợp đồng: Bên B nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải do Bên A xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thanh Oai. Bên B đảm bảo nước thải sau khi xử lý đạt yêu cầu cho phép xả thải ra môi trường (mức B của QCVN 40-2011/BTNMT, quy định về Nước thải công nghiệp – Tiêu chuẩn thải và Quyết định số 6843/QĐ- UBND ngày 22/12/2014 của UBND TP Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Thanh Oai).

1.2 Phạm vi thực hiện: Hoạt động cung cấp dịch vụ XLNT và xả nước thải của các Bên được giới hạn trong Cụm công nghiệp Thanh Oai.

**ĐIỀU 2: ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI VÀ QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU NỐI:**

2.1. Điểm đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom XLNT của Bên A vào hệ thống thu gom, XLNT của Cụm công nghiệp Thanh Oai là vị trí hố ga (do đơn vị XLNT chỉ định) mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên A được nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Thanh Oai.



2.2. Điểm đầu nối do Bên B chỉ định theo thiết kế kỹ thuật của hệ thống để đảm bảo hệ thống vận hành an toàn và thuận tiện cho việc giám sát, lấy mẫu nước thải khi cần thiết.

2.3. Việc đầu nối nước thải của Bên A vào hệ thống chung của Cụm công nghiệp Thanh Oai phải được Bên B giám sát và được lập thành biên bản với chữ ký xác nhận bởi đại diện có thẩm quyền của các bên. Trường hợp Bên A tự đầu nối không có sự chấp thuận của Bên B thì Bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với mọi hậu quả liên quan đến việc đầu nối.

### **ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN A XẢ VÀO HỆ THỐNG THU GOM, XLNT CỤM CÔNG NGHIỆP THANH OAI.**

3.1. Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng 80% khối lượng nước sạch doanh nghiệp sử dụng hàng tháng căn cứ vào Hóa đơn sử dụng nước sạch hàng tháng.

3.2. Bên B sẽ ký hợp đồng thuê đơn vị tư vấn lấy mẫu nước thải có sự chứng kiến xác nhận của Bên A để phân tích và xác định hàm lượng COD trong nước thải của từng doanh nghiệp để làm căn cứ tính giá.

### **ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:**

4.1. Được sử dụng vụ thu gom, XLNT của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

4.2. Thanh toán kịp thời, đầy đủ các chi phí sử dụng dịch vụ theo qui định tại Điều 6 của Hợp đồng này;

4.3. Chịu trách nhiệm lấy mẫu nước thải và trả chi phí phân tích khi cần thiết phải đánh giá lại chất lượng nước thải của Bên A khi Bên A yêu cầu.

4.4. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải và cung cấp dịch vụ XLNT.

4.5. Cung cấp cho Bên B Hóa đơn sử dụng nước sạch hàng tháng của Bên A để Bên B làm căn cứ tính phí vào ngày 15 hàng tháng.

4.6. Thông báo ngay cho Bên B bằng văn bản trong các trường hợp: thay đổi chất lượng nước thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy...theo đó hai bên sẽ đàm phán để điều chỉnh lại phương thức tính trong hợp đồng này.

4.7. Cung cấp cho Bên B sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ Nhà máy của Bên A để Bên B kiểm tra, giám sát; xây dựng tách biệt giữa hệ thống thoát nước mưa với nước thải và không được để Bên thứ 3 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên A.

4.8. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của Cụm công nghiệp Thanh Oai về công tác Bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom



thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng Cụm công nghiệp Thanh Oai và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT.

#### ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

5.1. Kinh doanh dịch vụ thu gom, XLNT theo quy định của pháp luật.

5.2. Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu XLNT của Bên A, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ XLNT cho Bên A;

5.3. Đảm bảo chất lượng dịch vụ XLNT theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Cụm công nghiệp Thanh Oai.

5.4. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công tác Bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom, XLNT.

5.5. Được Bên A cung cấp Hóa đơn sử dụng nước sạch hàng tháng của Bên A để Bên B làm căn cứ tính phí.

5.6. Yêu cầu Bên A thanh toán Phí xử lý nước thải và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp Thanh Oai.

5.7. Khi nghi ngờ Bên A xả nước thải vượt quá mức COD đã ký trước đó, Bên B có quyền lấy mẫu nước thải của Bên A tại bất kỳ thời điểm nào, thời gian nào để xác định chính xác chất lượng nước thải của Bên A. Việc lấy mẫu nước thải được lập thành biên bản, có chữ ký xác nhận của các bên và kết quả được lấy làm cơ sở tính phí XLNT trong kỳ theo nội dung quy định trong Hợp đồng này.

#### ĐIỀU 6: PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

6.1. Phí dịch vụ:

Khối lượng nước thải để tính phí áp dụng tại điều 3 của hợp đồng này

- Trong suốt thời hạn của Hợp đồng này, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B phí dịch vụ hàng tháng (chưa bao gồm thuế VAT) được tính như sau:

Phí dịch vụ = Đơn giá x Khối lượng nước thải mà Bên B xử lý hàng tháng.

Đơn giá theo văn bản thẩm định của Sở Tài chính như sau:

+ Đơn giá: 4.600đ/m<sup>3</sup>: Áp dụng đối với nước thải có nồng độ ô nhiễm tương đương mức COD < 151 của TCVN 5945-2005.

+ Đơn giá: 6.900đ/m<sup>3</sup>: Áp dụng đối với nước thải có nồng độ ô nhiễm tương đương mức 151 < COD < 200 của TCVN 5945-2005.

+ Đơn giá: 9.200đ/m<sup>3</sup>: Áp dụng đối với nước thải có nồng độ ô nhiễm tương đương mức 201 < COD < 300 của TCVN 5945-2005.

+Đơn giá: 11.500đ/m<sup>3</sup>: Áp dụng đối với nước thải có nồng độ ô nhiễm tương đương mức  $301 < \text{COD} < 400$  của TCVN 5945-2005.

+Đơn giá: 16.100đ/m<sup>3</sup>: Áp dụng đối với nước thải có nồng độ ô nhiễm tương đương mức  $401 < \text{COD} < 600$  của TCVN 5945-2005.

+Đơn giá: 20.700đ/m<sup>3</sup>: Áp dụng đối với nước thải có nồng độ ô nhiễm tương đương mức  $\text{COD} > 601$  của TCVN 5945-2005.

- Đơn giá dịch vụ XLNT có thể được điều chỉnh căn cứ sự biến động giá cả thị trường (điện, nước, hóa chất, tiền lương nhân công, phí BVMT...) theo văn bản thẩm định của Sở Tài chính.

6.2 Cơ sở ban đầu để xác định chất lượng nước thải áp dụng cho việc tính giá là Phiếu kết quả phân tích mẫu nước thải của Bên A, xác định hàm lượng COD trong nước thải được thực hiện bởi Bên B.

6.3 Theo định kỳ một năm một lần Bên B sẽ thuê đơn vị tư vấn lấy mẫu nước thải để phân tích xác định hàm lượng COD trong nước thải để làm căn cứ tính giá dịch vụ xử lý nước thải.

Trong trường hợp kết quả xét nghiệm mẫu nước thải được lấy theo yêu cầu của Bên B do 01 đơn vị chuyên môn có đủ chức năng phân tích xét nghiệm và có sự chứng kiến xác nhận của bên A (trường hợp nếu bên B mời bên A chứng kiến xác nhận mà bên A không xác nhận thì bên B có quyền mời người làm chứng hoặc mời chính quyền địa phương, cơ quan chức năng nhà nước xác nhận vào biên bản lấy mẫu) thì kết quả này sẽ được lấy làm cơ sở để áp dụng tính phí nước thải theo nội dung của hợp đồng này.

#### 6.4 Phương thức thanh toán

(i) Bên A có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ cho Bên B trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hóa đơn.

(ii) Nếu quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà Bên A vẫn chưa thanh toán thì Bên B sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT cho đến khi Bên A thanh toán đầy đủ

(iii) Kể từ ngày Bên A thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho Bên B, Bên B sẽ mở van xả thải cho Bên A để Bên A được xả nước thải vào hệ thống XLNT của Bên B. Khi đó, Bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B toàn bộ chi phí phát sinh từ về việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước, các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình trên (nếu có) theo bảng chiết tính của Bên B cũng như tiền lãi tính trên số phí dịch vụ mà bên A thanh toán chậm kể từ ngày quá thời hạn 30 ngày nêu tại mục (ii) ở trên với mức lãi suất

quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.

## **ĐIỀU 7: CÁC TRƯỜNG HỢP XỬ LÝ KHI VI PHẠM NỘI DUNG HỢP ĐỒNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**

7.1. Khi bên A vi phạm các quy định về xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp tại Điều 2 và Điều 4.7 nhưng chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom xử lý nước thải của Cụm công nghiệp. Bên B sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu bên A khắc phục. Sau 03 ngày kể từ ngày phát hành thông báo lần thứ nhất mà bên A không chấp hành thì bên B sẽ ra thông báo lần hai. Hết thời hạn 02 ngày của thông báo lần hai mà bên A vẫn không chấp hành thì bên B có quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT theo hợp đồng này và tạm ngừng cung cấp dịch vụ hạ tầng của Cụm công nghiệp.

7.2. Trường hợp bên A vi phạm các quy định về xả nước thải gây hậu quả nghiêm trọng thì tùy theo mức độ có thể bị xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, pháp luật có liên quan.

7.3 Dịch vụ XLNT chỉ được cung cấp trở lại khi Bên A đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi, vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7.6 Khi tiến hành các công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, Nhà máy XLNT và/hoặc bảo hành, bảo dưỡng hệ thống XLNT (gồm cả hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT), Bên B sẽ có văn bản thông báo cho Bên A biết lý do, thời điểm tiến hành và sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động xấu gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B và ô nhiễm môi trường.

## **ĐIỀU 8: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký hợp đồng đến hết thời hạn Bên A sử dụng dịch vụ hạ tầng của Bên B nếu không có thay đổi gì khác, hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản của hai bên.

## **ĐIỀU 9: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:**

9.1 Hợp đồng này có thể được các bên sửa đổi/bổ sung bằng văn bản. Việc sửa đổi/bổ sung sẽ được tiến hành theo hình thức Hợp đồng sửa đổi/bổ sung hoặc phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này;

## **ĐIỀU 10: BẢO MẬT:**

Tất cả các phương tiện, thông tin, tài liệu và Hợp đồng giữa Bên A và Bên B được coi như là quyền sở hữu tự nhiên và được các Bên giữ hoàn toàn bí mật trừ khi được chấp

thuận bằng văn bản của Bên kia cho phép công bố hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:**

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các Bên. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết thông qua hòa giải, một trong hai Bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết tranh chấp theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

**ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:**

12.1 Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều quy định trong hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

12.2 Hợp đồng gồm (07) trang, mười hai (12) điều, được lập thành thành sáu (06) bản gốc bằng Tiếng Việt có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ ba (03) bản làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC  
ĐS. Đỗ Văn Hiếu



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Huy Lâm

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp Thanh Oai

Số: *01/B*/2024/PLHĐ/CN.COMA18-PH

- Căn cứ Hợp đồng Số 103C/HĐXLNT-CCNTO ngày 01/05/2017 giữa Công ty Cổ phần COMA18 và Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng.

- Căn cứ Giấy ủy quyền số 04/UQ-CT ngày 03/01/2024 về việc: Ủy quyền cho Ông Bùi Đình Dur, Giám đốc Chi nhánh cụm công nghiệp Thanh Oai – Công ty cổ phần COMA18 được quyền thay mặt Tổng giám đốc Công ty cổ phần COMA18 ký các Phụ lục hợp đồng Cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp Thanh Oai từ tháng 01/2024.

Hôm nay, ngày tháng 01 năm 2024, chúng tôi gồm:

### I. Bên thuê xử lý:

Tên tổ chức **CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG**  
Người đại diện: Bà Lê Thị Thu Hương Chức vụ: **Giám đốc**  
Đại chỉ tại: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - Phường Quang Trung - Quận Hà Đông - TP Hà Nội.  
Điện thoại: 024.33.826.222 Mail: hcns@dongduocphuchung.com.vn  
Mã số thuế: 0500389063  
Tài khoản số: Số tài khoản: 110000011414 tại ngân hàng Công thương – CN Thành An

(Dưới đây Bên thuê xử lý gọi là "**Bên A**")

### II. Bên nhận xử lý:

Tên tổ chức: **CHI NHÁNH CỤM CÔNG NGHIỆP THANH OAI  
- CÔNG TY CỔ PHẦN COMA18**  
Người đại diện: Ông Bùi Đình Dur Chức vụ: **Giám đốc**  
Địa chỉ tại: Cụm công nghiệp Thanh Oai, Km3 QL21B, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.  
Điện thoại: (84-4) 33.535.169 Mail: bqldathanhoai@coma18.vn  
Mã số thuế: 0500236860-011  
Tài khoản số: 16668888666 Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh ACB - PGD Hà Đông.

(Dưới đây Bên nhận xử lý gọi là "**Bên B**")

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký phụ lục hợp đồng thực hiện nội dung điều chỉnh như sau:

## **NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:**

### **Điều 1: Điều chỉnh các thông tin Bên nhận nhận xử lý nước thải:**

Căn cứ Giấy ủy quyền số 04/UQ-CT ngày 03/01/2024 về việc: Ủy quyền cho Ông Bùi Đình Dur, Giám đốc Chi nhánh cụm công nghiệp Thanh Oai - Công ty cổ phần COMA18 được quyền thay mặt Tổng giám đốc Công ty cổ phần COMA18 ký các Phụ lục hợp đồng Cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp Thanh Oai từ tháng 01/2024

Stt	Nội dung điều chỉnh	Trước khi điều chỉnh:	Sau khi điều chỉnh:
1.	<b>Tên tổ chức:</b>	Công ty cổ phần COMA18	Chi nhánh Cụm công nghiệp Thanh Oai - Công ty cổ phần COMA18
2.	<b>Người đại diện:</b>	Ông Bùi Quang Đông	Ông Bùi Đình Dur
3.	<b>Địa chỉ:</b>	Số 135 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.	Cụm công nghiệp Thanh Oai, Km3 QL21B, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.
4.	<b>Mã số thuế:</b>	0500236860	0500236860-011
5.	<b>Tài khoản số:</b>	15556668888 tại Ngân hàng Á Châu – CN Hà nội	16668888666 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh ACB - PGD Hà Đông

### **Điều 3: Điều khoản chung**

- Thực hiện đúng các điều khoản ghi trong phụ lục hợp đồng.
- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của các hợp đồng và văn bản đã được các bên ký.
- Tất cả các điều khoản khác trong các hợp đồng đã ký giữa 02 bên, vẫn giữ nguyên không thay đổi trong suốt thời gian của hợp đồng, đến khi kết thúc hợp đồng.
- Phụ lục hợp đồng này hai bên đã đọc, hiểu rõ nội dung thỏa thuận và tự nguyện ký tên dưới đây.
- Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bản 02 trang có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.



**ĐẠI DIỆN BÊN A**

GIÁM ĐỐC  
*Bùi Đình Dur*



**ĐẠI DIỆN BÊN B**

GIÁM ĐỐC  
*Lê Thị Thu Hương*

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp Thanh Oai

Số: *01B*/2024/PLHD/CN.COMA18-PH

- Căn cứ Hợp đồng Số 103C/HĐXLNT-CCNTO ngày 01/05/2017 giữa Công ty Cổ phần COMA18 và Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng.

- Căn cứ Giấy ủy quyền số 04/UQ-CT ngày 03/01/2024 về việc: Ủy quyền cho Ông Bùi Đình Dư, Giám đốc Chi nhánh cụm công nghiệp Thanh Oai – Công ty cổ phần COMA18 được quyền thay mặt Tổng giám đốc Công ty cổ phần COMA18 ký các Phụ lục hợp đồng Cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp Thanh Oai từ tháng 01/2024.

Hôm nay, ngày tháng 01 năm 2024, chúng tôi gồm:

### I. Bên thuê xử lý:

Tên tổ chức **CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG**  
Người đại diện: Bà Lê Thị Thu Hương Chức vụ: **Giám đốc**  
Đại chỉ tại: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - Phường Quang Trung - Quận Hà đông - TP Hà Nội.  
Điện thoại: 024.33.826.222 Mail: hcns@dongduocphuchung.com.vn  
Mã số thuế: 0500389063  
Tài khoản số: Số tài khoản: 110000011414 tại ngân hàng Công thương – CN Thành An

(Dưới đây Bên thuê xử lý gọi là “**Bên A**”)

### II. Bên nhận xử lý:

Tên tổ chức: **CHI NHÁNH CỤM CÔNG NGHIỆP THANH OAI  
- CÔNG TY CỔ PHẦN COMA18**  
Người đại diện: Ông Bùi Đình Dư Chức vụ: **Giám đốc**  
Địa chỉ tại: Cụm công nghiệp Thanh Oai, Km3 QL21B, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.  
Điện thoại: (84-4) 33.535.169 Mail: bqldathanhoai@coma18.vn  
Mã số thuế: 0500236860-011  
Tài khoản số: 16668888666 Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh ACB - PGD Hà Đông.

(Dưới đây Bên nhận xử lý gọi là “**Bên B**”)

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký phụ lục hợp đồng thực hiện nội dung điều chỉnh như sau:

## **NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:**

### **Điều 1: Điều chỉnh các thông tin Bên nhận nhận xử lý nước thải:**

Căn cứ Giấy ủy quyền số 04/UQ-CT ngày 03/01/2024 về việc: Ủy quyền cho Ông Bùi Đình Dư, Giám đốc Chi nhánh cụm công nghiệp Thanh Oai - Công ty cổ phần COMA18 được quyền thay mặt Tổng giám đốc Công ty cổ phần COMA18 ký các Phụ lục hợp đồng Cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp Thanh Oai từ tháng 01/2024

<b>Stt</b>	<b>Nội dung điều chỉnh</b>	<b>Trước khi điều chỉnh:</b>	<b>Sau khi điều chỉnh:</b>
1.	<b>Tên tổ chức:</b>	Công ty cổ phần COMA18	Chi nhánh Cụm công nghiệp Thanh Oai - Công ty cổ phần COMA18
2.	<b>Người đại diện:</b>	Ông Bùi Quang Đông	Ông Bùi Đình Dư
3.	<b>Địa chỉ:</b>	Số 135 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.	Cụm công nghiệp Thanh Oai, Km3 QL21B, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.
4.	<b>Mã số thuế:</b>	0500236860	0500236860-011
5.	<b>Tài khoản số:</b>	15556668888 tại Ngân hàng Á Châu – CN Hà nội	16668888666 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh ACB - PGD Hà Đông

### **Điều 3: Điều khoản chung**

- Thực hiện đúng các điều khoản ghi trong phụ lục hợp đồng.
- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của các hợp đồng và văn bản đã được các bên ký.
- Tất cả các điều khoản khác trong các hợp đồng đã ký giữa 02 bên, vẫn giữ nguyên không thay đổi trong suốt thời gian của hợp đồng, đến khi kết thúc hợp đồng.
- Phụ lục hợp đồng này hai bên đã đọc, hiểu rõ nội dung thỏa thuận và tự nguyện ký tên dưới đây.
- Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bản 02 trang có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.



**ĐẠI DIỆN BÊN**  
**GIÁM ĐỐC**  
*Bùi Đình Dư*



**ĐẠI DIỆN BÊN**  
**GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Thu Hương*

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Sử dụng dịch vụ hạ tầng tại cụm công nghiệp Thanh Oai

Số: ~~02A~~/2024/PLHD/CN.COMA18-PH

- Căn cứ Hợp đồng Số 103B/HĐKT ngày 01/04/2010 và Phụ lục hợp đồng số: 103B/HĐKT ngày 01/07/2014 giữa Công ty Cổ phần COMA18 và Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng.

- Căn cứ Giấy ủy quyền số 02/UQ-CT ngày 03/01/2024 về việc: Ủy quyền cho Ông Bùi Đình Dư, Giám đốc Chi nhánh cụm công nghiệp Thanh Oai - Công ty cổ phần COMA18 được quyền thay mặt Tổng giám đốc Công ty cổ phần COMA18 ký các Phụ lục hợp đồng Sử dụng dịch vụ hạ tầng tại Cụm công nghiệp Thanh Oai từ tháng 01/2024.

Hôm nay, ngày tháng 01 năm 2024, chúng tôi gồm:

### I. Đơn vị cung cấp dịch vụ:

Tên tổ chức: **CHI NHÁNH CỤM CÔNG NGHIỆP THANH OAI - CÔNG TY CỔ PHẦN COMA18**  
Người đại diện: Ông **Bùi Đình Dư** Chức vụ: **Giám đốc**  
Địa chỉ tại: Cụm công nghiệp Thanh Oai, Km3 QL21B, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.  
Điện thoại: (84-4) 33.535.169 Mail: bqldathanhoai@coma18.vn  
Mã số thuế: 0500236860-011  
Tài khoản số: 16668888666 Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh ACB - PGD Hà Đông.

(Dưới đây Bên cung cấp dịch vụ gọi là "**Bên A**")

### II. Đơn vị sử dụng dịch vụ:

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG**  
Người đại diện: Bà **Lê Thị Thu Hương** Chức vụ: **Giám đốc**  
Đại chỉ tại: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - Phường Quang Trung - Quận Hà đông - TP Hà Nội.  
Điện thoại: 024.33.826.222 Mail: hcns@dongduocphuchung.com.vn  
Mã số thuế: 0500389063  
Tài khoản số: Số tài khoản: 110000011414 tại ngân hàng Công thương – CN Thành An

(Dưới đây Bên sử dụng dịch vụ gọi là "**Bên B**")

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký phụ lục hợp đồng thực hiện nội dung điều chỉnh như sau:

## **NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:**

### **Điều 1: Điều chỉnh các thông tin Đơn vị cung cấp dịch vụ (Bên A).**

- Căn cứ Giấy ủy quyền số 02/UQ-CT ngày 03/01/2024 về việc: Ủy quyền cho Ông Bùi Đình Dư, Giám đốc Chi nhánh cụm công nghiệp Thanh Oai - Công ty cổ phần COMA18 được quyền thay mặt Tổng giám đốc Công ty cổ phần COMA18 ký các Phụ lục hợp đồng Sử dụng dịch vụ hạ tầng tại Cụm công nghiệp Thanh Oai.

<b>Stt</b>	<b>Nội dung điều chỉnh</b>	<b>Trước khi điều chỉnh:</b>	<b>Sau khi điều chỉnh:</b>
1.	<b>Tên tổ chức:</b>	Công ty cổ phần COMA18	Chi nhánh Cụm công nghiệp Thanh Oai - Công ty cổ phần COMA18
2.	<b>Người đại diện:</b>	Ông Đỗ Quang Khuê	Ông Bùi Đình Dư
3.	<b>Địa chỉ:</b>	Số 135 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.	Cụm công nghiệp Thanh Oai, Km3 QL21B, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.
4.	<b>Mã số thuế:</b>	0500236860	0500236860-011
5.	<b>Tài khoản số:</b>	019704060000423 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Hà Đông	16668888666 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh ACB - PGD Hà Đông

### **Điều 3: Điều khoản chung:**

- Thực hiện đúng các điều khoản ghi trong phụ lục hợp đồng.
- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của các hợp đồng và văn bản đã được các bên ký.
- Tất cả các điều khoản khác trong các hợp đồng đã ký giữa 02 bên, vẫn giữ nguyên không thay đổi trong suốt thời gian của hợp đồng, đến khi kết thúc hợp đồng.
- Phụ lục hợp đồng này hai bên đã đọc, hiểu rõ nội dung thỏa thuận và tự nguyện ký tên dưới đây.
- Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bản 02 trang có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.



**ĐẠI DIỆN BÊN A**

GIÁM ĐỐC  
*Bùi Đình Dư*



**ĐẠI DIỆN BÊN B**

GIÁM ĐỐC  
*Lê Thị Thu Hương*

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Sử dụng dịch vụ hạ tầng tại cụm công nghiệp Thanh Oai

Số: 04/P/2024/PLHD/CN.COMA18-PH

- Căn cứ Hợp đồng Số 103B/HĐKT ngày 01/04/2010 và Phụ lục hợp đồng số: 103B/HĐKT ngày 01/07/2014 giữa Công ty Cổ phần COMA18 và Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng.

- Căn cứ Giấy ủy quyền số 02/UQ-CT ngày 03/01/2024 về việc: Ủy quyền cho Ông Bùi Đình Dư, Giám đốc Chi nhánh cụm công nghiệp Thanh Oai - Công ty cổ phần COMA18 được quyền thay mặt Tổng giám đốc Công ty cổ phần COMA18 ký các Phụ lục hợp đồng Sử dụng dịch vụ hạ tầng tại Cụm công nghiệp Thanh Oai từ tháng 01/2024.

Hôm nay, ngày tháng 01 năm 2024, chúng tôi gồm:

### I. Đơn vị cung cấp dịch vụ:

Tên tổ chức: **CHI NHÁNH CỤM CÔNG NGHIỆP THANH OAI - CÔNG TY CỔ PHẦN COMA18**  
Người đại diện: Ông **Bùi Đình Dư** Chức vụ: **Giám đốc**  
Địa chỉ tại: Cụm công nghiệp Thanh Oai, Km3 QL21B, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.  
Điện thoại: (84-4) 33.535.169 Mail: bqldathanhoai@coma18.vn  
Mã số thuế: 0500236860-011  
Tài khoản số: 16668888666 Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh ACB - PGD Hà Đông.

(Dưới đây Bên cung cấp dịch vụ gọi là “**Bên A**”)

### II. Đơn vị sử dụng dịch vụ:

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG**  
Người đại diện: Bà **Lê Thị Thu Hương** Chức vụ: **Giám đốc**  
Đại chỉ tại: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - Phường Quang Trung - Quận Hà đông - TP Hà Nội.  
Điện thoại: 024.33.826.222 Mail: hens@dongduocphuchung.com.vn  
Mã số thuế: 0500389063  
Tài khoản số: Số tài khoản: 110000011414 tại ngân hàng Công thương – CN Thành An

(Dưới đây Bên sử dụng dịch vụ gọi là “**Bên B**”)

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký phụ lục hợp đồng thực hiện nội dung điều chỉnh như sau:

## **NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:**

### **Điều 1: Điều chỉnh các thông tin Đơn vị cung cấp dịch vụ (Bên A).**

- Căn cứ Giấy ủy quyền số 02/UQ-CT ngày 03/01/2024 về việc: Ủy quyền cho Ông Bùi Đình Dư, Giám đốc Chi nhánh cụm công nghiệp Thanh Oai - Công ty cổ phần COMA18 được quyền thay mặt Tổng giám đốc Công ty cổ phần COMA18 ký các Phụ lục hợp đồng Sử dụng dịch vụ hạ tầng tại Cụm công nghiệp Thanh Oai.

<b>Stt</b>	<b>Nội dung điều chỉnh</b>	<b>Trước khi điều chỉnh:</b>	<b>Sau khi điều chỉnh:</b>
1.	<b>Tên tổ chức:</b>	Công ty cổ phần COMA18	Chi nhánh Cụm công nghiệp Thanh Oai - Công ty cổ phần COMA18
2.	<b>Người đại diện:</b>	Ông Đỗ Quang Khuê	Ông Bùi Đình Dư
3.	<b>Địa chỉ:</b>	Số 135 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.	Cụm công nghiệp Thanh Oai, Km3 QL21B, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.
4.	<b>Mã số thuế:</b>	0500236860	0500236860-011
5.	<b>Tài khoản số:</b>	019704060000423 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Hà Đông	16668888666 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh ACB - PGD Hà Đông

### **Điều 3: Điều khoản chung:**

- Thực hiện đúng các điều khoản ghi trong phụ lục hợp đồng.
- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của các hợp đồng và văn bản đã được các bên ký.
- Tất cả các điều khoản khác trong các hợp đồng đã ký giữa 02 bên, vẫn giữ nguyên không thay đổi trong suốt thời gian của hợp đồng, đến khi kết thúc hợp đồng.
- Phụ lục hợp đồng này hai bên đã đọc, hiểu rõ nội dung thỏa thuận và tự nguyện ký tên dưới đây.
- Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bản 02 trang có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.



**ĐẠI DIỆN BÊN A**

GIÁM ĐỐC  
*Bùi Đình Dư*



**ĐẠI DIỆN BÊN B**

GIÁM ĐỐC  
*Lê Thị Thu Hương*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**HỢP ĐỒNG**

**DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Số: 120.5.5.../2025/HĐKT/ETC

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến quản lý chất thải và phế liệu.
- Căn cứ vào giấy phép môi trường số 456/GPMT-BTNMT do Bộ tài nguyên và môi trường cấp ngày 29/10/2024.
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC, chúng tôi gồm có:

**BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG**

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, P. Hà Đông, TP Hà Nội

Điện thoại:

Mã số thuế: 0500389063

Người đại diện: Bà **Lê Thị Thu Hương**

Chức vụ: **Giám đốc**

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG ETC**

Địa chỉ: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Đông A, Tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02286.288.288

Mã số thuế: 0600682259

Tài khoản: 0831000068899

Tại ngân hàng Vietcombank Nam Định

Người đại diện: Ông **Trần Đức Phú**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

**Đại diện hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với các nội dung sau đây:**

**ĐIỀU 1. NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

Bên A (Chủ nguồn thải) thuê Bên B (Doanh nghiệp có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại) thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong

hoạt động sản xuất kinh doanh do bên A quản lý đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

## **ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI**

- Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu chứa chất thải do bên A quản lý.
- Địa chỉ: Cụm CN Thanh Oai xã Bình Minh, Hà Nội
- Thời gian giao nhận: Theo yêu cầu dịch vụ của Bên A (Nhưng phải phù hợp với các điều khoản trong Hợp đồng). Khi bên A có yêu cầu thực hiện dịch vụ thì sẽ phải thông báo cho Bên B chậm nhất là trước 03 ngày để Bên B bố trí triển khai thực hiện, nội dung yêu cầu dịch vụ phải có số lượng, chủng loại chất thải và những vấn đề phát sinh bất thường khác.

**\*Điện thoại thường trực khi yêu cầu dịch vụ:**

- **Cán bộ kinh doanh phụ trách Hợp đồng:**

**hoặc số điện thoại Hotline của công ty: 02286.288.288.**

- Phương tiện vận chuyển: Căn cứ nội dung yêu cầu dịch vụ của bên A, bên B bố trí phương tiện vận chuyển phù hợp, đúng pháp luật.
- Địa điểm xử lý chất thải: Nhà máy xử lý chất thải của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC - địa chỉ: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Đông A, Tỉnh Ninh Bình.

## **ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI – ĐƠN GIÁ – GIÁ TRỊ THANH TOÁN**

**3.1.** Khối lượng chất thải để đưa vào tính tổng giá trị hợp đồng là tổng khối lượng chất thải của các đợt giao nhận, mỗi đợt giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên thông qua “Biên bản giao nhận chất thải”

**3.2** Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải dưới đây chưa bao gồm thuế theo quy định

TT	Danh Mục	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng (Kg/năm)	Giá trị hợp đồng (VNĐ)
1	Giẻ lau, vật liệu hấp thụ thải	18 02 01	Kg	≤ 500	14.000.000
2	Bóng đèn neong thải	16 01 06	Kg		
4	Dung môi hữu cơ thải	03 05 03	Kg		
5	Bao bì thải bằng vật liệu khác	18 01 04	Kg		

### **3.3. Giá trị thanh toán:**

- Trường hợp khối lượng CTNH một lần vận chuyển ≤ 500kg thì Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B theo mức phí dịch vụ trọn gói là **14.000.000 đồng** ( Chưa bao gồm thuế VAT).

- Trong trường hợp khối lượng CTNH trong một lần vận chuyển của Bên A > 500kg thì Bên A phải thanh toán cho Bên B theo đơn giá 6.000đ/1 kg CTNH tăng thêm. (Chưa bao gồm thuế VAT)

### **3.4 Phương thức thanh toán**

- Bên A đặt cọc để thực hiện hợp đồng cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng chẵn) ngay sau khi hai bên ký hợp đồng. Số tiền này sẽ được khấu trừ vào lần thanh toán cuối cùng trước khi thanh lý hợp đồng.

- Sau khi bên B nhận đủ số tiền theo hợp đồng Bên B có nghĩa vụ thực hiện việc , vận chuyển, xử lý chất thải vào thời gian dự kiến tại Điều 2 cho Bên A. Bên A có trách nhiệm thanh toán phần giá trị còn lại cho bên B (nếu có phát sinh) trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ thanh toán.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt/chuyển khoản/đổi trừ công nợ (nếu có).

Hồ sơ thanh toán gồm có:

1. Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.
2. Biên bản nghiệm thu khối lượng.
3. Hoá đơn GTGT theo quy định (Hóa đơn phát hành theo thông tin trên Hợp đồng mà Bên A cung cấp cho Bên B).
4. Chứng từ chất thải nguy hại (bản chính).

- Trong trường hợp bên A không phát sinh khối lượng trong thời gian hợp đồng có hiệu lực thì Bên B cũng không phải hoàn lại số tiền đã đặt cọc trên.

**\*Ghi chú:** Quý khách hàng lưu ý: những trường hợp khách hàng không thanh toán qua tài khoản của Công ty môi trường ETC đều phải nhận phiếu thu để ký xác nhận và lưu giữ làm chứng từ thanh toán đối chiếu sau này.

### **ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A**

- Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật đối với Chủ nguồn thải. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về lưu giữ tạm thời và chuyển giao CTNH.

- Bên A tạo điều kiện cho Bên B thực hiện dịch vụ trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

- Bên A có trách nhiệm phối hợp với bên B lập chứng từ chất thải nguy hại khi chuyển giao chất thải nguy hại theo đúng quy định của Bộ Tài Nguyên và Môi trường, xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình vận chuyển và xử lý chất thải của bên B, với điều kiện không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

- Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn giá trị dịch vụ cho Bên B theo đơn giá quy định của hợp đồng.

#### **ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B**

- Bên B bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu thực hiện dịch vụ theo đúng địa điểm, thời gian và tuyệt đối an toàn mà hai bên thỏa thuận.
- Bên B có quyền từ chối nhận CTNH được giao bởi bên thứ 3. Chỉ chịu trách nhiệm xử lý lượng chất thải nguy hại bên A giao cho bên B thể hiện trên biên bản bàn giao được 2 bên lập và ký kết giao nhận.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về dịch vụ vận chuyển, xử lý CTNH, nhưng được miễn trừ trách nhiệm đối với những vi phạm phát sinh do bên A thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ trách nhiệm tự phân định, phân loại chất thải.
- Cử đại diện để cùng Bên A phối hợp thực hiện việc giao nhận CTNH, xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận chất thải nguy hại và Chứng từ CTNH đảm bảo việc giao nhận thực hiện an toàn, nhanh chóng và đúng yêu cầu của bên A và quy định của pháp luật.
- Tuân thủ quy định và nội quy làm việc trong nhà máy của Bên A.
- Bên B chịu trách nhiệm hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.
- Tư vấn cho bên A các vấn đề về pháp lý, kỹ thuật trong việc quản lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 6. HIỆU LỰC VÀ SỬA ĐỔI, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- Hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Sau khi hết hiệu lực mà hai bên không có thỏa thuận gì thì hợp đồng sẽ tự động thanh lý.
- Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.
- Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
  - (a) Hợp đồng hết hạn;
  - (b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
  - (c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại Điều 3 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo nhắc nợ của Bên B.

#### **ĐIỀU 7. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được Hai bên giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở giải quyết hài hòa, tôn trọng lợi ích của cả Hai bên.

- Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng, thì Hai bên sẽ đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của tỉnh Ninh Bình để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc Hai bên phải thi hành, bên thua phải chịu toàn bộ các chi phí giải quyết tranh chấp.

### **ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG**

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

(a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

(b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

### **ĐIỀU 9. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG.**

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**

*Lê Chi Chu Hương*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Trần Đức Phú*

MKH: .....

TỈNH/THÀNH PHỐ  
HÀ NỘI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1455 /2025/ DDPH /456/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 456/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Đông A, Tỉnh Ninh Bình ĐT: 02286.288.288

Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Đông A, Tỉnh Ninh Bình ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG** Số GPMT /Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, P. Hà Đông, Tp. Hà Nội ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Cụm CN Thanh Oai, xã Bình Minh, TP. Hà Nội ĐT: .....

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, vật liệu hấp thụ thải	x			18 02 01	139	TĐ - tro xỉ HR
2	Bóng đèn neong thải	x			16 01 06	25	Phá dỡ bóng đèn- chất thải HR
3	Hộp mực in thải	x			08 02 04	15	TĐ - tro xỉ HR
4	Dung môi hữu cơ thải		x		03 05 03	235	TĐ - tro xỉ HR
5	Bao bì thải bằng vật liệu khác	x			18 01 04	80	Súc rửa thu hồi PL
6	Bùn thải từ xử lý nước thải			x	12 06 05	6	Tách nước, TĐ- HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 18C-051817.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Vũ Văn Hưng Ký: Hưng Ngày: 24/11/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2025PHÓ GIÁM ĐỐC  
Dặng Hữu Lợi

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ninh Bình, ngày 12 tháng 11 năm 2025TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Đức Phú

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: .....

TỈNH/THÀNH PHỐ  
TP HÀ NỘI

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI  
Số: 8280... /2024/1-2-3-4-5-6.093.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX  
Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288  
Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....  
Địa chỉ cơ sở : ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG Số GPMT/ Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, P. Quang Trung, Q. Hà Đông, TP Hà Nội ĐT: .....  
Địa chỉ cơ sở: Cụm CN Thanh Oai, Xã Bích Hoà Huyện Thanh Oai, Hà Nội ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, vật liệu hấp thụ thải	x			18 02 01		TĐ - tro xỉ HR
2	Bóng đèn neong thải	x			16 01 06	83	Xử lý bằng hệ thống phá dỡ bóng đèn, chất thải HR
3	Hộp mực in thải	x			08 02 04		TĐ - tro xỉ HR
4	Dung môi hữu cơ thải	x			03 05 03	416	TĐ - tro xỉ HR
5	Bao bì thải bằng vật liệu khác	x			07 03 05		TC dầu, cặn bã TĐ, nước thải xử lý bằng HTXLNT
6	Bùn thải từ xử lý nước thải			x	12 06 05		TĐ - HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....  
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: A.PC.09.H444

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Văn Đạt Ký: Ngày: 26/10/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2024 rg



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Hữu Tài

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Nam Định, ngày 26 tháng 10 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đức Phú

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số 1  - 2  - 3  - 4

Ghi chú: .....

MKH: .....



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1K25TBM

Số (No.): 17

Ngày (Date) 19 tháng (month) 03 năm (year) 2025

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Mã số thuế (Tax code): 0100105535

Địa chỉ (Address): 282 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị cung cấp dịch vụ (Company's Name): CHI NHÁNH MỸ ĐỨC - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

MST: 0100105535-016

Địa chỉ (Address): Tổ dân phố Văn Giang, TT Đại Nghĩa, Huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội

Số tài khoản (Account no.): 2286862222 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

Điện thoại (Tel): (+84) 24 3627 2871

Thư điện tử (Email): urenco22.myduc@gmail.com

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐỒNG ĐƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ (Address): số 96-98 Nguyễn Việt Xuân, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Mã KH (CustomerCode): BHATO22HDKL0020

Số tài khoản (Account no.):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Từ ngày (Startdate): 01/01/2025 đến ngày (enddate): 31/03/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Descriptions)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Tiền hàng (Amount)	Thuế suất (VAT rate)	Tiền thuế (VAT amount)
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt từ ngày 01/01/2025 đến 31/03/2025 theo hợp đồng số HĐKL/T0/202501	Tấn	60	454.545,455	27.272.727	8%	2.181.818
Cộng tiền hàng (Total amount):					27.272.727		
Tiền thuế GTGT (VAT amount):							2.181.818
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):							29.454.545
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng chẵn.							

(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: <https://portal.hilo.com.vn>, mã tra cứu: 6999627HSQ77 hoặc: [tracu.urenco.com.vn](https://tracu.urenco.com.vn))

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI  
Ký ngày 19/03/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIÁ TRỊ**

Căn cứ hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo số HĐKL/TO/202501 ngày 02/01/2025 giữa Chi nhánh Mỹ Đức - Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội và Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng.

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng giữa Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng và Chi nhánh Mỹ Đức - Công ty TNHH một thành viên môi trường đô thị Hà Nội

Hôm nay, ngày 31 tháng 03 năm 2025

**Chúng tôi gồm:**

**1. CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG (BÊN A)**

Người đại diện: bà **Lê Thị Thu Hương** - Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 96- 98 Nguyễn Viết Xuân, phường Quang Trung, quận Hà Đông tp Hà Nội

**2. CHI NHÁNH MỸ ĐỨC - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI (BÊN B):**

Đại diện: bà **Nguyễn Thị Thùy Ninh** - Chức vụ: Phó giám đốc

Địa chỉ giao dịch: Tổ dân phố Văn Giang – TT Đại Nghĩa – huyện Mỹ Đức – TP Hà Nội.

TK: 2286862222, Tại: Ngân hàng SHB chi nhánh thăng long phòng giao dịch Nguyễn Huệ.

Cùng nhau lập biên bản nghiệm thu giá trị quý 1 năm 2025:

Thành tiền : 20 tấn x 490.909,091 đồng/tấn/tháng/x 3 tháng = 29.454.545 đồng.

**Bằng chữ :** Hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng /.

Kinh phí thực tế được chuyển vào tài khoản của Chi nhánh Mỹ Đức- Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hà Nội.số 2286862222, Tại: Ngân hàng SHB chi nhánh thăng long phòng giao dịch Nguyễn Huệ.

Chậm nhất đến ngày .....tháng..... năm 2025.

Biên bản được lập thành 02 bản, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản và cùng có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC  
*Lê Thị Thu Hương*

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Thị Thùy Ninh*



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIÁ TRỊ**

Căn cứ hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 121/HĐ-MTĐT ngày 28/04/2025 và biên bản nghiệm thu khối lượng thu gom rác thải sinh hoạt tháng 5 năm 2025 giữa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hà Nội và Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Hôm nay, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Chúng tôi gồm:

**I. BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG**

Đại diện: Bà Lê Thị Thu Hương

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 96 – 98 Nguyễn Viết Xuân, P.Quang Trung, Q.Hà Đông, TP. Hà Nội

**II. BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI**

Đại diện: Bà Ngô Thanh Loan

Chức vụ: Trưởng TTTC & TTMT

Địa chỉ : Số 282 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Tài khoản số: 1025036304 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn (SHB) – Chi nhánh Thăng Long

Mã ngân hàng: 01348003

Cùng nhau lập biên bản nghiệm thu giá trị tháng 5 năm 2025:

Thành tiền: 20 tấn x 490.909,091 đồng/tấn/tháng/x 1 tháng = **9.818.182** đồng

(Bằng chữ: Chín triệu tám trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng./.)

Chậm nhất đến ngày .....tháng..... năm 2025.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và cùng có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



GIÁM ĐỐC  
*Lê Thị Thu Hương*



TRƯỞNG TRUNG TÂM TÁI CHẾ & TRUYỀN THÔNG  
*Ngô Thanh Loan*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIÁ TRỊ**

Căn cứ hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 121/HĐ-MTĐT ngày 28/04/2025 và biên bản nghiệm thu khối lượng thu gom rác thải sinh hoạt quý 3 năm 2025 giữa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hà Nội và Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng.

Hôm nay, ngày tháng 10 năm 2025

Chúng tôi gồm:

**I. BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG**

Đại diện: Bà Lê Thị Thu Hương

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 96 – 98 Nguyễn Viết Xuân, phường Hà Đông, TP. Hà Nội

**II. BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI**

Đại diện: Bà Ngô Thanh Loan

Chức vụ: Trưởng TTTC & TTMT

Địa chỉ : Số 282 Kim Mã, phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

Tài khoản số: 1025036304 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Thăng Long

Mã ngân hàng: 01348003

Cùng nhau lập biên bản nghiệm thu giá trị quý 3 năm 2025:

Tháng 7: 4 tấn x 490.909,091 đồng/tấn = 1.963.636 đồng

Tháng 8, 9: 20 tấn x 490.909,091 đồng/tấn/tháng/x 2 tháng = 19.636.364 đồng

Tổng cộng: = 21.600.000 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./.)

Thanh toán chậm nhất đến ngày .....tháng..... năm 2025.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và cùng có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Thu Hương*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**TRƯỞNG TRUNG TÂM TÁI CHẾ & TRUYỀN THÔNG**  
*Ngô Thanh Loan*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIÁ TRỊ**

Căn cứ hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 121/HĐ-MTĐT ngày 28/04/2025 giữa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hà Nội và Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng.

Hôm nay, ngày tháng 12 năm 2025

Chúng tôi gồm:

**I. BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG**

Đại diện: Bà Lê Thị Thu Hương

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 96 – 98 Nguyễn Viết Xuân, phường Hà Đông, TP. Hà Nội

**II. BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI**

Đại diện: Bà Ngô Thanh Loan

Chức vụ: Trưởng TTTC & TTMT

Địa chỉ : Số 282 Kim Mã, phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

Tài khoản số: 1025036304 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Thăng Long

Mã ngân hàng: 01348003

Cùng nhau lập biên bản nghiệm thu giá trị quý 4 năm 2025:

Thành tiền: 20 tấn x 490.909,091 đồng/tấn/tháng/x 3 tháng = **29.454.545** đồng

(Bằng chữ: Hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng./.)

Thanh toán chậm nhất vào ngày .....tháng..... năm 2025.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và cùng có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thu Hương

ĐẠI DIỆN BÊN B



TRƯỞNG TRUNG TÂM TÁI CHẾ & TRUYỀN THÔNG

Ngô Thanh Loan



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 9770

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 07/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1332844679 ngày 07 tháng 01 năm 2024)	kWh	20.000	-	41.705.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					41.705.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.336.400
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 45.041.400
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi lăm triệu không trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/01/2024 17:10:30



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 83351

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2024 từ ngày 08/01/2024 đến ngày 17/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1334996317 ngày 17 tháng 01 năm 2024)	kWh	43.000	-	85.554.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					85.554.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.844.320
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 92.398.320
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi hai triệu ba trăm chín mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/ 01/ 2024 16:22:47



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 84504

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2024 từ ngày 18/01/2024 đến ngày 31/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1335124019 ngày 31 tháng 01 năm 2024)	kWh	46.000	-	96.945.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					96.945.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.755.600
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 104.700.600
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh bốn triệu bảy trăm nghìn sáu trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 31/01/2024 15:07:53



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 84528

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 07/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1335146082 ngày 16 tháng 02 năm 2024)	kWh	10.600	-	22.889.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					22.889.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.831.152
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 24.720.552
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn năm trăm năm mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 16/02/2024 07:49:56



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 84571

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2024 từ ngày 08/02/2024 đến ngày 17/02/2024	kWh	7.000	-	14.372.000
	(kèm theo bảng kê số 1335149569 ngày 18 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					14.372.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.149.760
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 15.521.760
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười lăm triệu năm trăm hai mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 18/02/2024 20:10:10



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 84608

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2024 từ ngày 18/02/2024 đến ngày 29/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1336280407 ngày 01 tháng 03 năm 2024)	kWh	45.600	-	92.188.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					92.188.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.375.072
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 99.563.472
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi chín triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 01/03/2024 17:04:09



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 259539

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 07/03/2025 (kèm theo bảng kê số 1382923800 ngày 07 tháng 03 năm 2025)	kWh	18.800	-	42.540.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					42.540.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.403.232
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 45.943.632
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/03/2025 14:18:54



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 346373

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 07/04/2025 (kèm theo bảng kê số 1386538993 ngày 07 tháng 04 năm 2025)	kWh	18.600	-	41.268.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					41.268.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.301.440
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 44.569.440
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/04/2025 14:53:13



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 346444

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2025 từ ngày 08/04/2025 đến ngày 17/04/2025	kWh	33.400	-	72.044.200
	(kèm theo bảng kê số 1386542708 ngày 17 tháng 04 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					72.044.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.763.536
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 77.807.736
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi bảy triệu tám trăm linh bảy nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/04/2025 15:21:50



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 346475

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2025 từ ngày 18/04/2025 đến ngày 30/04/2025 (kèm theo bảng kê số 1386558639 ngày 02 tháng 05 năm 2025)	kWh	34.400	-	76.828.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					76.828.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.146.256
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 82.974.456
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 02/05/2025 06:59:31



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 340067

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 07/05/2024	kWh	18.800	-	38.103.200
	(kèm theo bảng kê số 1345220169 ngày 07 tháng 05 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					38.103.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.048.256
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 41.151.456
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu một trăm năm mươi một nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/05/2024 14:56:41



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 340144

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2024 từ ngày 08/05/2024 đến ngày 17/05/2024	kWh	39.400	-	81.819.600
	(kèm theo bảng kê số 1345225769 ngày 17 tháng 05 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					81.819.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.545.568
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 88.365.168
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi tám triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/05/2024 14:06:22



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 340300

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2024 từ ngày 18/05/2024 đến ngày 31/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1348172009 ngày 01 tháng 06 năm 2024)	kWh	37.800	-	82.356.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					82.356.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.588.496
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 88.944.696
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 01/06/2024 21:33:48



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 425285

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 07/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1348484723 ngày 07 tháng 06 năm 2024)	kWh	18.400	-	40.236.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					40.236.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.218.928
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 43.455.528
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi ba triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/06/2024 15:32:41



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 425366

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2024 từ ngày 08/06/2024 đến ngày 17/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1348489180 ngày 17 tháng 06 năm 2024)	kWh	27.000	-	57.401.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					57.401.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.592.080
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 61.993.080
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi một triệu chín trăm chín mươi ba nghìn không trăm tám mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/06/2024 16:01:41



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 425404

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 6 năm 2024 từ ngày 18/06/2024 đến ngày 30/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1351499251 ngày 02 tháng 07 năm 2024)	kWh	36.400	-	77.994.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					77.994.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.239.568
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 84.234.168
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi bốn triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 02/07/2024 08:01:04



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 510640

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 07/07/2024 (kèm theo bảng kê số 1352016077 ngày 07 tháng 07 năm 2024)	kWh	16.400	-	34.687.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					34.687.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.775.008
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 37.462.608
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm linh tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/07/2024 21:06:44



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 510710

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2024 từ ngày 08/07/2024 đến ngày 17/07/2024	kWh	31.000	-	66.670.000
	(kèm theo bảng kê số 1352020152 ngày 17 tháng 07 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					66.670.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.333.600
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 72.003.600
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi hai triệu không trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/07/2024 14:26:07



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 510764

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 7 năm 2024 từ ngày 18/07/2024 đến ngày 31/07/2024 (kèm theo bảng kê số 1353696307 ngày 01 tháng 08 năm 2024)	kWh	30.600	-	65.418.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					65.418.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.233.472
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 70.651.872
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi triệu sáu trăm năm mươi một nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 01/08/2024 16:42:34



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 596263

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 07/08/2024 (kèm theo bảng kê số 1355231824 ngày 07 tháng 08 năm 2024)	kWh	18.200	-	39.147.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					39.147.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.131.824
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 42.279.624
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi hai triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/08/2024 16:28:27



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 596335

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2024 từ ngày 08/08/2024 đến ngày 17/08/2024	kWh	34.400	-	73.649.600
	(kèm theo bảng kê số 1355239537 ngày 18 tháng 08 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					73.649.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.891.968
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 79.541.568
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi chín triệu năm trăm bốn mươi một nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 18/08/2024 15:41:09



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 596391

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2024 từ ngày 18/08/2024 đến ngày 31/08/2024 (kèm theo bảng kê số 1355391425 ngày 01 tháng 09 năm 2024)	kWh	36.200	-	78.859.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					78.859.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.308.784
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 85.168.584
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 01/09/2024 18:38:35



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 682166

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 07/09/2024 (kèm theo bảng kê số 1358455990 ngày 08 tháng 09 năm 2024)	kWh	13.000	-	27.458.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					27.458.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.196.640
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 29.654.640
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 08/09/2024 14:03:27



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 682230

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2024 từ ngày 08/09/2024 đến ngày 17/09/2024 (kèm theo bảng kê số 1358461327 ngày 17 tháng 09 năm 2024)	kWh	27.400	-	58.601.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					58.601.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.688.128
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 63.289.728
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi ba triệu hai trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/09/2024 15:44:09



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 682311

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 9 năm 2024 từ ngày 18/09/2024 đến ngày 30/09/2024 (kèm theo bảng kê số 1358627110 ngày 01 tháng 10 năm 2024)	kWh	36.600	-	79.458.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					79.458.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.356.672
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 85.815.072
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi lăm triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 01/10/2024 16:16:19



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 768009

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 07/10/2024	kWh	20.200	-	43.918.800
	(kèm theo bảng kê số 1362089607 ngày 07 tháng 10 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					43.918.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.513.504
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 47.432.304
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn ba trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/ 10/ 2024 15:41:53



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 768084

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2024 từ ngày 08/10/2024 đến ngày 17/10/2024 (kèm theo bảng kê số 1362093021 ngày 17 tháng 10 năm 2024)	kWh	36.400	-	79.106.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					79.106.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.328.544
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 85.435.344
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/ 10/ 2024 16:35:01



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 768152

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tai

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 10 năm 2024 từ ngày 18/10/2024 đến ngày 31/10/2024 (kèm theo bảng kê số 1362505012 ngày 02 tháng 11 năm 2024)	kWh	32.800	-	73.925.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					73.925.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.914.048
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 79.839.648
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi chín triệu tám trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 02/ 11/ 2024 11:26:02

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
--------------------	--------------------	-----------------	-------------------

<b>Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)</b>			<b>79.839.648</b>
-----------------------------------------	--	--	-------------------

Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu tám trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng.



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 853978

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 07/11/2024 (kèm theo bảng kê số 1365462686 ngày 07 tháng 11 năm 2024)	kWh	24.200	-	53.255.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					53.255.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.260.416
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 57.515.616
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi bảy triệu năm trăm mười lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/ 11/ 2024 15:46:45



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 854043

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 11 năm 2024 từ ngày 08/11/2024 đến ngày 17/11/2024 (kèm theo bảng kê số 1365467453 ngày 17 tháng 11 năm 2024)	kWh	30.200	-	69.966.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					69.966.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.597.328
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 75.563.928
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/ 11/ 2024 21:50:27



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 854096

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 11 năm 2024 từ ngày 18/11/2024 đến ngày 30/11/2024 (kèm theo bảng kê số 1366595027 ngày 02 tháng 12 năm 2024)	kWh	20.600	-	47.084.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					47.084.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.766.768
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 50.851.368
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi triệu tám trăm năm mươi một nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 02/12/2024 10:03:38



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 940037

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 07/12/2024 (kèm theo bảng kê số 1369334768 ngày 07 tháng 12 năm 2024)	kWh	19.200	-	42.852.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					42.852.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.428.176
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 46.280.376
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/12/2024 21:12:44



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBK

Số (No): 940110

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 12 năm 2024 từ ngày 08/12/2024 đến ngày 17/12/2024	kWh	23.600	-	52.695.200
	(kèm theo bảng kê số 1371956418 ngày 18 tháng 12 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					52.695.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.215.616
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 56.910.816
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn tám trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 18/ 12/ 2024 15:56:39



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 44446

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 12 năm 2024 từ ngày 18/12/2024 đến ngày 31/12/2024 (kèm theo bảng kê số 1372826567 ngày 02 tháng 01 năm 2025)	kWh	30.600	-	69.962.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					69.962.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.597.024
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 75.559.824
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi lăm triệu năm trăm năm mươi chín nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 02/01/2025 21:30:24



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 86275

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 07/01/2025 (kèm theo bảng kê số 1376308206 ngày 07 tháng 01 năm 2025)	kWh	12.400	-	28.851.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					28.851.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.308.144
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 31.159.944
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi một triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/01/2025 15:39:47



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 86329

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2025 từ ngày 08/01/2025 đến ngày 17/01/2025 (kèm theo bảng kê số 1376317483 ngày 17 tháng 01 năm 2025)	kWh	30.600	-	69.069.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					69.069.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.525.568
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 74.595.168
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/01/2025 17:10:50



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 86363

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2025 từ ngày 18/01/2025 đến ngày 31/01/2025 (kèm theo bảng kê số 1379458583 ngày 02 tháng 02 năm 2025)	kWh	21.200	-	46.775.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					46.775.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.742.016
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 50.517.216
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi triệu năm trăm mười bảy nghìn hai trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 02/02/2025 12:19:15



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 173027

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 07/02/2025 (kèm theo bảng kê số 1379538848 ngày 07 tháng 02 năm 2025)	kWh	11.000	-	24.226.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					24.226.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.938.112
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 26.164.512
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi sáu triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm mười hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/02/2025 16:35:11



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 173085

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2025 từ ngày 08/02/2025 đến ngày 17/02/2025	kWh	26.600	-	58.806.000
	(kèm theo bảng kê số 1379541311 ngày 17 tháng 02 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					58.806.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.704.480
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 63.510.480
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi ba triệu năm trăm mười nghìn bốn trăm tám mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/02/2025 15:07:04



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 173119

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2025 từ ngày 18/02/2025 đến ngày 28/02/2025 (kèm theo bảng kê số 1379808898 ngày 02 tháng 03 năm 2025)	kWh	28.600	-	64.384.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					64.384.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.150.752
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 69.535.152
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi chín triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn một trăm năm mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 02/03/2025 13:07:54



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 259539

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 07/03/2025 (kèm theo bảng kê số 1382923800 ngày 07 tháng 03 năm 2025)	kWh	18.800	-	42.540.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					42.540.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.403.232
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 45.943.632
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/03/2025 14:18:54



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 259597

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2025 từ ngày 08/03/2025 đến ngày 17/03/2025 (kèm theo bảng kê số 1382931367 ngày 17 tháng 03 năm 2025)	kWh	26.000	-	58.269.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					58.269.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.661.584
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 62.931.384
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi một nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/03/2025 15:51:01



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 259630

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2025 từ ngày 18/03/2025 đến ngày 31/03/2025 (kèm theo bảng kê số 1383331639 ngày 01 tháng 04 năm 2025)	kWh	40.000	-	88.922.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					88.922.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.113.808
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 96.036.408
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi sáu triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm linh tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 01/04/2025 16:53:21



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 346373

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 07/04/2025 (kèm theo bảng kê số 1386538993 ngày 07 tháng 04 năm 2025)	kWh	18.600	-	41.268.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					41.268.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.301.440
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 44.569.440
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/04/2025 14:53:13



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 346444

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2025 từ ngày 08/04/2025 đến ngày 17/04/2025 (kèm theo bảng kê số 1386542708 ngày 17 tháng 04 năm 2025)	kWh	33.400	-	72.044.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					72.044.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.763.536
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 77.807.736
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi bảy triệu tám trăm linh bảy nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/04/2025 15:21:50



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 346475

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2025 từ ngày 18/04/2025 đến ngày 30/04/2025 (kèm theo bảng kê số 1386558639 ngày 02 tháng 05 năm 2025)	kWh	34.400	-	76.828.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					76.828.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.146.256
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 82.974.456
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 02/05/2025 06:59:31



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 433425

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 07/05/2025 (kèm theo bảng kê số 1390015831 ngày 07 tháng 05 năm 2025)	kWh	11.000	-	24.357.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					24.357.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.948.592
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 26.305.992
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi sáu triệu ba trăm linh năm nghìn chín trăm chín mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 07/05/2025 14:09:11



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 433482

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2025 từ ngày 08/05/2025 đến ngày 17/05/2025 (kèm theo bảng kê số 1390022369 ngày 17 tháng 05 năm 2025)	kWh	34.000	-	79.256.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					79.256.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.340.512
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 85.596.912
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi lăm triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm mười hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/05/2025 18:34:29



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 520578

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2025 từ ngày 18/05/2025 đến ngày 31/05/2025 (kèm theo bảng kê số 1390337002 ngày 03 tháng 06 năm 2025)	kWh	29.800	-	68.173.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					68.173.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.453.840
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 73.626.840
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi ba triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 03/ 06/ 2025 13:53:22



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 520610

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 07/06/2025 (kèm theo bảng kê số 1393987737 ngày 07 tháng 06 năm 2025)	kWh	5.600	-	12.561.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					12.561.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.004.896
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 13.566.096
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười ba triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm chín mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 08/06/2025 00:09:18



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 520659

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2025 từ ngày 08/06/2025 đến ngày 17/06/2025 (kèm theo bảng kê số 1393992849 ngày 17 tháng 06 năm 2025)	kWh	6.400	-	14.344.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					14.344.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.147.520
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 15.491.520
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười lăm triệu bốn trăm chín mươi một nghìn năm trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 17/06/2025 14:06:22



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-037

Địa chỉ (Address): Số 3, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI - Số TK: 0491000350005 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBK

Số (No): 520734

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 6 năm 2025 từ ngày 18/06/2025 đến ngày 30/06/2025 (kèm theo bảng kê số 1396556774 ngày 30 tháng 06 năm 2025)	kWh	7.400	-	16.524.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					16.524.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.321.936
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 17.846.136
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH OAI  
Ngày ký: 30/ 06/ 2025 12:54:50



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 11

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2025 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 07/07/2025 (kèm theo bảng kê số 1397453606 ngày 08 tháng 07 năm 2025)	kWh	9.600	-	20.427.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					20.427.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.634.208
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 22.061.808
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn tám trăm linh tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 09/07/2025 14:54:10



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 144

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2025 từ ngày 08/07/2025 đến ngày 17/07/2025 (kèm theo bảng kê số 1397461845 ngày 17 tháng 07 năm 2025)	kWh	27.800	-	63.675.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					63.675.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.094.016
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 68.769.216
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 17/07/2025 15:20:07



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 263568

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2025 từ ngày 01/08/2025 đến ngày 07/08/2025 (kèm theo bảng kê số 1401222926 ngày 08 tháng 08 năm 2025)	kWh	27.600	-	62.698.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					62.698.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.015.856
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 67.714.056
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bảy triệu bảy trăm mười bốn nghìn không trăm năm mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 08/08/2025 14:52:10



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 263937

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2025 từ ngày 08/08/2025 đến ngày 17/08/2025 (kèm theo bảng kê số 1401232449 ngày 18 tháng 08 năm 2025)	kWh	38.800	-	89.830.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					89.830.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.186.400
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 97.016.400
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi bảy triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 18/08/2025 10:05:24



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 278385

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2025 từ ngày 18/08/2025 đến ngày 31/08/2025 (kèm theo bảng kê số 1404002794 ngày 03 tháng 09 năm 2025)	kWh	39.600	-	91.694.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					91.694.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.335.552
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 99.029.952
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi chín triệu không trăm hai mươi chín nghìn chín trăm năm mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 03/09/2025 15:29:01



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 526681

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2025 từ ngày 01/09/2025 đến ngày 07/09/2025 (kèm theo bảng kê số 1404577784 ngày 08 tháng 09 năm 2025)	kWh	14.800	-	35.195.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					35.195.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.815.616
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 38.010.816
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi tám triệu không trăm mười nghìn tám trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 08/09/2025 14:31:14



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 526866

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2025 từ ngày 08/09/2025 đến ngày 17/09/2025 (kèm theo bảng kê số 1404582979 ngày 18 tháng 09 năm 2025)	kWh	39.000	-	87.282.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					87.282.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.982.560
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 94.264.560
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 18/09/2025 08:56:02



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 527051

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 9 năm 2025 từ ngày 18/09/2025 đến ngày 30/09/2025 (kèm theo bảng kê số 1405306244 ngày 30 tháng 09 năm 2025)	kWh	38.800	-	88.013.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					88.013.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.041.104
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 95.054.904
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi lăm triệu không trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 30/09/2025 14:50:37



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 790020

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2025 từ ngày 01/10/2025 đến ngày 07/10/2025 (kèm theo bảng kê số 1407952031 ngày 08 tháng 10 năm 2025)	kWh	24.600	-	55.470.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					55.470.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.437.648
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 59.908.248
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi chín triệu chín trăm linh tám nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 08/10/2025 08:56:35



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 790335

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2025 từ ngày 08/10/2025 đến ngày 17/10/2025 (kèm theo bảng kê số 1407955128 ngày 17 tháng 10 năm 2025)	kWh	35.200	-	79.456.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					79.456.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.356.528
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 85.813.128
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi lăm triệu tám trăm mười ba nghìn một trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 17/10/2025 19:26:35



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 971258

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 10 năm 2025 từ ngày 18/10/2025 đến ngày 31/10/2025 (kèm theo bảng kê số 1411210117 ngày 03 tháng 11 năm 2025)	kWh	33.000	-	77.670.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					77.670.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.213.600
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 83.883.600
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi ba triệu tám trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 03/ 11/ 2025 16:07:34



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: NHTMCP An Bình CN Hà Nội



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 09 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 1053498

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 07/11/2025 (kèm theo bảng kê số 1411238600 ngày 09 tháng 11 năm 2025)	kWh	13.200	-	31.354.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					31.354.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.508.384
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 33.863.184
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn một trăm tám mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 09/11/2025 21:49:52



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 1053667

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 11 năm 2025 từ ngày 08/11/2025 đến ngày 17/11/2025 (kèm theo bảng kê số 1411245408 ngày 18 tháng 11 năm 2025)	kWh	17.400	-	40.803.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					40.803.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.264.288
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 44.067.888
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 18/11/2025 14:18:51



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: Ngân hàng ABBANK



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 09 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 1316618

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 12 năm 2025 từ ngày 01/12/2025 đến ngày 07/12/2025 (kèm theo bảng kê số 1414564448 ngày 09 tháng 12 năm 2025)	kWh	8.400	-	18.567.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					18.567.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.485.360
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 20.052.360
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi triệu không trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 09/12/2025 09:15:03



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-033

Địa chỉ (Address): Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN - Số TK: 0491000346008 - Tại NH: Ngân hàng ABBANK



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 09 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCN

Số (No): 1316618

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng

Mã số thuế (Tax code): 0500389063

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD28007200665

Số tài khoản (Account No): 102010000236030 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 12 năm 2025 từ ngày 01/12/2025 đến ngày 07/12/2025 (kèm theo bảng kê số 1414564448 ngày 09 tháng 12 năm 2025)	kWh	8.400	-	18.567.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					18.567.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.485.360
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 20.052.360
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi triệu không trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 09/12/2025 09:15:03



# TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
MST: 0100101114-033  
Số tài khoản: 0491000346008 - Ngân hàng ABBANK

19001288

## THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng

**Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng**

Địa chỉ

Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại

0433978022

Email

hanhnt@dongduocphuchung.com.vn

Mã số thuế

0500389063

Địa chỉ sử dụng điện

Cụm công nghiệp Thanh Oai, Xã Bình Minh, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường  
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm  
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

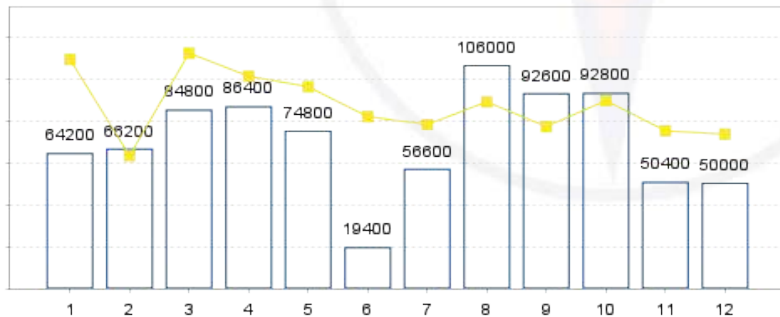
Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

### TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 12/2025 (14 ngày từ 18/12/2025 đến 31/12/2025)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
19096622				
Khung giờ bình thường	200	528	464	12.800
Khung giờ cao điểm	200	207	183	4.800
Khung giờ thấp điểm	200	94	83	2.200
				<b>Tổng: 19.800</b>



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại | ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

### TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.987	12.800	25.433.600
Khung giờ cao điểm	3.640	4.800	17.472.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	2.200	2.860.000
<b>Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)</b>		<b>19.800</b>	
<b>Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)</b>			<b>45.765.600</b>
<b>Thuế suất GTGT</b>			<b>8%</b>
<b>Thuế GTGT (đồng)</b>			<b>3.661.248</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)</b>			<b>49.426.848</b>

Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng.



Mã khách hàng

PD28007200665



Số tiền thanh toán

49.426.848 đồng



Hạn thanh toán

10/01/2026

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

### THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://evnhanoi.vn> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



### THÔNG TIN LIÊN HỆ

#### Trung tâm CSKH EVNHANOI

Địa chỉ: số 69, phố Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Hotline: 19001288

Email: [evnhanoi@evnhanoi.vn](mailto:evnhanoi@evnhanoi.vn)

Facebook: <https://www.facebook.com/Ngoinhaevnhanoi>

Zalo: EVN HANOI - TCT Điện Lực TP Hà Nội

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN  
Ngày ký: 03/01/2026



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 14 tháng 05 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 882649

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 5/2024 (từ ngày 08/04/2024 đến ngày 09/05/2024)			771	SXXD	771	16.000	12.336.000
				Cộng tiền nước:				12.336.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				616.800
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				12.952.800

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:

Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656

Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu chín trăm năm mươi hai nghìn tám trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 14/05/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 289502



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 2/2024 (từ ngày 08/01/2024 đến ngày 07/02/2024)			957	SXXD	957	16.000	15.312.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				15.312.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				765.600
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				16.077.600

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 19/02/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 12 tháng 03 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 467406



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 3/2024 (từ ngày 07/02/2024 đến ngày 08/03/2024)			628	SXXD	628	16.000	10.048.000
				Cộng tiền nước:				10.048.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				502.400
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				10.550.400

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:

Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656

Số tiền bằng chữ: Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 12/03/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 12 tháng 04 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 674943

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 4/2024 (từ ngày 08/03/2024 đến ngày 08/04/2024)			716	SXXD	716	16.000	11.456.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				11.456.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				572.800
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				12.028.800

Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 12/04/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 14 tháng 05 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 882649

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 5/2024 (từ ngày 08/04/2024 đến ngày 09/05/2024)			771	SXXD	771	16.000	12.336.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				12.336.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				616.800
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				12.952.800

Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu chín trăm năm mươi hai nghìn tám trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 14/05/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 12 tháng 06 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 1040133

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 6/2024 (từ ngày 09/05/2024 đến ngày 09/06/2024)			1031	SXXD	1.031	16.000	16.496.000
				Cộng tiền nước:				16.496.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				824.800
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				17.320.800

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:

Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656

Số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 12/06/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 16 tháng 07 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 1267671

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 7/2024 (từ ngày 09/06/2024 đến ngày 09/07/2024)			1005	SXXD	1.005	16.000	16.080.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				16.080.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				804.000
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				16.884.000

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 16/07/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 1440212

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 8/2024 (từ ngày 09/07/2024 đến ngày 09/08/2024)			1198	SXXD	1.198	16.000	19.168.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				19.168.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				958.400
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				20.126.400

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 13/08/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 16 tháng 09 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 1642311

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 9/2024 (từ ngày 09/08/2024 đến ngày 09/09/2024)			1077	SXXD	1.077	16.000	17.232.000
				Cộng tiền nước:				17.232.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				861.600
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				18.093.600

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:

Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656

Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu không trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 16/09/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 11 tháng 10 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 1809148

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 10/2024 (từ ngày 09/09/2024 đến ngày 09/10/2024)			962	SXXD	962	16.000	15.392.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				15.392.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				769.600
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				16.161.600

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 11/10/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 11 tháng 11 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 1965851

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 11/2024 (từ ngày 09/10/2024 đến ngày 09/11/2024)			1245	SXXD	1.245	16.000	19.920.000
				Cộng tiền nước:				19.920.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				996.000
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				20.916.000

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:  
Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 11/11/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 11 tháng 12 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

Số: 2148020

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 12/2024 (từ ngày 09/11/2024 đến ngày 09/12/2024)			761	SXXD	761	16.000	12.176.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				12.176.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				608.800
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				12.784.800

Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 11/12/2024



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 15 tháng 01 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 154341



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 1/2025 (từ ngày 09/12/2024 đến ngày 09/01/2025)			828	SXXD	828	16.000	13.248.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				13.248.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				662.400
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				<b>TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:</b>				<b>13.910.400</b>

Số tiền bằng chữ: Mười ba triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 15/01/2025



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 11 tháng 02 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 241477



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 2/2025 (từ ngày 09/01/2025 đến ngày 09/02/2025)			941	SXXD	941	16.000	15.056.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				15.056.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				752.800
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				15.808.800

Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu tám trăm lẻ tám nghìn tám trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 11/02/2025



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 11 tháng 03 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 495100



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 3/2025 (từ ngày 09/02/2025 đến ngày 09/03/2025)			1010	SXXD	1.010	16.000	16.160.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				16.160.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				808.000
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				16.968.000

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 11/03/2025



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 11 tháng 04 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 676620



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 4/2025 (từ ngày 09/03/2025 đến ngày 09/04/2025)			1115	SXXD	1.115	16.000	17.840.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				17.840.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				892.000
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				18.732.000

Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 11/04/2025



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 09 tháng 05 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 855230



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 5/2025 (từ ngày 09/04/2025 đến ngày 09/05/2025)			948	SXXD	948	16.000	15.168.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				15.168.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				758.400
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				15.926.400

Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 09/05/2025



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 1081684

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân - P.Quang Trung - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 6/2025 (từ ngày 09/05/2025 đến ngày 09/06/2025)			915	SXXD	915	16.000	14.640.000
				Cộng tiền nước:				14.640.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				732.000
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				<b>TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:</b>				<b>15.372.000</b>

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:

Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656

Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 12/06/2025



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 17 tháng 07 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 1290649



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 7/2025 (từ ngày 09/06/2025 đến ngày 09/07/2025)			534	SXXD	534	16.000	8.544.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				8.544.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				427.200
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				<b>TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:</b>				<b>8.971.200</b>

Số tiền bằng chữ: Tám triệu chín trăm bảy mươi một nghìn hai trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 17/07/2025



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 12 tháng 08 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 1458099



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 8/2025 (từ ngày 09/07/2025 đến ngày 10/08/2025)			746	SXXD	746	16.000	11.936.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				11.936.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				596.800
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				12.532.800

Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn tám trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 12/08/2025



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 12 tháng 09 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 1663809



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 9/2025 (từ ngày 10/08/2025 đến ngày 10/09/2025)			1099	SXXD	1.099	16.000	17.584.000
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656				Cộng tiền nước:				17.584.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				879.200
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				18.463.200

Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 12/09/2025



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 13 tháng 10 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 1834217

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984



Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 10/2025 (từ ngày 10/09/2025 đến ngày 09/10/2025)			1530	SXXD	1.530	16.000	24.480.000
				Cộng tiền nước:				24.480.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				1.224.000
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				25.704.000

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:  
Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656

Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 13/10/2025



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 13 tháng 11 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 2049854



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 11/2025 (từ ngày 09/10/2025 đến ngày 09/11/2025)			1073	SXXD	1.073	16.000	17.168.000
				Cộng tiền nước:				17.168.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				858.400
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				18.026.400

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:  
Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656

Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 13/11/2025



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TCN

Số: 2219952



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A phố Nguyễn Trãi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.252.5656

Website: <https://hadowa.vn>

Mã số thuế: 0500237984

[TẢI APP NUOCSACHHD](#)

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

Địa chỉ: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 02433826222

Mã số thuế: 0500389063

Mã ĐVQHNS:

CCCD/Mã định danh:

Mã Khách hàng: 409099

Số hộ sử dụng: 1

Tuyến đọc: 20413

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Chỉ số tháng này	Chỉ số tháng trước	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Định mức tiêu thụ		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
1	Nước tiêu thụ tháng 12/2025 (từ ngày 09/11/2025 đến ngày 09/12/2025)			1129	SXXD	1.129	16.000	18.064.000
				Cộng tiền nước:				18.064.000
				Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:				903.200
				Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:				0
				TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:				18.967.200

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:  
Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7: 0243.252 5656

Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT  
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG  
Ký ngày: 11/12/2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0500389063**

*Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 11 năm 2000*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 16, ngày 18 tháng 11 năm 2025*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: ĐÔNG DƯỢC PHÚC HUNG

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 02433978022

Số Fax: 0433525293

Thư điện tử: *info@dongduocphuchung.com.vn*

Website:

*dongduocphuchung.com.vn*

**3. Vốn điều lệ : 75.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Bảy mươi lăm tỷ đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ VĂN HIỆU	Việt Nam	Số 19/71 Láng Hạ, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	34.500.000.000	46,000	001064702 196	

2	LÊ THỊ THU HƯƠNG	Việt Nam	Số 19/71 Láng Hạ, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	22.740.000.000	30,320	001170019840	
3	ĐỖ TRỌNG THÁI	Việt Nam	Số 19/71 Láng Hạ, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	7.500.000.000	10,000	001099024706	
4	ĐỖ TRỌNG THÔNG	Việt Nam	Số 19/71 Láng Hạ, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	7.500.000.000	10,000	001090022977	
5	ĐẶNG HỮU TÀI	Việt Nam	Ô 06-LK 28, KĐT Mi Văn Phú, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.310.000.000	3,080	001079033243	
6	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	Việt Nam	Số 164 khu phát triển đô thị 4A, Tổ dân phố 7, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	450.000.000	0,600	001060020923	

### 5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

\* Họ, chữ đệm và tên: LÊ THỊ THU HƯƠNG

Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *20/03/1970*

*Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *001170019840*

Chức danh: *Giám đốc*

Địa chỉ liên lạc: *Số 19/71 Láng Hạ, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Số TN: 0549/QTVH/2024/1457/MTX-KQ/HN268/7866

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng  
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng  
3. Địa chỉ : Cụm công nghiệp Thanh Oai, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội  
4. Loại mẫu : Khí thải  
5. Ký hiệu mẫu : KT  
6. Ngày lấy mẫu : 10/04/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT	QCVN 19:2009 /BTNMT (B)
1	Nhiệt độ	°C	US EPA Method 4	136	-
2	Hàm ẩm	%	US EPA Method 04	5,1	-
3	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	74,6	200
4	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT.KT.06.2	63,74	500
5	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT.KT.06.2	0,00	850
6	Carbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT.KT.06.2	279,3	1000
7	Hydro sunphua, H <sub>2</sub> S*	mg/Nm <sup>3</sup>	IS 11255 (part 4)-2016	<0,000034	7,5

**Ghi chú:**

- QCVN 19:2009 /BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.  
- KT (HN268.24T4.KT): Khí thải lò hơi, đo tại lỗ thăm phía sau Cyclon xử lý bụi.  
(\*): Được phân tích bởi thầu phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

  
Nguyễn Thị Hiền



**GIÁM ĐỐC**  
*Liông Văn Ninh*

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 0550/QTVH/2024/1458/MTX-KQ/HN268/7866

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**



- 1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng
- 2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng
- 3. Địa chỉ : Cụm công nghiệp Thanh Oai, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội
- 4. Loại mẫu : Nước thải
- 5. Ký hiệu mẫu : NT
- 6. Ngày lấy mẫu : 10/04/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT	QCVN 40: 2011/BTNMT (B)	QCTDHN 02: 2014/BTNMT (B)
1	pH	-	TCVN 6492:2011 SMEWW 4500 H.B: 2023	8,1	5,5 - 9	5,5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	<LOQ (15)	100	100
3	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD <sub>5</sub>	mg/L	TCVN6001-1:2021	25,3	50	50
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	67,2	150	150
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	34,2	40	40
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,04	6	6
7	Thủy ngân	mg/L	SMEWW 3112B:2023	<0,0005	0,01	0,01
8	Chì	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	0,5	0,5
9	Asen	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	0,1	1
10	Cadimin	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0005	0,1	0,1
11	Nitrit ( NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	<LOQ (0,015)	-	-
12	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	3300	5000	5000
13	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	9,27	10	10

Ghi chú:

- QCVN 40: 2011/BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCTDHN 02:2014/BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội

Cột B quy định giá trị c của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- NT (HN268.24T4.NT): Nước thải đầu ra của công ty.

(\*) : Được phân tích bởi thuê phụ; (\*) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền



Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2024

GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Ninh*

- 1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- 2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- 3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- 4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm









VIMCERTS 258

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT

Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường

Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

### KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00751/2025/MXV-QTMT

1	Tên mẫu	Nước thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu: 250711/NT/061
2	Tên khách hàng	Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng		
3	Địa chỉ	Số 96-98 Nguyễn Việt Xuân, phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam		
4	Địa điểm lấy mẫu	Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội		
5	Người lấy mẫu	Lương Đình Đức, Nguyễn Tuấn Anh, Lê Thế Trường		
6	Phương pháp lấy mẫu	Lấy mẫu theo TCVN		
7	Ngày lấy mẫu: 10/07/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 24/07/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,25	5-9
2.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	24	100
3.	COD	mg/l	SMEWW 5220C: 2017	12,8	-
4.	BOD5	mg/l	TCVN 6001-1:2008	6,3	50
5.	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	17,9	-
6.	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	0,19	-
7.	Thủy Ngân*	mg/l	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL = 0,0003)	-
8.	Chì (Pb)*	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,03)	-
9.	Asen*	mg/l	SMEWW3114B:2023	KPH (MDL = 0,001)	-
10.	Cd*	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,004)	-
11.	Nitrit	mg/l	TCVN 6178:1996	0,43	-
12.	Amoni	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,26	10
13.	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221:2017	350	5000

#### Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

NT: Mẫu nước thải lấy tại HT đường ống nước thải nhà máy. Tọa độ: X 2315093; Y 578506.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 24/07/2025

Trang: .../...

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QT MT trực tiếp lấy mẫu
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QT MT
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258





VIMCERTS 258

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT**

**Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường**

Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh  
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

(-) Không quy định.

(\*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát – Vimcerts 316.

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 07 năm 2025

**TM. NHÓM PHÂN TÍCH**

Nguyễn Thị Mến



**GIÁM ĐỐC**

**GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Đăng Như*



1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QT MT trực tiếp lấy mẫu
2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QT MT
3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258



VIMCERTS 258

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT**  
**Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường**  
 Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh  
 SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

## KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00752/2025/MXV-QTMT

1	Tên mẫu	Khí thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: 250711/KT/057
2	Tên khách hàng	Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng		
3	Địa chỉ	Số 96-98 Nguyễn Việt Xuân, phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam		
4	Địa điểm lấy mẫu	Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội		
5	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức, Lê Thế Trường		
6	Phương pháp lấy mẫu	Lấy mẫu theo TCVN		
7	Ngày lấy mẫu: 10/07/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 24/07/2025		

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	
				KT	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
1.	Nhiệt độ	°C	MXV/PPNB 05	93,2	-
2.	Hàm ẩm	%	US EPA Method 4	2,2	-
3.	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	35,2	200
4.	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	MXV/PPNB07	0	500
5.	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	MXV/PPNB09	226,5	1000
6.	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	MXV/PPNB08	26,3	850
7.	H <sub>2</sub> S*	mg/Nm <sup>3</sup>	JIS K0108:2010	1,99	7,5

**Ghi chú:**

Vị trí lấy mẫu:

KT: Mẫu khí thải nổi hơi;

Tọa độ: Y 578508; X 2315067.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.  
 Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- + Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;
- + Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

(-) Không quy định.

(\*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát- Vimcerts 316  
 Bắc Ninh, ngày 24 tháng 07 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Mên



GIÁM ĐỐC  
 Vũ Đăng Như

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 24/07/2025

Trang: .../...

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QT MT trực tiếp lấy mẫu
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QT MT
- Các chỉ tiêu đấng ký như hợp theo Vimcerts 258

Số TN: 1864/QTVH/2025/4238/BPT/MTX-KQ/HN268/1444

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Đông được Phúc Hưng  
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Đông được Phúc Hưng  
3. Địa chỉ : Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bình Minh, Thành phố Hà Nội  
4. Loại mẫu : Khí thải  
5. Ký hiệu mẫu : KT  
6. Ngày lấy mẫu : 11/12/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT	QCVN 19:2009 /BTNMT (B)
1	Nhiệt độ	°C	US EPA Method 4	63	-
2	Hàm ẩm	%	US EPA Method 04	4,8	-
3	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	53,4	200
4	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	MTX.HT.KT-06.1 & MTX. HT.KT.06.2	44,36	500
5	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	MTX.HT.KT-06.1 & MTX. HT.KT.06.2	39,4	850
6	Hydro sunphua, H <sub>2</sub> S*	mg/Nm <sup>3</sup>	IS 11255 (part 4) 2016	<3	7,5

Ghi chú:

- QCVN 19:2009 /BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.  
- KT (HN268.25Q4.KT): Khí thải lò hơi, đo tại lỗ thăm phía sau Cyclon xử lý bụi.  
(\*): Được phân tích bởi thầu phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo



GIÁM ĐỐC  
*Lương Văn Ninh*

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc đo mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 1865/QTVH/2025/4239/BPT/MTX-KQ/HN268/1444

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng  
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng  
3. Địa chỉ : Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bình Minh, Thành phố Hà Nội  
4. Loại mẫu : Nước thải  
5. Ký hiệu mẫu : NT  
6. Ngày lấy mẫu : 11/12/2025



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT	QCVN 40:2025 /BTNMT (B- F1)
1	Màu	Pt-Co	TCVN 6185C:2015	32,1	≤ 100
2	pH	-	TCVN 6492:2011 SMEWW 4500 H'.B:2023	7,3	6 - 9
3	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD <sub>5</sub>	mg/L	TCVN6001-1:2021	17,5	≤ 60
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	30,4	≤ 90
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	<LOQ (15)	≤ 80
6	Asen	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	≤ 0,25
7	Sắt	mg/L	TCVN 6177:1996	0,10	≤ 10
8	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,05	≤ 0,5
9	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<LOQ (0,09)	≤ 10
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	9,3	≤ 40
11	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,37	≤ 2,5
12	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/L	TCVN 6194:1996	24,1	≤ 1000
13	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	580	≤ 5000

**Ghi chú:**

- QCVN 40:2025 /BTNMT (B- F1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (F≤2000 m<sup>3</sup>/ngày đêm) - Cột B cho nguồn tiếp nhận có mục đích quản lý, cải thiện môi trường (Mức B, Bảng 2, Bảng 3 QCVN 08:2023/ BTNMT).  
- NT (HN268.25Q4.NT): Nước thải sau xử lý của công ty.  
(\*): Được phân tích bởi thầu phụ; (\*) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG XANH

GIÁM ĐỐC

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

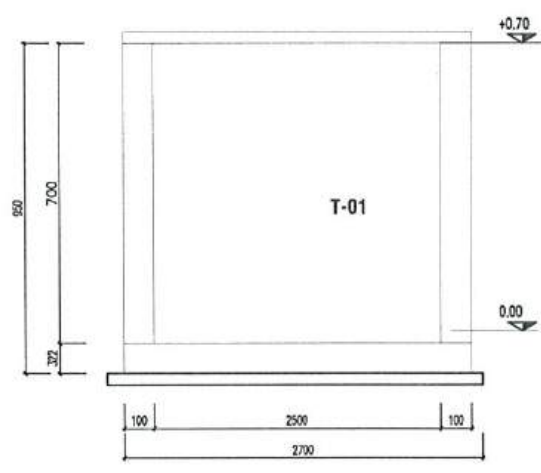


BẢN VẼ HOÀN CÔNG  
NGÀY: 8.12.2025

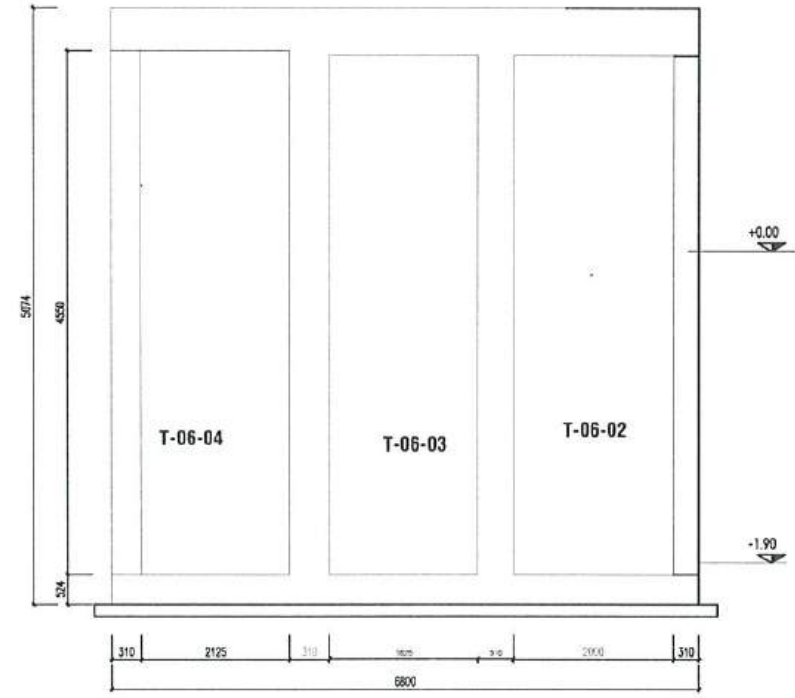
NGƯỜI LẬP  
*Tuấn*  
NGUYỄN VĂN TUẤN



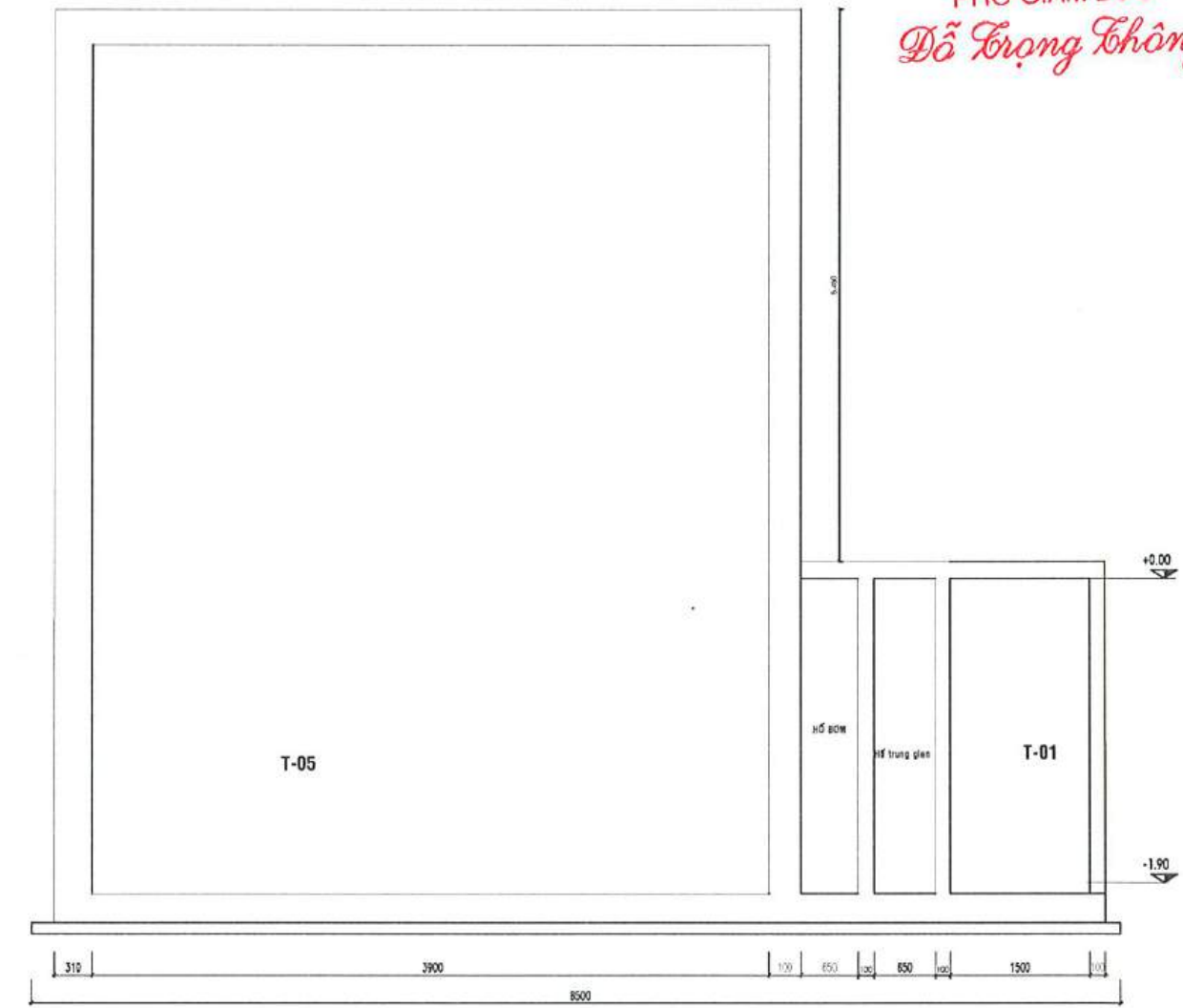
PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Đỗ Trọng Thông*



MẶT CẮT C-C



MẶT CẮT D-D



MẶT CẮT E-E

CHỈ THÍCH BẾ			
T-01	BỂ GOM	T-07	BỂ HIỆU KH 2
T-02	BỂ ĐIỀU HÒA	T-08	BỂ HIỆU KH 3
T-03	BỂ NÉO TỤ, TẠO BÔNG	T-09	BỂ LẮNG
T-04	BỂ KỸ KHÍ	T-10	BỂ KHỬ TRÙNG
T-05	BỂ THỂ KHÍ	T-11	BỂ CHỮA BỤN
T-06	BỂ HIỆU KH 1	T-01	NHÀ ĐẶT MÁY THỜI KH

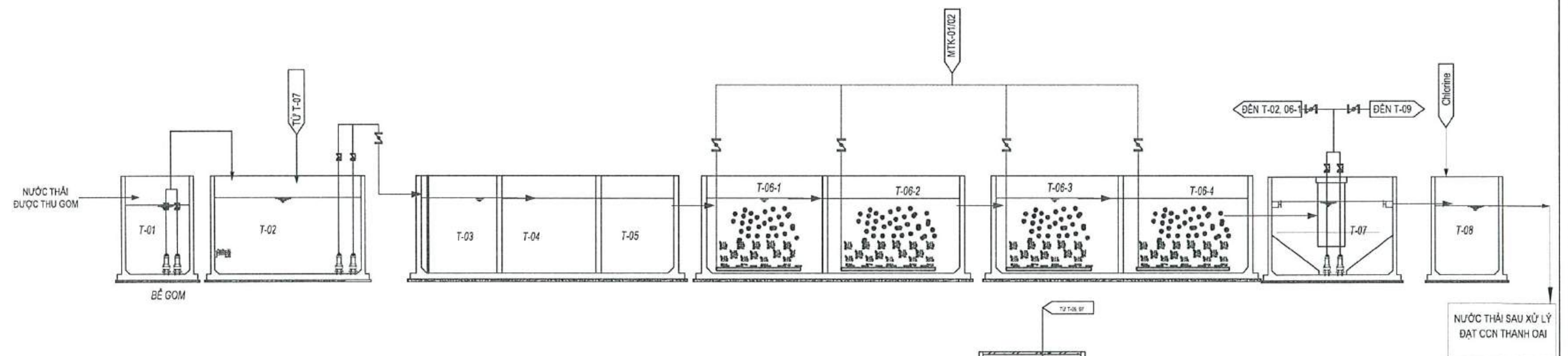
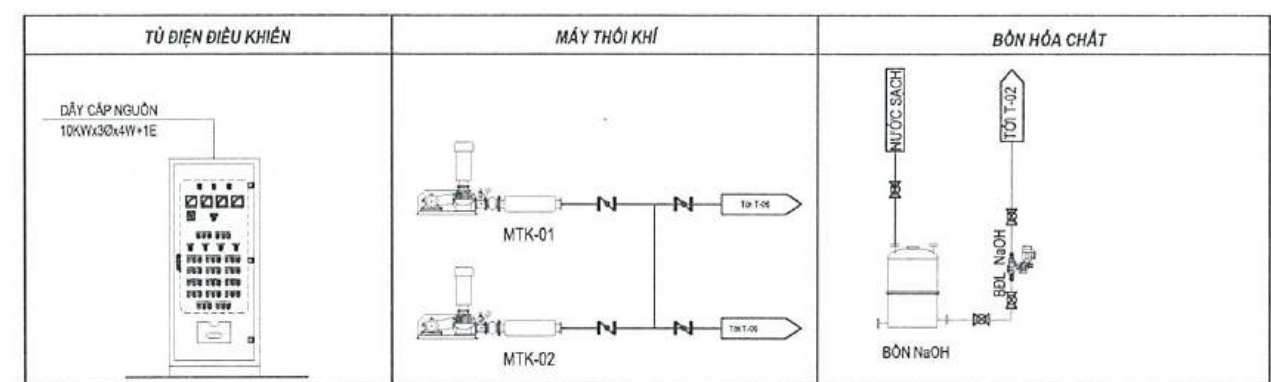
CHỦ ĐẦU TƯ	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUẤN	TÊN CƠ SỞ:	CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG	MÃ SỐ BẢN VẼ:	TKTC
CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG	THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUẤN	TÊN BẢN VẼ:	MẶT CẮT C-C, D-D, E-E	TỶ LỆ:	
Đ.C. CCN THANH OAI, XÃ BÌNH MINH, TP. HÀ NỘI	SƠÁT XÉT: ĐỖ TRỌNG THÔNG				
	PHÊ DUYỆT: ĐỖ TRỌNG THÔNG				

BẢN VẼ HOÀN CÔNG  
 NGÀY 8.12.2025

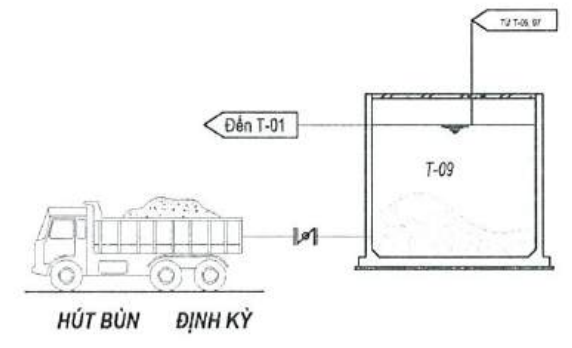
NGƯỜI LẬP  
*Tuan*  
 NGUYỄN VĂN TUẤN



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Đỗ Trọng Thông*



- GHI CHÚ**
- : ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
  - : ĐƯỜNG NƯỚC TUẦN HOÀN
  - : ĐƯỜNG Bùn TUẦN HOÀN
  - : ĐƯỜNG Bùn
  - : ĐƯỜNG Bùn THẢI
  - : ĐƯỜNG KHÍ
  - : ĐƯỜNG HÓA CHẤT



CHÚ THÍCH BỂ			
T-01	BỂ GOM	T-06-2	BỂ HIẾU KHÍ 2
T-02	BỂ ĐIỀU CHỈNH PH	T-06-3	BỂ HIẾU KHÍ 3
T-03	BỂ KỸ KHÍ 1	T-06-4	BỂ HIẾU KHÍ 4
T-04	BỂ TRUNG GIAN	T-07	BỂ LẮNG
T-05	BỂ KỸ KHÍ 2	T-08	BỂ KHỬ TRÙNG
T-06-1	BỂ HIẾU KHÍ 1	T-09	BỂ CHỨA BÙN

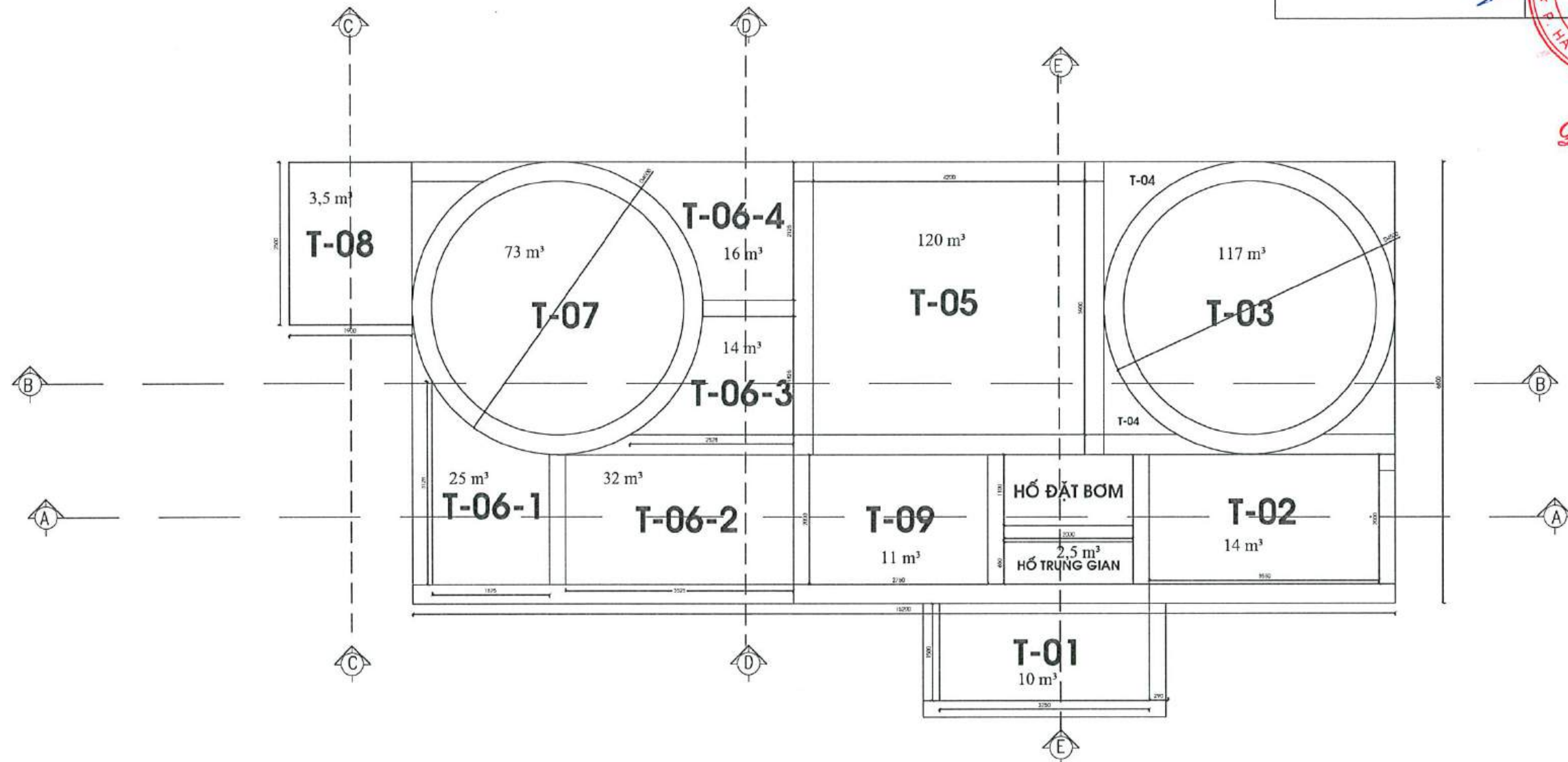
CHỦ ĐẦU TƯ <b>CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG</b>	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUẤN	TÊN CƠ SỞ: CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG	MÃ SỐ BẢN VẼ: TKTC
	THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUẤN	TÊN BẢN VẼ: <b>SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI</b>	TỶ LỆ:
Đ C: CCN THANH OAI, XÃ BÌNH MINH, TP. HÀ NỘI	SOÁT XÉT: ĐỖ TRỌNG THÔNG		
	PHÊ DUYỆT: ĐỖ TRỌNG THÔNG		

BẢN VẼ HOÀN CÔNG  
NGÀY: 8-12-2025

NGƯỜI LẬP  
*Tuân*  
NGUYỄN VĂN TUÂN



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Đỗ Trọng Thông*



CHÚ THÍCH BỂ

T-01	BỂ GOM	T-06-2	BỂ HIỆU KHÍ 2
T-02	BỂ ĐIỀU CHỈNH PH	T-06-3	BỂ HIỆU KHÍ 3
T-03	BỂ KỸ KHÍ 1	T-06-4	BỂ HIỆU KHÍ 4
T-04	BỂ TRUNG GIAN	T-07	BỂ LĂNG
T-05	BỂ KỸ KHÍ 2	T-08	BỂ KHỬ TRÙNG
T-06-1	BỂ HIỆU KHÍ 1	T-09	BỂ CHỨA BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ	CHỦ TRÍ THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUÂN	TÊN CÔNG SỞ:	CÔNG TY TNHH ĐỒNG DƯỢC PHÚC HƯNG	MÃ SỐ BẢN VẼ:	TKTC
CÔNG TY TNHH ĐỒNG DƯỢC PHÚC HƯNG	THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUÂN	TÊN BẢN VẼ:	<b>MẶT BẰNG TỔNG THỂ BỂ</b>	TỶ LỆ:	
Đ. C: CCN THANH OAI, XÃ BÌNH MINH, TP. HÀ NỘI	SOÁT XÉT: ĐỖ TRỌNG THÔNG				
	PHÊ DUYỆT: ĐỖ TRỌNG THÔNG				

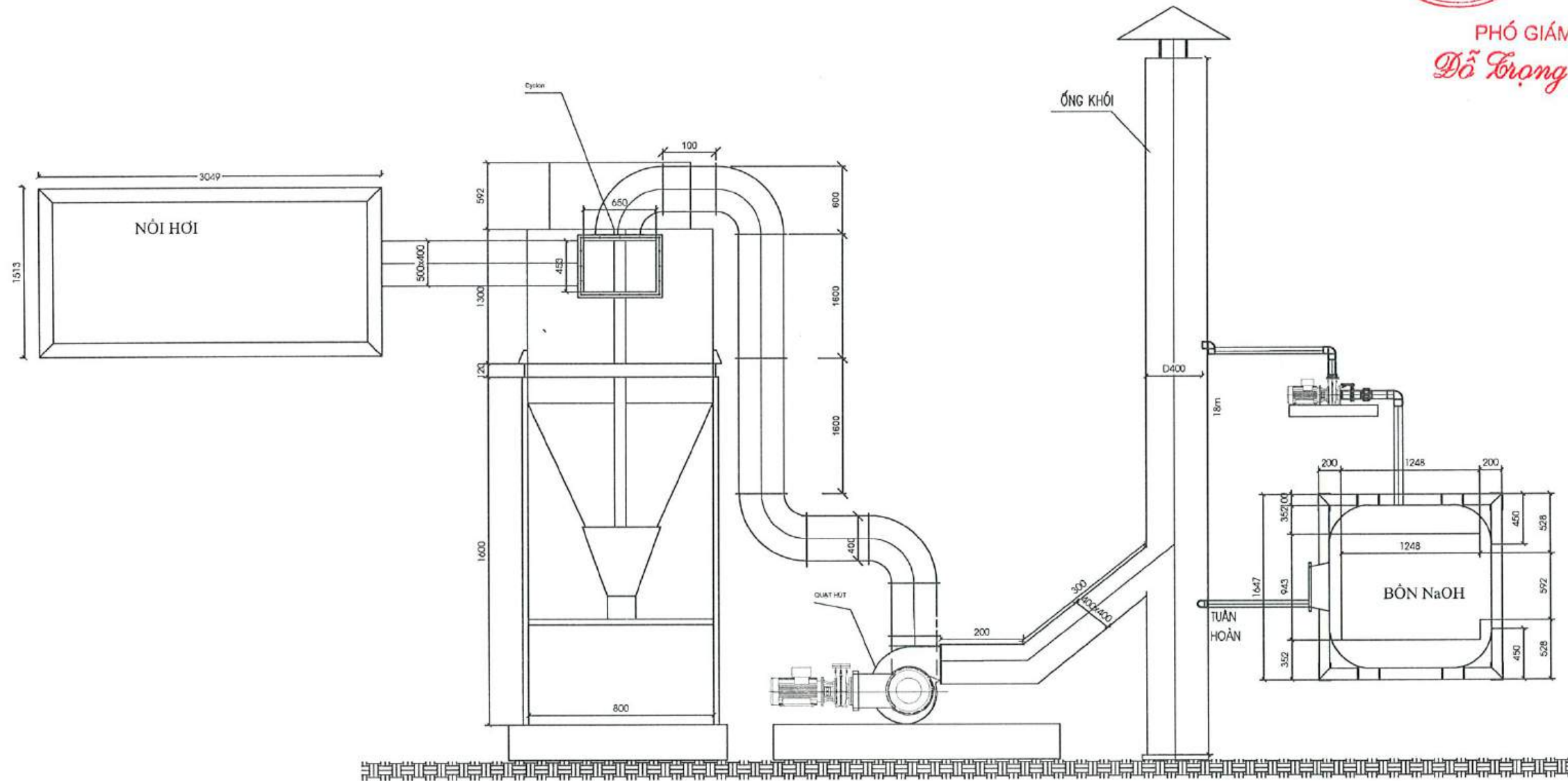
BẢN VẼ HOÀN CÔNG  
NGÀY: 8.12.2025

NGƯỜI LẬP  
*Tuân*  
NGUYỄN VĂN TUÂN

CHỖ ĐÁU TỬ



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Đỗ Trọng Khôn*



CHỦ ĐẦU TƯ	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUÂN	TÊN CƠ SỞ:	CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG	MÃ SỐ BẢN VẼ:
CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG	THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUÂN	TÊN BẢN VẼ:	HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NỒI HƠI	TKTC
Đ.C. CCN THANH OAI, XÃ BÌNH MINH, TP. HÀ NỘI	SỐÁT XÉT: ĐỖ TRỌNG THÔNG			TỶ LỆ:
	PHÊ DUYỆT: ĐỖ TRỌNG THÔNG			

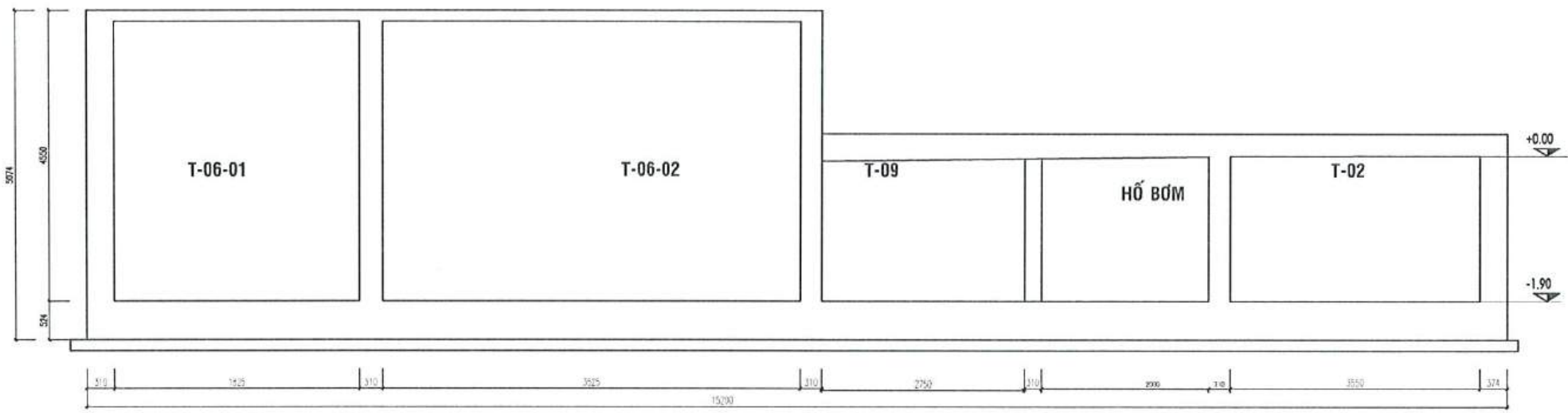
BẢN VẼ HOÀN CÔNG  
 NGÀY: 8.12.2025

NGƯỜI LẬP  
*Tuấn*  
 NGUYỄN VĂN TUẤN

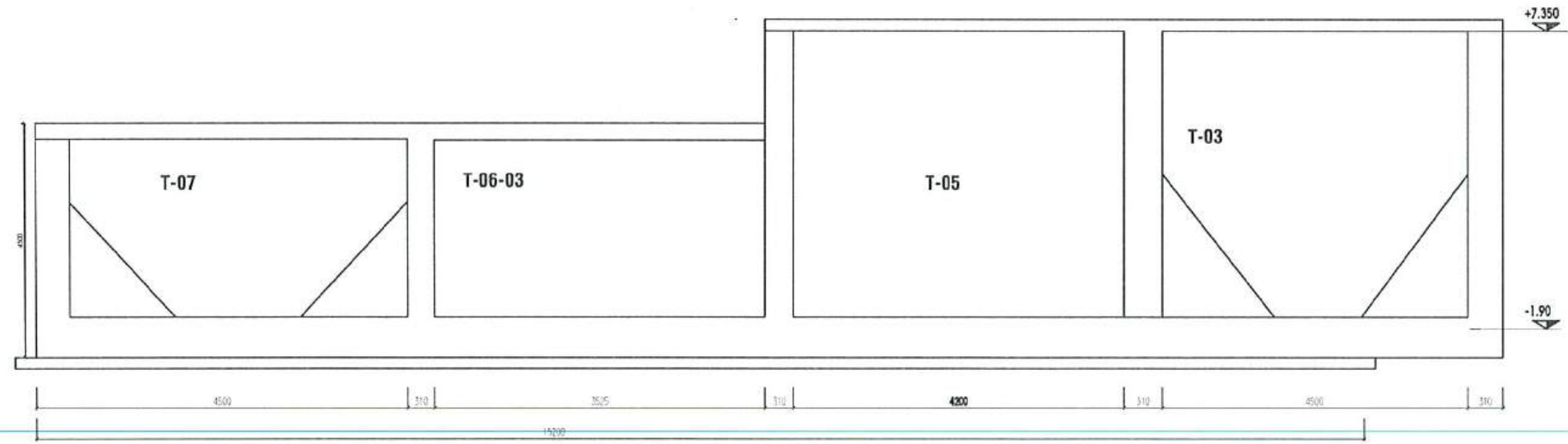
CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Đỗ Trọng Thông*



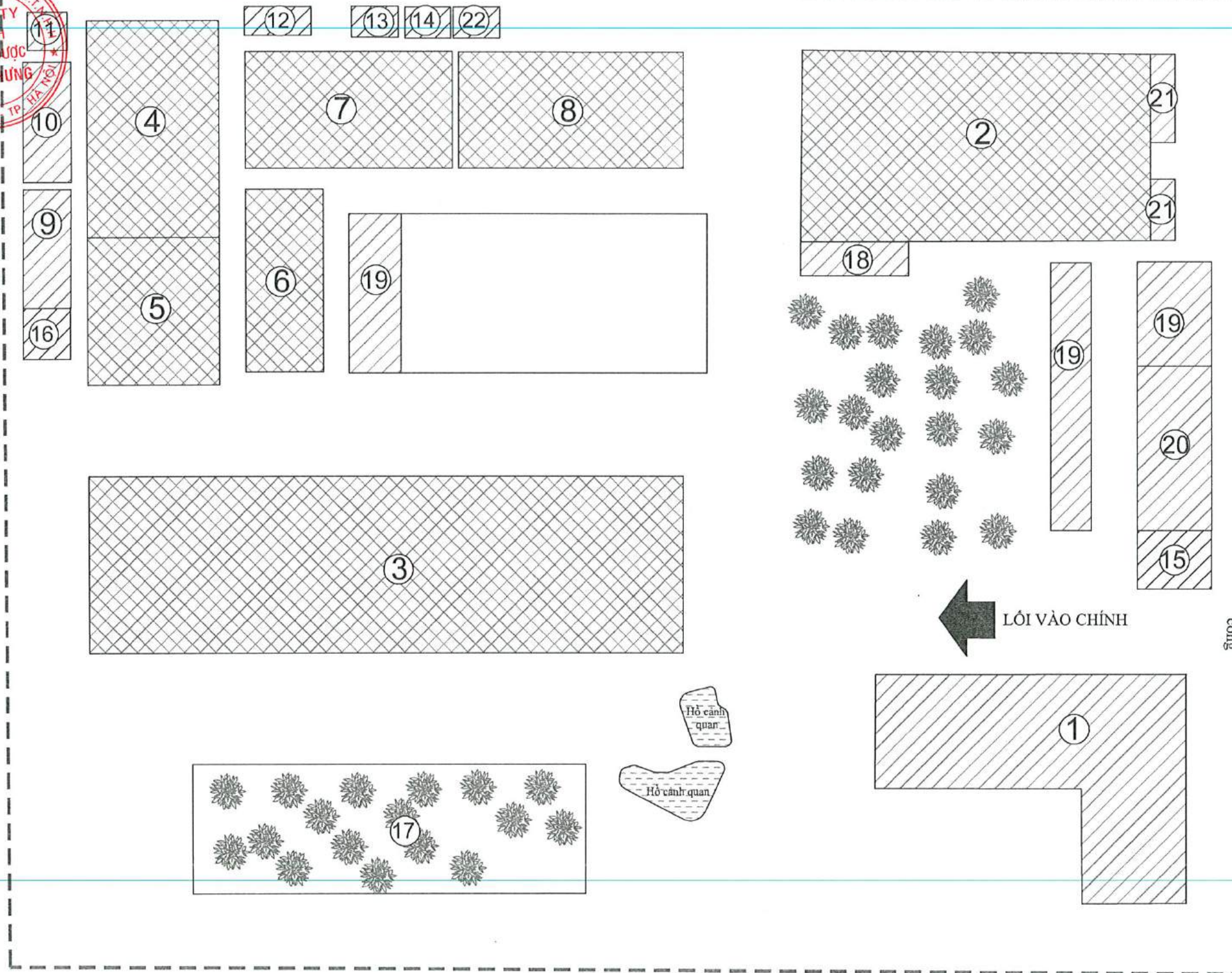
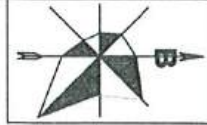
**MẶT CẮT A-A**



**MẶT CẮT B-B**

CHỮ THÍCH BẾ			
T-01	BỂ GOM	T-07	BỂ HỒU KHU 2
T-02	BỂ ĐIỀU HÒA	T-08	BỂ HỒU KHU 3
T-03	BỂ KÉO TỤ, TẠO ĐỒNG	T-09	BỂ LẮNG
T-04	BỂ KỸ KHÍ	T-10	BỂ KHỬ TRÙNG
T-05	BỂ THIẾU KHÍ	T-11	BỂ CHỨA BÙN
T-06	BỂ HỒU KHU 1	N01	NHÀ ĐÁT MÁT THỜI KHÍ

CHỦ ĐẦU TƯ	CHỦ TRỊ THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUẤN	TÊN CƠ SỞ:	CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG	MÃ SỐ BẢN VẼ:	TKTC
CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG	THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUẤN	TÊN BẢN VẼ:	MẶT CẮT A-A, B-B	TỶ LỆ:	
Đ/C: CCN THANH OAI, XÃ BÌNH MINH, TP. HÀ NỘI	SOÁT XÉT: ĐỖ TRỌNG THÔNG				
	PHÊ DUYỆT: ĐỖ TRỌNG THÔNG				



**GHI CHÚ:**

KÍ HIỆU	HẠNG MỤC
①	Nhà văn phòng
②	Xưởng 1
③	Xưởng 2
④	Sơ chế
⑤	Chiết xuất
⑥	Kho vật liệu
⑦	Kho dược liệu
⑧	Kho phụ liệu, bếp ăn
⑨	Nồi hơi, khu vực XLKT
⑩	HTXLNT
⑪	Bể dự phòng cứu hỏa
⑫	Máy phát điện
⑬	Kho CTNH
⑭	Kho CTCN
⑮	Nhà bảo vệ
⑯	Khu vực lưu giữ CTSH
⑰	Vườn dược liệu
⑱	Nhà lọc RO
⑲	Nhà để xe
⑳	Phòng phụ trợ (thay đồ, pccc, dụng cụ)
㉑	Khu vực đặt máy nén khí
㉒	Kho cơ điện

5trục

Hồ cảnh quan

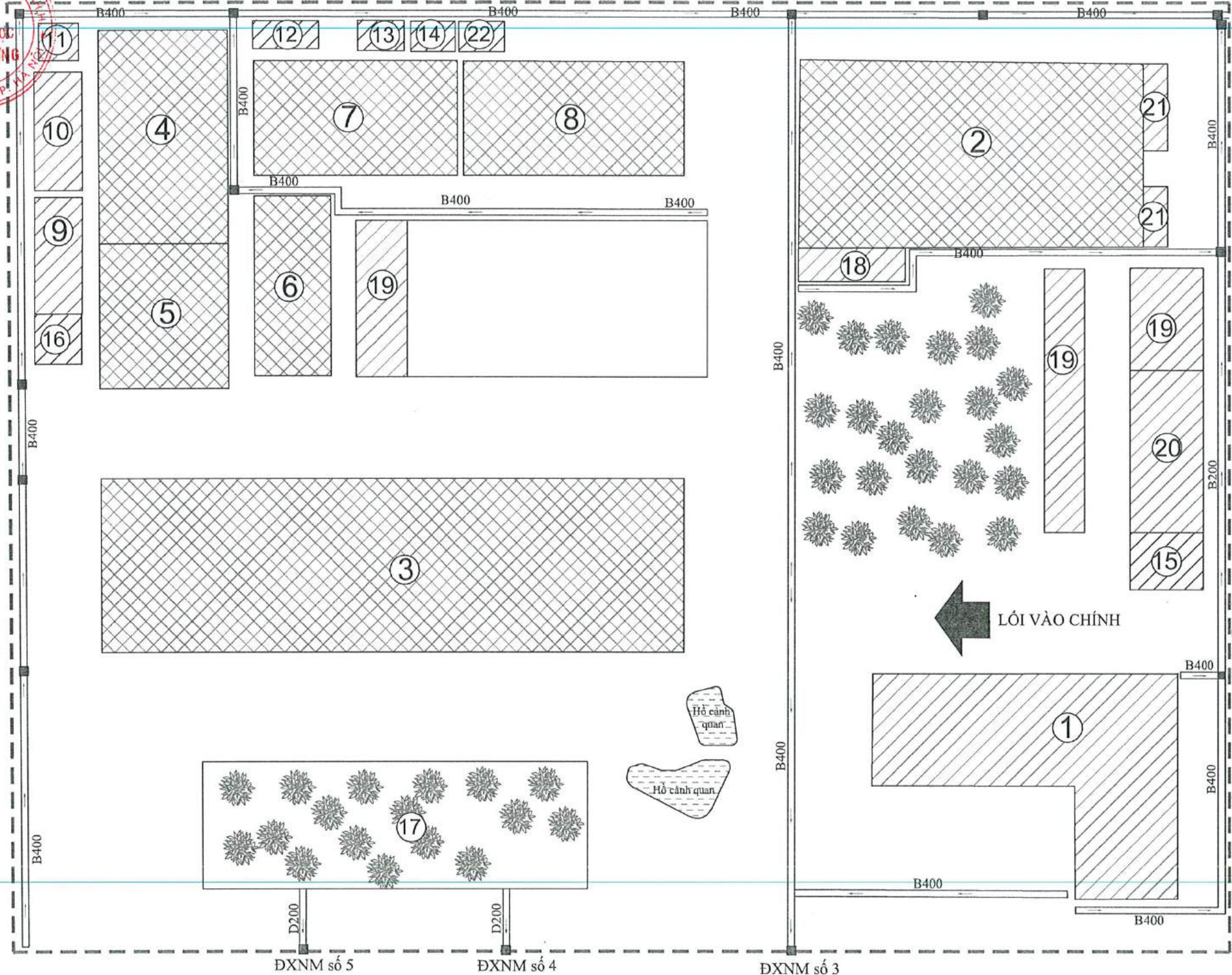
Hồ cảnh quan

**CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG**

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ:  
"NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG"

**BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG VÀ VỊ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Tỷ lệ	Hoàn thành	GPMT - ĐD - 01
	2026	



GHI CHÚ:

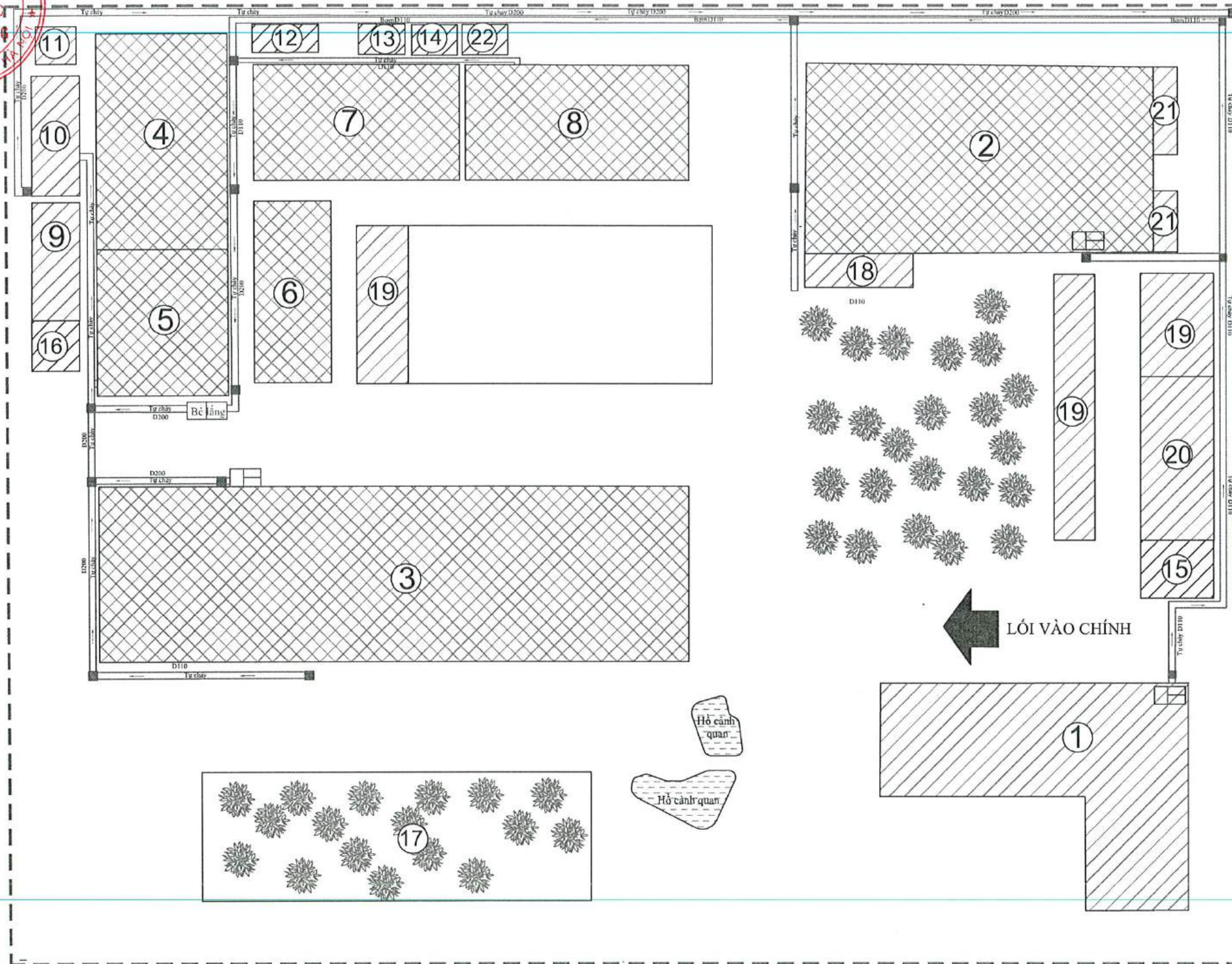
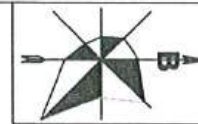
KÍ HIỆU	HẠNG MỤC
①	Nhà văn phòng
②	Xưởng 1
③	Xưởng 2
④	Sơ chế
⑤	Chiết xuất
⑥	Kho vật liệu
⑦	Kho dược liệu
⑧	Kho phụ liệu, bếp ăn
⑨	Nồi hơi, khu vực XLKT
⑩	HTXLNT
⑪	Bể dự phòng cứu hỏa
⑫	Máy phát điện
⑬	Kho CTNH
⑭	Kho CTCN
⑮	Nhà bảo vệ
⑯	Khu vực lưu giữ CTSH
⑰	Vườn dược liệu
⑱	Nhà lọc RO
⑲	Nhà để xe
⑳	Phòng phụ trợ (thay đồ, pccc, dụng cụ)
㉑	Khu vực đặt máy nén khí
㉒	Kho cơ điện

CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ:  
"NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG"

BẢN ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA

Tỷ lệ	Hoàn thành	GPMT - DD - 02
	2026	



ĐXNT

**GHI CHÚ:**

KÍ HIỆU	HẠNG MỤC
①	Nhà văn phòng
②	Xưởng 1
③	Xưởng 2
④	Sơ chế
⑤	Chiết xuất
⑥	Kho vật liệu
⑦	Kho dược liệu
⑧	Kho phụ liệu, bếp ăn
⑨	Nồi hơi, khu vực XLKT
⑩	HTXLNT
⑪	Bể dự phòng cứu hỏa
⑫	Máy phát điện
⑬	Kho CTNH
⑭	Kho CTCN
⑮	Nhà bảo vệ
⑯	Khu vực lưu giữ CTSH
⑰	Vườn dược liệu
⑱	Nhà lọc RO
⑲	Nhà để xe
⑳	Phòng phụ trợ (thay đồ, pccc, dụng cụ)
㉑	Khu vực đặt máy nén khí
㉒	Kho cơ điện

**CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG**

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ:  
"NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG"

**BẢN ĐỒ THOÁT NƯỚC THẢI**

Tỷ lệ	Hoàn thành	GPMT - DD - 03
	2026	